



VNPT EPAY

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KẾT NỐI CÔNG THANH TOÁN MEGAPAY



1 Lịch sử thay đổi

| Ngày | Người thực hiện | Version | Nội dung |
|------------|-------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01/12/2018 | Bùi Văn Luận | 1.0 | Tạo mới tài liệu |
| 21/03/2019 | Nguyễn Minh Huân | 1.1 | Sửa đổi một số trường bắt buộc/không bắt buộc |
| 03/04/2019 | Nguyễn Minh Huân | 1.2 | Bỏ những mã lỗi không sử dụng |
| 05/04/2019 | Bùi Văn Luận | 1.2.1 | - Bổ sung mã lỗi OR_140, DC_122, DC_123, DC_124, DC_125, VA_112, VA_113 - Bổ tham số encodeKey trong hàm Truy vấn giao dịch |
| 16/04/2019 | Bùi Văn Luận | 1.2.2 | - Bổ sung mã lỗi thất bại: PG_ER2, PG_ER3, PG_ER4, PG_ER5 - Bắt buộc nhập trường "description" trong message thanh toán |
| 18/04/2019 | Nguyễn Minh Huân | 1.2.2 | Sửa trường userIP từ không bắt buộc thành bắt buộc |
| 16/05/2019 | Bùi Văn Luận | 1.2.3 | - Không bắt buộc với các trường: buyerCountry, buyerCity, buyerAddr - Bổ sung mã lỗi: OR_147 – Sai mô tả (description) |
| 23/05/2019 | Bùi Văn Luân | 1.2.3 | Bổ sung mô tả cho hình thức thanh toán Deposit code |
| 11/06/2019 | Bùi Văn Luận | 1.2.4 | Bổ sung mã lỗi chi tiết cho các trường hợp giao dịch thất bại (PG_ER7 đến PG_ER30) |
| 20/08/2019 | Bùi Văn Luận | 1.2.5 | - Bổ sung mã lỗi OR_122, OR_148 - Bổ sung resultCd vào công thức sinh merchant token - Bổ sung timeStamp và merchantToken cho response hàm Truy vấn giao dịch - Thay đổi định dạng message response refund |
| 17/09/2019 | Bùi Văn Luận | 1.2.6 | - Bổ sung thanh toán bằng tokenization - Thay đổi công thức sinh merchantToken thanh toán nếu sử dụng tokenization: Bổ sung trường payToken - Thay đổi công thức sinh merchantToken phản hồi Thanh toán, IPN, Truy vấn giao dịch nếu sử dụng tokenization: Bổ sung trường payToken - Bổ sung mã lỗi IC_122, IC_123, IC_124, OR_150, OR_151, OR_152, OR_153 - Chức năng truy vấn giao dịch: Loại bỏ các trường có dữ liệu NULL ra khỏi chuỗi json trả về - Thêm tham số bankCode vào hàm Thanh toán |
| 15/11/2019 | Bùi Văn Luận | 1.2.7 | Bổ sung hàm thanh toán Tokenization sử dụng API trực tiếp |
| 07/01/2020 | Bùi Văn Luận | 1.2.7 | - Bổ sung hàm Thanh toán bằng tokenization thông qua API - Trả về issueBankName, cardType khi thanh toán thẻ Quốc tế thành công (redirect và IPN) - Bổ sung mã lỗi DC_125 |
| 01/04/2020 | Nguyễn Thanh Tùng | 1.2.8 | - Bổ sung field cardTypeValue và cardTypeToken khi thanh toán - Bổ sung mã lỗi IC_127, IC_128, IC_129 |
| 04/05/2020 | Trần Tuấn Đạt | 1.2.9 | - Sửa mục lục 4.1 và 4.2: Thanh toán ATM token |
| 26/06/2020 | Trần Tuấn Đạt | 1.3.0 | Mục 4.2: Mô tả validate merchantToken khi merchant nhận được kết quả từ MegaPay |
| 28/07/2020 | Nguyễn Thanh Tùng | 1.3.1 | Thêm paytype EW ví điện tử vào khi thanh toán Thay đổi status khi inquiry kết quả giao dịch Bổ sung trường subappid trong mục 4.1 thanh toán request |
| 23/10/2020 | Bùi Văn Luận | 1.3.2 | Bổ sung mô hình kết nối |
| 11/12/2020 | Đương Văn Hùng | 1.3.3 | Bổ sung phương thức thanh toán mới: Ví Momo Bổ sung mã lỗi PG_ER42, PG_ER43 |
| 15/12/2020 | Nguyễn Thanh Tùng | 1.3.4 | Bổ sung mã lỗi phần ví(từ số 158 đến 188) |
| 16/12/2020 | Đương Văn Hùng | 1.3.4 | Bổ sung phương thức thanh toán trả góp |
| 11/03/2021 | Trần Trọng Đạt | 1.3.5 | Thêm payOption = PAY_CREATE TOKEN |
| 18/03/2021 | Trần Trọng Đạt | 1.3.5 | Bổ sung thêm 2 mã lỗi OR_164, OR_165 |
| 19/05/2021 | Đương Văn Hùng | 1.3.5 | - Xóa tham số trong Request: userFee, goodsAmount - Bổ sung tham số trong Response: userFee - Bổ sung mã ngân hàng trả góp: FECM: FE credit HMCM: Home credit |
| 06/08/2021 | Đương Văn Hùng | 1.3.6 | - Bổ sung API delete token - Bổ sung payOption ở response (IPN) và Inquiry |



| | | | |
|------------|-------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | <ul style="list-style-type: none">- Bổ sung chữ ký với merchant sử dụng user chịu phí ở response- Bổ sung trường cardEnroll3DS ở các response |
| 30/08/2021 | Nguyễn Thanh Tùng | 1.3.7 | <ul style="list-style-type: none">Bổ sung phương thức thanh toán mới: Ví MocaBổ sung mã lỗi MC_1 -> MC_19 |
| 06/10/2021 | Đương Văn Hùng | 1.3.8 | <ul style="list-style-type: none">- Bổ sung thêm mã lỗi: OR_159 -> OR_173, DC_127 -> DC_130, PG_ER31 -> PG_ER32 |
| 08/11/2021 | Đinh Quốc Cường | 1.3.8 | <ul style="list-style-type: none">- Bổ sung thêm mã lỗi: IC_130 -> IC_139, IC_140 -> IC_145, OR_174, IC_146, DC_131 -> DC_135, OR_175 |
| 14/12/2021 | Đương Văn Hùng | 1.3.9 | <ul style="list-style-type: none">- Bổ sung thanh toán Trả góp qua API:<ul style="list-style-type: none">+ Mục 5.1 bổ sung thêm trường termIs, sửa thông tin trường bankCode, amount+ Bổ sung API lấy thông tin trả góp mục 11+ Bổ sung mã lỗi IS_001- Bổ sung trường: subMerId |
| 18/01/2022 | Đương Văn Hùng | 1.4.0 | <ul style="list-style-type: none">- Bổ sung API check thông tin kết nối cho merchant- Callback, IPN bổ sung trường: iclssue |
| 03/03/2022 | Đương Văn Hùng | 1.4.1 | <ul style="list-style-type: none">- Danh sách mã lỗi bổ sung thêm mã 00_005 (Giao dịch đã mapping với tài khoản Dcode thành công, nhưng enduser chưa nộp tiền)- Bổ sung thêm phương thức thanh toán VNPAYQR- Bổ sung thêm bank CFCM (Công ty Tài chính cầ phần Tín Việt)- Đổi tên phương thức: Virtual Account --> Deposit code- Bổ sung thêm ví mới : ViettelPay, ShopeePay |
| 04/01/2022 | Đương Văn Hùng | 1.4.2 | <ul style="list-style-type: none">- Phần request (mục 5.1) bổ sung thêm các tham số sau: site, soldToCode, productCategory- Phần request (mục 5.1) bổ sung list object: productList- Ở mục 8 nội dung refund bổ sung list object: refundData- Bổ sung thêm mã lỗi của Viettel Money: VT_01 -> VT_13 (ở mục 15)- Thẻ quốc tế bổ sung luồng thanh toán 2 bước, chi tiết ở mục 5, 6, 9, và 14- Thay đổi domain của môi trường sandbox: bỏ port trong domain- Bổ sung thêm mã lỗi: IC_147, IC_148, IC_149- Bổ sung thêm 2 bank mới của thẻ ATM: KEHB, KEHC |



2 Mục lục

| | | |
|-------|---------------------------------------------------------|----|
| 1 | Lịch sử thay đổi | 2 |
| 2 | Mục lục | 4 |
| 3 | Mô hình kết nối | 6 |
| 3.1 | Thanh toán thường | 6 |
| 3.2 | Thanh toán và tạo token | 7 |
| 3.3 | Thanh toán bằng token | 8 |
| 4 | Thông tin hệ thống test | 9 |
| 4.1 | Thông tin Merchant | 9 |
| 4.2 | Danh sách thẻ test | 9 |
| 5 | Thanh toán (payment) | 9 |
| 5.1 | Request | 9 |
| 5.2 | Response | 18 |
| 5.2.1 | Redirect | 19 |
| 5.2.2 | Gửi thông báo qua API cho Merchant (IPN) | 23 |
| 6 | Thanh toán bằng Tokenization (API trực tiếp) | 28 |
| 6.1 | Request | 28 |
| 6.2 | Response | 29 |
| 7 | Giao dịch thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền | 31 |
| 8 | Giao dịch Hoàn tiền (Refund) | 32 |
| 8.1 | Request | 32 |
| 8.2 | Response | 34 |
| 9 | Truy vấn thông tin giao dịch (Inquiry) | 35 |
| 9.1 | Request | 35 |
| 9.2 | Response | 36 |
| 10 | Hủy chuyển đổi Trả góp (IS cancel) | 41 |
| 10.1 | Request | 41 |
| 10.2 | Response | 42 |
| 11 | API lấy thông tin trả góp | 43 |
| 11.1 | Mô tả luồng tích hợp | 43 |
| 11.2 | Request | 45 |
| 11.3 | Response | 45 |
| 12 | Hủy token không sử dụng | 46 |
| 12.1 | Request | 47 |
| 12.2 | Response | 47 |
| 13 | API check thông tin kết nối của Merchant | 48 |
| 13.1 | Request | 48 |
| 13.2 | Response | 48 |

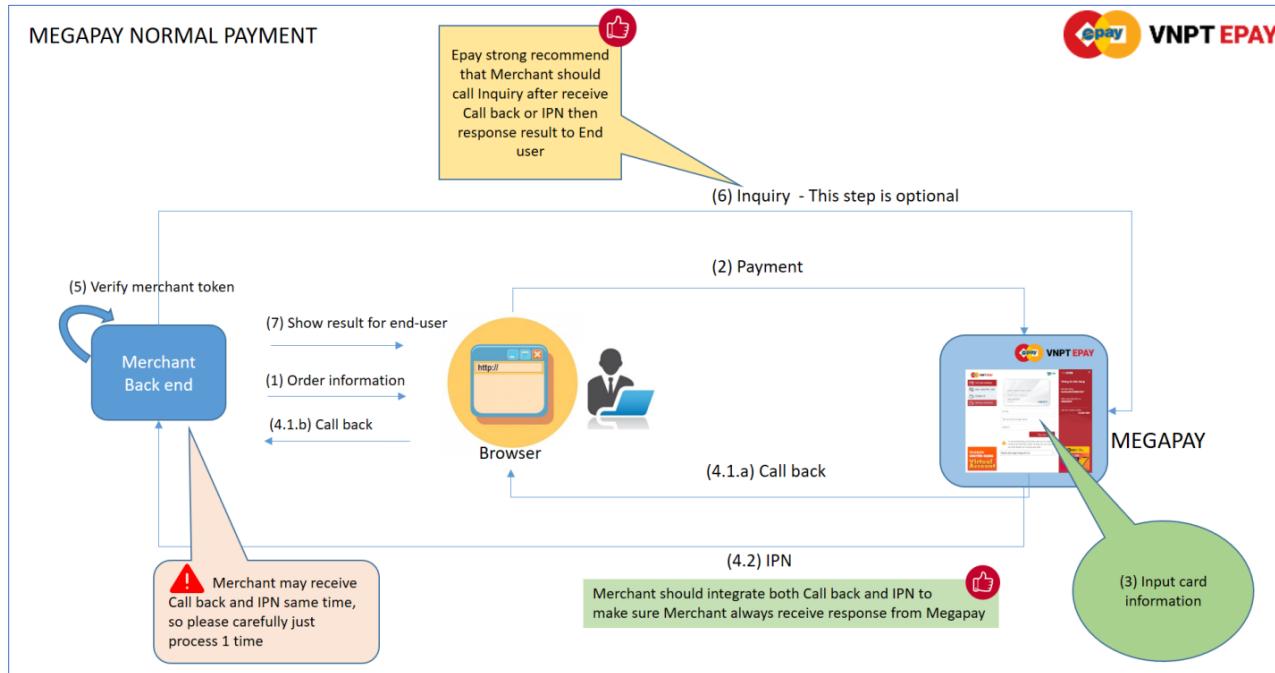


| | | |
|------|---------------------------------------------------------------------------------|----|
| 14 | API Capture | 49 |
| 14.1 | Luồng tích hợp | 49 |
| 14.2 | Request..... | 51 |
| 14.3 | Response | 51 |
| 15 | Phụ lục | 52 |
| 15.1 | Danh sách phương thức thanh toán..... | 52 |
| 15.2 | Danh sách mã lỗi..... | 52 |
| 15.3 | Danh sách Ngân hàng (ATM và trả góp)..... | 63 |
| 16 | Màn hình thanh toán | 64 |
| 16.1 | Màn hình thanh toán thẻ ATM: | 64 |
| 16.2 | Màn hình thanh toán thẻ Quốc tế:..... | 65 |
| 17 | Hướng dẫn thanh toán ZaloPay | 65 |
| 17.1 | Màn hình thanh toán | 65 |
| 17.2 | Tải ứng dụng ZaloPay (bản Sandbox) | 66 |
| 17.3 | Sử dụng ứng dụng ZaloPay (bản Sandbox) quét QR để thanh toán | 67 |
| 18 | Hướng dẫn thanh toán Momo..... | 68 |
| 18.1 | Màn hình thanh toán | 68 |
| 18.2 | Tải ứng dụng Ví Momo (bản sandbox)..... | 69 |
| 18.3 | Sử dụng ứng dụng Ví Momo (bản Sandbox) quét QR để thanh toán | 69 |
| 19 | Hướng dẫn thanh toán Moca | 71 |
| 19.1 | Màn hình thanh toán | 71 |
| 19.2 | Tải ứng dụng Grab để thanh toán Moca (bản sandbox)..... | 71 |
| 19.3 | Sử dụng ứng dụng Ví Moca (bản Sandbox) quét QR để thanh toán | 72 |
| 20 | Hướng dẫn thanh toán VNPayQR | 74 |
| 20.1 | Màn hình thanh toán | 74 |
| 20.2 | Tải ứng dụng MSB mBank để thanh toán VNPayQR (bản sandbox) | 75 |
| 20.3 | Sử dụng ứng dụng MSB mBank (bản Sandbox) quét QR để thanh toán..... | 76 |
| 21 | Hướng dẫn thanh toán Shopeepay | 77 |
| 21.1 | Màn hình thanh toán | 77 |
| 21.2 | Tải ứng dụng Shopeepay (bản sandbox)..... | 78 |
| 21.3 | Sử dụng ứng dụng Ví ShopeePay (bản Sandbox) để thanh toán trên PC | 80 |
| 21.4 | Sử dụng ứng dụng Ví ShopeePay (bản Sandbox) để thanh toán trên app mobile | 82 |
| 22 | Hướng dẫn thanh toán ViettelPay | 84 |
| 22.1 | Màn hình thanh toán | 84 |



3 Mô hình kết nối

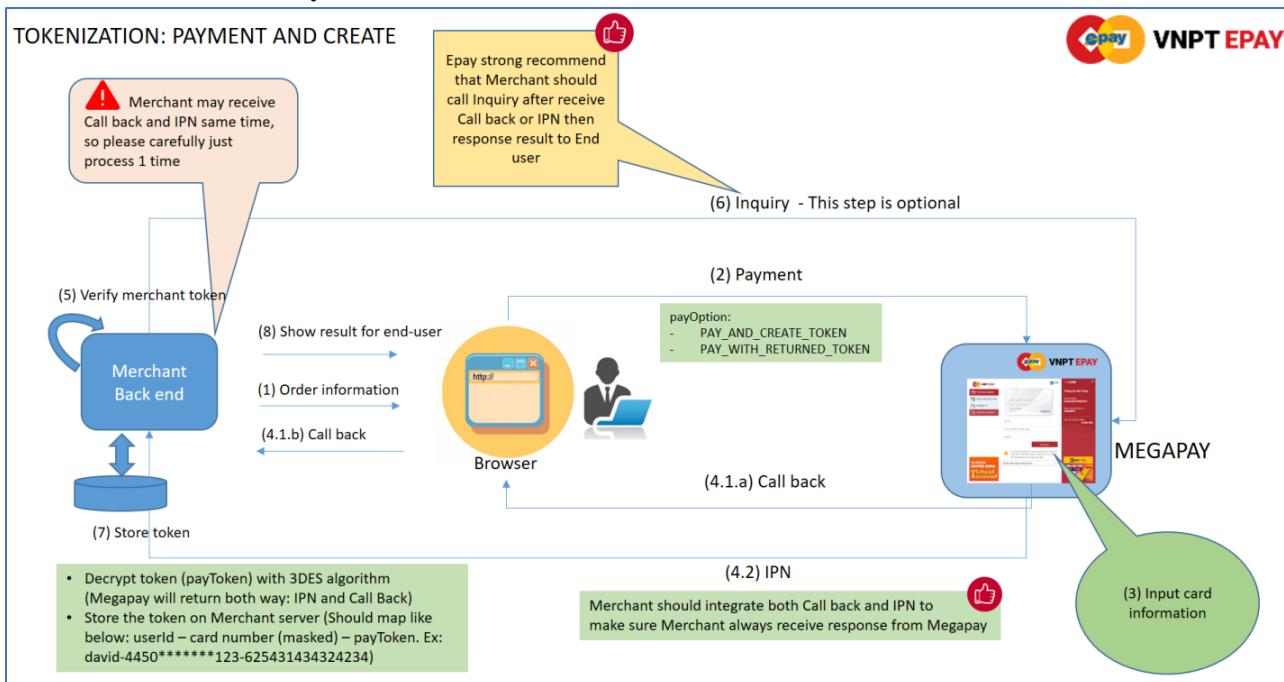
3.1 Thanh toán thường



| Bước | Mô tả chi tiết |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Trang front end của Merchant hiển thị thông tin đơn hàng |
| 2 | End user click “Thanh toán” trên trang merchant Merchant chuyển user đến trang nhập thông tin thẻ của Megapay |
| 3 | User nhập thông tin thẻ |
| 4.1.a | Megapay trả kết quả thanh toán về cho Merchant qua đường call back (Tham số callBackUrl) |
| 4.1.b | Front end đây kết quả call back vào Back end của merchant |
| 4.2 | Megapay trả kết quả thanh toán về cho Merchant qua đường IPN (Tham số notiUrl) Lưu ý: Megapay có thể trả kết quả giao dịch qua đường call back và IPN đồng thời |
| 5 | Merchant verify Merchant token do Megapay trả về, bước này nhằm chắc chắn kết quả của Megapay trả về không bị sửa đổi trên đường truyền. Merchant sinh merchant token theo công thức được mô tả ở các phần trong tài liệu, sau đó so sánh với merchant token do Megapay trả về (trong tham số: merchantToken) Nếu khớp: Merchant chuyển sang bước 6 (Merchant có thể bỏ qua bước này và chuyển sang bước 7 luôn) Nếu không khớp: Merchant chuyển sang bước 6 |
| 6 | Kiểm tra trạng thái cuối của giao dịch. |
| 7 | Sau khi nhận được trạng thái cuối của giao dịch: <ul style="list-style-type: none"> Nếu thành công: merchant trả dịch vụ cho end user Nếu thất bại: merchant thông báo lỗi Nếu pending (giao dịch đang xử lý): Merchant gọi hàm Inquiry giao dịch cho đến khi Megapay update trạng thái cuối |



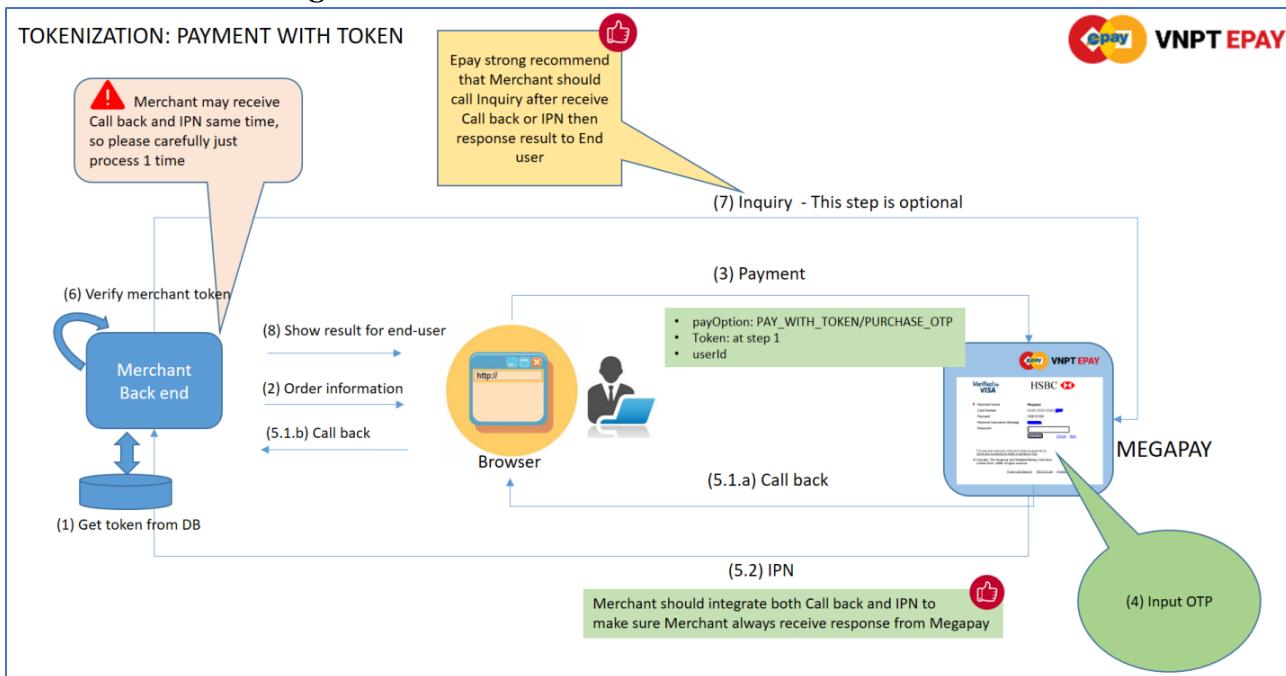
3.2 Thanh toán và tạo token



| Bước | Mô tả chi tiết |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Trang front end của Merchant hiển thị thông tin đơn hàng |
| 2 | End user click “Thanh toán” trên trang merchant Merchant chuyển user đến trang nhập thông tin thẻ của Megapay |
| 3 | User nhập thông tin thẻ |
| 4.1.a | Megapay trả kết quả thanh toán về cho Merchant qua đường call back (Tham số callBackUrl) |
| 4.1.b | Front end đây kết quả call back vào Back end của merchant |
| 4.2 | Megapay trả kết quả thanh toán về cho Merchant qua đường IPN (Tham số notiUrl) |
| 5 | Merchant verify Merchant token do Megapay trả về, bước này nhằm chắc chắn kết quả của Megapay trả về không bị sửa đổi trên đường truyền. Merchant sinh merchant token theo công thức được mô tả ở các phần trong tài liệu, sau đó so sánh với merchant token do Megapay trả về (trong tham số: merchantToken) <ul style="list-style-type: none"> Nếu khớp: Merchant chuyển sang bước 6 (Merchant có thể bỏ qua bước này và chuyển sang bước 7 luôn) Nếu không khớp: Merchant chuyển sang bước 6 |
| 6 | Kiểm tra trạng thái cuối của giao dịch – không bắt buộc, nhưng merchant nên gọi bước này |
| 7 | Sau khi nhận được trạng thái cuối của giao dịch: <ul style="list-style-type: none"> Nếu thành công: merchant lưu lại token – số thẻ - user Nếu thất bại: merchant thông báo lỗi Nếu pending (giao dịch đang xử lý): Merchant gọi hàm Inquiry giao dịch cho đến khi Megapay update trạng thái cuối, tùy theo trạng thái cuối là thành công/thất bại, merchant xử lý như trên |
| 8 | Sau khi nhận được trạng thái cuối của giao dịch: <ul style="list-style-type: none"> Nếu thành công: merchant trả dịch vụ cho end user Nếu thất bại: merchant thông báo lỗi Nếu pending (giao dịch đang xử lý): Merchant gọi hàm Inquiry giao dịch cho đến khi Megapay update trạng thái cuối, tùy theo trạng thái cuối là thành công/thất bại, merchant xử lý như trên |



3.3 Thanh toán bằng token



| Bước | Mô tả chi tiết |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Merchant lấy thông tin Token đã được lưu ở bước Thanh toán và Tạo token và gửi lên cho Megapay để thanh toán. Token này sẽ thay cho việc user phải nhập thông tin thẻ |
| 2 | Trang front end của Merchant hiển thị thông tin đơn hàng |
| 3 | End user click “Thanh toán” trên trang merchant Merchant chuyển user đến trang nhập thông tin thẻ của Megapay |
| 4 | User nhập thông tin OTP hoặc Mật khẩu xác thực 3DS để thanh toán |
| 5.1.a | Megapay trả kết quả thanh toán về cho Merchant qua đường call back (Tham số callBackUrl) |
| 5.1.b | Front end đây kết quả call back vào Back end của merchant |
| 5.2 | Megapay trả kết quả thanh toán về cho Merchant qua đường IPN (Tham số notiUrl) |
| 6 | Merchant verify Merchant token do Megapay trả về, bước này nhằm chắc chắn kết quả của Megapay trả về không bị sửa đổi trên đường truyền. Merchant sinh merchant token theo công thức được mô tả ở các phần trong tài liệu, sau đó so sánh với merchant token do Megapay trả về (trong tham số: merchantToken) <ul style="list-style-type: none"> Nếu khớp: Merchant chuyển sang bước 6 (Merchant có thể bỏ qua bước này và chuyển sang bước 7 luôn) Nếu không khớp: Merchant chuyển sang bước 6 |
| 7 | Kiểm tra trạng thái cuối của giao dịch – không bắt buộc, nhưng merchant nên gọi bước này |
| 8 | Sau khi nhận được trạng thái cuối của giao dịch: <ul style="list-style-type: none"> Nếu thành công: update trạng thái giao dịch = Thành công, và trả dịch vụ cho end user Nếu thất bại: update trạng thái giao dịch = Thất bại (theo mã lỗi Megapay trả về) và thông báo lỗi cho end user Nếu pending (giao dịch đang xử lý): Merchant gọi hàm Inquiry giao dịch cho đến khi Megapay update trạng thái cuối, tùy theo trạng thái cuối là thành công/thất bại, merchant xử lý như trên |



4 Thông tin hệ thống test

4.1 Thông tin Merchant

- + Merchant ID (merId): EPAY000001
- + Checksum key (encodeKey):

rf8whwaejNhJiQG2bsFubSzccfRc/iRYyGUn6SPmT6y/L7A2XABbu9y4GvC
oSTOTpvJykFi6b1G0crU8et2O0Q==

4.2 Danh sách thẻ test

ATM

| Bank | Card number | Card holder | Effective /Expired date | OTP/CVV |
|--------------------|---------------------|--------------|-------------------------|---------|
| NAPAS - SaigonBank | 9704 0000 0000 0018 | NGUYEN VAN A | 03/07 | otp |
| AB Bank | 9704250000000001 | NGUYEN VAN A | 12/08 | 123456 |

Visa/Master/JCB

| Card type | Card number | Expired date | CVV | 3DS pass word |
|-------------|---------------------|--------------|-----|---------------|
| Visa card | 445653 00 0000 1005 | 11/23 | 123 | |
| Master card | 520000 00 0000 1005 | 11/23 | 123 | |
| JCB | 333700 00 0000 0008 | 11/23 | 123 | |
| Visa card | 445653 00 0000 1096 | 11/23 | 123 | 1234 |
| Master card | 520000 00 0000 1096 | 11/23 | 123 | 1234 |
| JCB | 333700 00 0020 0004 | 11/23 | 123 | 1234 |

ViettelPay

| Viettelpay | User | Pass |
|------------|------------|--------|
| | 0983725525 | 111111 |

5 Thanh toán (payment)

5.1 Request

Bước 1: Xây dựng form theo danh sách tham số Megapay cung cấp trong bảng “**Danh sách tham số**” ở bên dưới

Lưu ý: *Thông tin form phải chính xác như sau:*

```
<form id="megapayForm" name="megapayForm" method="POST">
```

Chèn đường link file CSS và file JS vào phần head của trang.

Thông tin server test

- File JS: https://sandbox.megapay.vn/pg_was/js/payment/layer/paymentClient.js
- File CSS:
https://sandbox.megapay.vn/pg_was/css/payment/layer/paymentClient.css



- Domain: <https://sandbox.megapay.vn>

Bước 2: Khởi tạo trang thanh toán

Sau khi form thanh toán đã được khởi tạo với đầy đủ các tham số theo yêu cầu, merchant thực hiện gọi hàm **openPayment** trong file JS của Megapay cung cấp để mở trang thanh toán của Megapay.

Input của hàm openPayment: openPayment(1, domain);

Trong đó domain được Megapay cung cấp riêng cho merchant. Đối với hệ thống test, domain đã được cung cấp ở mục 5.1.

Lưu ý đặc biệt: Trong trường hợp gọi trang thanh toán trong “webview” từ ứng dụng di động (Android / IOS), vui lòng cấu hình chấp nhận cookie để đảm bảo giao dịch thẻ quốc tế được thành công. (được yêu cầu bởi một số trang xác thực 3DS của nhà phát hành thẻ)



Code mẫu (Android)

```
if (android.os.Build.VERSION.SDK_INT >= 21) {
    CookieManager.getInstance().setAcceptThirdPartyCookies(mWebView, true);
} else {
    CookieManager.getInstance().setAcceptCookie(true);
}
```

Danh sách tham số:

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| merId | ID duy nhất cho Merchant Ví dụ: [String] "MEGAPAYTES" | Yes | String(10) - Fixed |
| currency | Đơn vị tiền tệ của từng quốc gia Hiện tại chỉ cho phép: "VND" | Yes | String(3) - Fixed |
| amount | Số tiền thanh toán Ví dụ: [String] "500000" 10,000 <= amount < 2,147,483,647 ! Lưu ý: Với trường hợp thanh toán trả góp (khi thông tin trả góp hiện thị trên trang của Merchant) mà merchant có cấu hình | Yes | String (10) |



| | | | |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------|
| | chia sẻ phí cho end users thì truyền đúng giá trị sản phẩm/đơn hàng gốc (vì phí chuyển đổi trả góp được tính trên hệ thống của MGP) | | |
| invoiceNo | Mã đơn hàng của merchant Đuy nhất trên hệ thống MegaPay | Yes | String (40) |
| goodsNm | Tên sản phẩm | Yes | String(100) |
| payType | Hình thức thanh toán: IC: Thẻ tín dụng (Visa/master/JCB...) DC: Thẻ ATM nội địa VA: Chuyển khoản qua mã nộp tiền EW: Ví điện tử (Zalopay, Momo, Moca. ShopeePay, Viettelpay) IS: Thanh toán trả góp QR: Thanh toán qua VNPayQR NO: Không chọn phương thức thanh toán (Người dùng sẽ chọn khi vào trang thanh toán của MegaPay) | Yes | String(2) |
| cardTypeValue | - Loại thẻ. - Chỉ có tác dụng khi thanh toán bằng thẻ tín dụng(payType = IC): visa: thẻ Visa mastercard: thẻ Master Card jcb: thẻ JCB | No | String(30) |
| buyerFirstNm | Tên người mua Thanh toán bằng thẻ Tín dụng (IC): Bắt buộc Thanh toán trả góp (IS): Bắt buộc Thanh toán bằng thẻ ATM nội địa (DC), ví điện tử (EW) và Chuyển khoản qua mã nộp tiền (VA), Thanh toán VNPayQR: Option Lưu ý: Không được phép chèn ký tự “_” | No | String(30) |
| buyerLastNm | Họ người mua Thanh toán bằng thẻ Tín dụng (IC): Bắt buộc Thanh toán trả góp (IS): Bắt buộc Thanh toán bằng thẻ ATM nội địa (DC), ví điện tử (EW) và Chuyển khoản qua Mã nộp tiền (VA) , Thanh toán VNPayQR: Option Lưu ý: Không được phép chèn ký tự “_” | No | String(30) |



| | | | |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|
| buyerPhone | Số điện thoại người mua | No | String(15) |
| buyerEmail | Email người mua Thanh toán bằng thẻ Tín dụng (IC): Bắt buộc Thanh toán trả góp (IS): Bắt buộc Thanh toán bằng thẻ ATM nội địa (DC), ví điện tử (EW) và Chuyển khoản qua Mã nộp tiền (VA), Thanh toán VNPayQR: Option | No | String(40) |
| buyerAddr | Địa chỉ người mua | No | String(60) |
| buyerCity | Thành phố người mua | No | String(50) |
| buyerState | Bang/Tỉnh thành người mua Bắt buộc nếu quốc gia là Hoa Kỳ (us), Canada (ca) Trường hợp quốc gia (buyerCountry) có gửi lên là Hoa Kỳ (us) hoặc Canada (ca): Bắt buộc Mã Bang/Tỉnh thành của Hoa Kỳ và Canada tham chiếu theo danh sách sau: http://apps.cybersource.com/library/documentation/sbc/quic_kref/states_and_provinces.pdf | No | String(20) |
| buyerPostCd | Mã bưu điện người mua Bắt buộc nếu buyerCountry là “us” hoặc “ca” Trường hợp quốc gia (buyerCountry) có gửi lên là Hoa Kỳ (us): định dạng như sau: [5 chữ số][dấu cách][4 chữ số]; Ví dụ: 12345-6789 Trường hợp quốc gia (buyerCountry) có gửi lên là Canada (ca): [Ký tự][chữ số][Ký tự][dấu cách] [chữ số][ký tự][chữ số]; Ví dụ: A1B 2C3 | No | AlphaNumeric(10) |
| buyerCountry | Quốc gia người mua Danh sách mã quốc gia tham chiếu theo link sau: http://apps.cybersource.com/library/documentation/sbc/quic_kref/countries_alpha_list.pdf | No | String(2) Fixed |
| receiverLastNm | Họ người nhận | No | String(30) |
| receiverFirstNm | Tên người nhận | No | String(30) |



| | | | |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------|
| receiverPhone | Số điện thoại người nhận | No | String(15) |
| receiverAddr | Địa chỉ người nhận | No | String(100) |
| receiverCity | Thành phố người nhận | No | String(50) |
| receiverState | Tỉnh thành người nhận | No | String(50) |
| receiverPostCd | Mã bưu chính của người nhận | No | String(10) |
| receiverCountry | Quốc gia người nhận | No | String(10) |
| callBackUrl | Trang nhận kết quả thanh toán (Nhận kết quả redirect từ Megapay) | Yes | String(255) |
| notiUrl | URL IPN nhận kết quả Merchant | Yes | String(255) |
| reqDomain | Website sử dụng Megapay làm công cụ thanh toán | Yes | String(255) |
| vat | Thuế VAT, chỉ bao gồm chuỗi số Nếu không có thuế thì vat = 0 | No | String(12) |
| fee | Phí giao dịch, chỉ bao gồm chuỗi số Nếu không có phí thì fee = 0 | Yes | String(12) |
| notax | Mã số thuế của Merchant, chỉ bao gồm chuỗi số Nếu không có thì để notax=0 | No | String(12) |
| description | Thông tin ghi chú Lưu ý: Không truyền tiếng Việt có dấu, hạn chế tối đa sử dụng ký tự đặc biệt. | Yes | String(100) |
| merchantToken | Chữ ký: được sử dụng để xác thực giao dịch của merchant. 1. VỚI GIAO DỊCH THANH TOÁN 1 BƯỚC (pay 1-step) : - Công thức thường: Sha256(timeStamp + merTrxId + merId + amount + encodeKey) - Công thức khi thanh toán bằng token: Sha256(timeStamp + merTrxId + merId + amount + payToken + encodeKey) payToken: Đã mã hóa bằng 3DES sử dụng key là 24 ký tự cuối của encodekey | Yes | String(255) |



| | | | |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------|
| | 2. Với giao dịch thanh toán 2 bước (pay 2-step, chỉ áp dụng cho thẻ IC và IS) : - Công thức thường: Sha256(timeStamp + merTrxId + merId + amount + authorizations +encodeKey) - Công thức thanh toán bằng token: Sha256(timeStamp + merTrxId + merId + amount + payToken + authorizations + encodeKey) payToken: Đã mã hóa bằng 3DES sử dụng key là 24 ký tự cuối của encodekey | | |
| cardTypeToken | Chữ ký : được sử dụng để xác thực loại thẻ của merchant Nếu không dùng cardTypeValue thì không cần dùng tham số này. Sinh ra theo công thức như sau : Sha256(cardType + merTrxID + encodeKey) | No | String(255) |
| reqServerIP | IP server của Merchant | No | String(15) |
| reqClientVer | Yêu cầu version Client | No | String(50) |
| userIP | IP người dùng | No | String(15) |
| userSessionID | ID Session của người dùng | No | String(100) |
| userAgent | Thông tin Agent của người dùng | No | String (100) |
| userLanguage | Ngôn ngữ người dùng. Mặc định: “VN” VN: Tiếng Việt; EN -Tiếng Anh; KO: Tiếng Hàn | Yes | String(2) |
| timeStamp | timeStamp Format: yyyyMMddHHmmss | Yes | String(13) |
| domesticToken | Không sử dụng | No | String(100) |
| payOption | - Thanh toán và tạo token: PAY_CREATE_TOKEN - Thanh toán bằng Token: PAY_WITH_TOKEN Chỉ áp dụng với thanh toán sử dụng thẻ ATM, Visa/Master/JCB (payType = DC hoặc IC) | No | String(100) |
| payToken | Sử dụng khi thanh toán bằng tính năng tokenization Mã hóa bằng 3DES Key mã hóa: 24 ký tự sau của encodeKey - Là bắt buộc nếu payOption = PAY_WITH_TOKEN | No | String(100) |
| userId | Sử dụng khi thanh toán bằng tính năng tokenization Mã khách hàng (userId, username) trên hệ thống Merchant Bắt buộc với: payOption = “ PAY_CREATE_TOKEN ”, | No | String(40) |



| | | | |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| | “PAY_WITH_TOKEN” | | |
| instmntType | Không dung | No | String(2) |
| instmntMon | Không dùng | No | String(2) |
| merTrxId | Transaction ID duy nhất do Merchant sinh ra (Mã này được dùng cho hàm Truy vấn thông tin giao dịch) Định dạng: merId + unique number | Yes | String(50) |
| windowColor | Màu trang thanh toán (Tham chiếu bảng mã theo link sau: https://html-color-codes.info/) Default "#ef5459" | Yes | String(7) |
| windowType | 0: Sử dụng máy tính, 1: Sử dụng điện thoại | Yes | String(2) |
| vaStartDt | Ngày bắt đầu hiệu lực của Mã nộp tiền (YYYYMMDDHHMMSS) Ví dụ: 20190101000000 Thanh toán bằng thẻ Tín dụng (IC), trả góp (IS), ví điện tử (EW) và thẻ ATM nội địa (DC), Thanh toán VNPayQR: Option Thanh toán Chuyển khoản qua Mã nộp tiền: Bắt buộc | No | String(14) |
| vaEndDt | Ngày hết hạn của Mã nộp tiền (YYYYMMDDHHMMSS) Ví dụ: 20190201235959 Thanh toán bằng thẻ Tín dụng (IC), trả góp (IS), ví điện tử (EW) và thẻ ATM nội địa (DC), Thanh toán VNPayQR: Option Thanh toán Chuyển khoản qua Mã nộp tiền: Bắt buộc | No | String(14) |
| vaCondition | Điều kiện nhận tiền khi thanh toán Chuyển khoản qua Mã nộp tiền Mặc định: 03 – Luôn phải nộp tiền vào Mã nộp tiền bằng đúng số tiền của đơn hàng(amount). Thanh toán bằng thẻ Tín dụng (IC), trả góp (IS), ví điện tử (EW) và thẻ ATM nội địa (DC), Thanh toán VNPayQR: Option Thanh toán Chuyển khoản qua Mã nộp tiền: Bắt buộc | No | String(2) |
| mer_temp01 | Trường tạm thời các yêu cầu bổ sung của Merchant | No | String |
| mer_temp02 | Trường tạm thời các yêu cầu bổ sung của Merchant | No | String |
| bankCode | Mã Ngân hàng do Merchant truyền lên. Áp dụng cho các phương thức sau: Áp dụng cho thanh toán thẻ ATM (DC) Khi merchant truyền lên tham số này, trang thanh toán sẽ mặc định lựa chọn Ngân hàng đó, end user chỉ việc | No | String(10) |



| | | | |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------|
| | <p>âm nút “Next”.</p> <p>Danh sách Ngân hàng ở phụ lục</p> <p>- Áp dụng cho thanh toán trả góp (IS):</p> <p>Khi merchant muốn hiện thị thông tin trả góp ở trên trang của mình thì truyền thông tin bank trả góp sang MGP (khi truyền trường này thì bắt buộc phải truyền trường termIs)</p> <p>Danh sách Ngân hàng ở phụ lục</p> <p>- Áp dụng với thanh toán Ví điện tử, truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> +) 'MOMO': thanh toán ví Momo +) 'ZALO': thanh toán ví ZaloPay +) 'MOCA': thanh toán ví Moca +) 'SHPP': payment of ShopeePay +) 'VTTP': payment of ViettelPay | | |
| subappid | Bắt buộc nếu thanh toán ZaloPay cho merchant games | No | String(100) |
| termIs | <p>Kỳ hạn trả góp, ví dụ: 3, 6, 12 tháng</p> <p>Lưu ý:</p> <p>Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS), khi merchant muốn hiện thị thông tin trả góp ở trên trang của mình</p> | No | String(2) |
| subMerId | Sub merchant Áp dụng cho merchant có các sub merchant | No | String |
| site | <ul style="list-style-type: none"> - Tên của trang web thực hiện thanh toán - Có thể để là blank <p>Note:</p> <p>Chỉ áp dụng cho các Merchant có nhiều công ty pháp nhân (từ 2 công ty trở lên) thực hiện tích hợp chung 1 luồng thanh toán, nhưng muốn tách mỗi công ty con được nhận thanh toán riêng từ Epay. Hoặc muốn gửi thông tin nhiều sản phẩm chung cho 1 giao dịch thanh toán.</p> | No | String(50) |
| soldToCode | <ul style="list-style-type: none"> - Mã định nghĩa riêng theo site, dùng để chỉ định các đối tượng nhận thanh toán - Có thể để là blank <p>Note:</p> <p>Chỉ áp dụng cho các Merchant có nhiều công ty pháp nhân (từ 2 công ty trở lên) thực hiện tích hợp chung 1 luồng thanh toán, nhưng muốn tách mỗi công ty con được nhận thanh toán riêng từ Epay. Hoặc muốn gửi thông tin nhiều sản phẩm chung cho 1 giao dịch thanh toán.</p> | No | String(20) |
| productList | <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách chi tiết các sản phẩm cần thanh toán - Định dạng: json Array - Bắt buộc với merchant sử dụng nhận thanh toán riêng cho từ 2 công ty con trở lên, hoặc truyền sang MGP thông tin của nhiều sản phẩm <p>Note:</p> <p>Chỉ áp dụng cho các Merchant có nhiều công ty pháp nhân (từ 2 công ty trở lên) thực hiện tích hợp chung 1 luồng thanh toán, nhưng muốn tách mỗi công ty con được nhận thanh toán riêng từ Epay. Hoặc muốn gửi thông tin nhiều sản phẩm chung cho 1 giao dịch thanh</p> | No | String |



| | | | |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------|
| | toán. | | |
| hash | <ul style="list-style-type: none"> - Formula: Sha256(merTrxId + site + soldToCode + productList + encodeKey) - Là chữ ký, bắt buộc với merchant sử dụng nhận thanh toán riêng cho từ 2 công ty con trở lên, hoặc truyền sang MGP thông tin của nhiều sản phẩm <p>Note: Chỉ áp dụng cho các Merchant có nhiều công ty pháp nhân (từ 2 công ty trở lên) thực hiện tích hợp chung 1 luồng thanh toán, nhưng muốn tách mỗi công ty con được nhận thanh toán riêng từ Epay. Hoặc muốn gửi thông tin nhiều sản phẩm chung cho 1 giao dịch thanh toán.</p> | No | String |
| authorizations | <ul style="list-style-type: none"> - Trường này đánh dấu là ủy quyền tạm giữ số tiền của giao dịch (là 1 bước trong pay 2-step) - Nếu merchant sử dụng trường này, thì số tiền thanh toán trên thẻ quốc tế của người dùng mới ở bước tạm giữ (giao dịch lúc này sẽ chưa được ghi nhận thành công), để hoàn tất thanh toán, bạn cần gọi API captures, chi tiết luồng ở trong mục 14. <p>+) 1: Ủy quyền tạm giữ số tiền của user cho giao dịch; merchant phải thực hiện gửi yêu cầu Captures thì giao dịch mới được hoàn tất thanh toán (đánh dấu giao dịch là pay 2-step)</p> <p>+) Other: Là giao dịch pay one-step, giao dịch hoàn tất thanh toán luôn khi gửi yêu cầu này, và không cần gửi yêu cầu Captures.</p> <p>Note: Chỉ áp dụng cho thẻ (IC, IS)</p> | No | String(1) |

Tham số **productList** có định dạng là **json array**, Chỉ áp dụng cho các Merchant có nhiều công ty pháp nhân (từ 2 công ty trở lên) thực hiện tích hợp chung 1 luồng thanh toán, nhưng muốn tách mỗi công ty con được nhận thanh toán riêng từ Epay. Hoặc muốn gửi thông tin nhiều sản phẩm chung cho 1 giao dịch thanh toán. Mỗi phần tử trong **json array** là một đối tượng sản phẩm (product) chứa các thông tin sau:

| Field name | Description | Required | Datatype |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|
| productCategory | <ul style="list-style-type: none"> - Tên sản phẩm, hoặc nhóm sản phẩm - Ví dụ: Phone, Tablet, Laptop | Yes | String(50) |
| companyCode | <ul style="list-style-type: none"> - Mã này dùng để tách công ty con nhận thanh toán riêng từ Epay - Sử dụng cho merchant có nhiều công ty con, mỗi công ty con sẽ được map với tài khoản nhận tiền riêng, Ví dụ: COMPANY_A or COMPANY_B <p>Note: Nếu merchant muốn tách công ty con nhận thanh toán thì phải đăng ký mã này với MGP trước khi sử dụng</p> | Yes | String(10) |
| productAmount | Tổng số tiền của sản phẩm hoặc của 1 nhóm sản phẩm | Yes | String(12) |



| | | | |
|--------------|-----------------------------------------------------|-----|------------|
| productCount | Tổng số lượng của sản phẩm hoặc của 1 nhóm sản phẩm | Yes | String (3) |
|--------------|-----------------------------------------------------|-----|------------|

Lưu ý: `sum(productAmount)` của tất cả sản phẩm trong `productList` phải bằng `amount` của request.

Chuỗi json array mẫu của `productList`:

```
[{"productCategory": "Phone", "companyCode": "COMPANY_A", "productAmount": "10000", "productCount": "1"}, {"productCategory": "Tablet", "companyCode": "COMPANY_B", "productAmount": "20000", "productCount": "2"}, {"productCategory": "Laptop", "companyCode": "COMPANY_B", "productAmount": "30000", "productCount": "3"}]
```

Code mẫu tạo chuỗi `productList` với định dạng json Array:

```
var productList = [];
var product1 = {};
product1["productCategory"] = "Phone";
product1["companyCode"] = "COMPANY_A";
product1["productAmount"] = "10000";
product1["productCount"] = "1";
productList.push(product1);

var product2 = {};
product2["productCategory"] = "Tablet";
product2["companyCode"] = "COMPANY_B";
product2["productAmount"] = "20000";
product2["productCount"] = "2";
productList.push(product2);

var product3 = {};
product3["productCategory"] = "Laptop";
product3["companyCode"] = "COMPANY_B";
product3["productAmount"] = "30000";
product3["productCount"] = "3";
productList.push(product3);

console.log(JSON.stringify(productList));
```

5.2 Response

Lưu ý đặc biệt 1: trường hợp thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền, có hai kết quả thành công như sau:



Mã 00_005: Giao dịch đã mapping với tài khoản Mã nộp tiền thành công, nhưng enduser chưa nộp tiền (Khách hàng muốn thanh toán phải nạp tiền vào Mã nộp tiền bằng Internet banking, Mobile banking, tại quầy Ngân hàng).

Mã 00_000: Giao dịch này endusser đã nộp tiền thành công.

Khi khách hàng nộp tiền vào Mã nộp tiền, MegaPay sẽ response thêm qua IPN để trả kết quả thanh toán đơn hàng cho Merchant.



Lưu ý đặc biệt 2: Hãy đảm bảo rằng số tiền thanh toán ở request của merchant và response của MGP trả về phải bằng nhau. Nếu số tiền mà khác nhau coi như giao dịch không thành công (lúc này merchant không cung cấp dịch vụ cho khách hàng) và thực hiện liên hệ với MegaPay để kiểm tra giao dịch.

Sau khi hoàn tất các bước thanh toán, MegaPay sẽ đồng thời trả kết quả thanh toán về cho Merchant theo 2 cách:

5.2.1 Redirect

Megapay sẽ redirect kết quả về url merchant đã gửi lên trong tham số callBackUrl. Trong mọi tình huống giao dịch thành công hay thất bại, Megapay đều redirect về trang call Back này.

Chuỗi URL redirect có dạng như sau:

```
http://merchant_website/sampleMerchant.do?trxId=EPAY000001IC201910031036381797&
merId=EPAY000001&merTrxId=EPAY00000120191003054607&resultCd=00_000&result
Msg=SUCCESS&invoiceNo=OrdNo20191003054607&amount=100000&currency=VND&
goodsNm=&payType=IC&domesticToken=&merchantToken=b5fd198a812a7596aaffff132d
3b945ba34d7542c157460e4439bc29d6bcc77aa&transDt=20191003&transTm=103638&buy
erFirstNm=bùi&buyerLastNm=luận&timeStamp=20191003054607&instmntType=1&instm
ntMon=3&vaNumber=&vaName=&bankId=&bankName=&cardNo=xxxxxxxxxxxx0002&s
tartDt=&endDt=&payToken=90665b34586d2a2d59cc1fbce3395c7f8c156991bd4dd172&us
erId=abc&subappid=1234&payOption=PAY_CREATE_TOKEN&userFee=0&userFeeIs=&
termIs=&firstAmount=&nextAmount=&cardEnroll3DS=1
```

Danh sách tham số:

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| trxId | Mã giao dịch MegaPay sinh ra | Yes | String(30) |
| merId | Mã merchant trên hệ thống MegaPay | Yes | String(10) |
| merTrxId | Mã giao dịch do Merchant sinh ra | Yes | String(50) |
| resultCd | Kết quả giao dịch (Theo bảng mã lỗi) | Yes | String(6) |
| invoiceNo | Mã đơn hàng | Yes | String(40) |
| amount | Giá trị thanh toán (bằng giá trị của Merchant truyền lên) | Yes | String(12) |
| currency | Đơn vị tiền tệ của từng quốc gia | Yes | String(3) |
| goodsNm | Tên sản phẩm hàng hóa | No | String(200) |
| payType | Thông tin về phương thức thanh toán + DC: Thanh toán bằng thẻ ATM nội địa + IC: Thanh toán bằng thẻ tín dụng (Visa/master/JCB/...) + EW: Thanh toán bằng ví điện tử + IS: Thanh toán trả góp + VA: Thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền + QR: Thanh toán qua VNPayQR | Yes | String(2) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| merchantToken | <p>Chữ ký: được sử dụng để xác thực giao dịch của merchant.</p> <p>1. Với giao dịch thanh toán 1 bước (pay 1-step):</p> <p><i>a. Công thức sinh merchantToken nếu user không phải trả phí Thanh toán (điều kiện: userFee is null or userFee = 0)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán thường: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + encodeKey)</p> - Công thức thanh toán bằng token: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + encodeKey)</p> <p><i>b. Công thức sinh merchantToken nếu user phải trả phí thanh toán (điều kiện userFee > 0)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -Công thức thanh toán thường: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + userFee + encodeKey)</p> - Công thức thanh toán bằng token: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + userFee + encodeKey)</p> <p>2. Với giao dịch thanh toán 2 bước (pay 2-step, chỉ áp dụng cho thẻ IC và IS):</p> <p><i>a. Công thức sinh merchantToken nếu user không phải trả phí Thanh toán (điều kiện: userFee is null or userFee = 0)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán thường: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + authorizations + encodeKey)</p> - Công thức thanh toán với token: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + authorizations + encodeKey)</p> <p><i>b. Công thức sinh merchantToken nếu user phải trả phí thanh toán (điều kiện userFee > 0)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán thường <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + userFee + authorizations + encodeKey)</p> | Yes | String(255) <p>Trường hợp Verify merchantToken thất bại (Không khớp hoặc Exception), đề nghị merchant gọi lại hàm Truy vấn thông tin giao dịch (Inquiry) để lấy trạng thái chính xác của giao dịch</p> |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| | <p>Công thức thanh toán với token:</p> <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + userFee + authorizations + encodeKey)</p> <p>Lưu ý: payToken: Đã mã hóa bằng 3DES</p> | | |
| transDt | Ngày thanh toán | Yes | String(8) |
| transTm | Thời gian thanh toán | Yes | String(6) |
| buyerFirstNm | Tên người mua | No | String(30) |
| buyerLastNm | Họ người mua | No | String(30) |
| timeStamp | timeStamp | Yes | String(13) |
| instmntType | Không dùng | No | String(2) |
| instmntMon | Không dùng | No | String(2) |
| cardNo | Số thẻ Ví dụ: ATM: 970400xxxxxx0018 Visa/master/JCB: xxxxxxxxxxxx0002 | No | String(20) |
| bankId | <p>Mã Ngân hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với thanh toán ATM (DC) là ngân hàng thanh toán của user - Với thanh toán trả góp (IS) là ngân hàng thanh toán trả góp của end user chọn - Với thanh toán Ví điện tử <ul style="list-style-type: none"> + 'MOMO': thanh toán ví Momo + 'ZALO': thanh toán ví ZaloPay + 'MOCA': thanh toán ví Moca + 'SHPP': payment of ShopeePay + 'VTTP': payment of ViettelPay | No | String(10) |
| bankName | <p>Tên ngân hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - VỚI THANH TOÁN TRẢ GÓP (IS) LÀ NGÂN HÀNG THANH TOÁN TRẢ GÓP CỦA END USER CHỌN | No | String(200) |
| vaNumber | Số tài khoản Mã nộp tiền: Chỉ dùng cho trường hợp thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền | No | String(30) |
| vaName | Tên tài khoản Mã nộp tiền: Chỉ dùng cho trường hợp thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền | No | String(200) |
| mer_temp01 | Trường tạm thời các yêu cầu bổ sung của Merchant 1 | No | String |
| mer_temp02 | Trường tạm thời các yêu cầu bổ sung của Merchant 2 | No | String |
| startDt | Ngày bắt đầu hiệu lực tài khoản V.A (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(14) |
| endDt | Ngày hết hiệu lực tài khoản V.A (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(14) |
| payToken | <p>Trả về khi thanh toán với tính năng tokenization</p> <p>payToken trả về đã mã hóa 3DES Key giải mã: 24 ký tự đầu của encodeKey</p> | No | String(100) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| | Trả về khi payOption = PAY_CREATE_TOKEN hoặc PAY_WITH_TOKEN | | |
| userId | Sử dụng cho tokenization Mã khách hàng trên hệ thống Merchant Bắt buộc với: payOption = “PAY_CREATE_TOKEN”, “PAY_WITH_TOKEN” | No | String(40) |
| issueBankName | Tên Ngân hàng khi thanh toán bằng thẻ Quốc tế; Chỉ trả về khi thanh toán thẻ Quốc tế thành công | No | String(1024) |
| cardType | Loại thẻ: 001: visa; 002: Master; 007: JCB | No | String(3) |
| subappid | Subappid cho giao dịch zaloPay dành cho merchant game | No | String |
| payOption | <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán và tạo token: PAY_CREATE_TOKEN - Thanh toán bằng Token: PAY_WITH_TOKEN <p>Lưu ý: Trường hợp Merchant thanh toán với PAY_WITH_TOKEN khi token ở Megapay đã xóa (do 90 ngày không có giao dịch và Thẻ hết hạn) Megapay sẽ hiển thị form nhập thẻ cho end-user: <ul style="list-style-type: none"> - Nếu end-user nhập số thẻ khớp với số thẻ cũ, Megapay sẽ giữ nguyên token. - Nếu số thẻ khác với số thẻ cũ, Megapay sẽ sinh ra token mới, map với số thẻ mới, khi đó MGP trả về PAY_CREATE_TOKEN và trả về payToken mới </p> | No | String(100) |
| userFee | <ul style="list-style-type: none"> - Phí thanh toán của enduser phải chịu - Áp dụng với Merchant sử dụng chia sẻ phí thanh toán cho end user | No | String(12) |
| userFeeIs | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) - Fee chuyển đổi trả góp mà endser phải chịu | No | String(12) |
| termIs | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) - Kỳ hạn trả góp, ví dụ: 3, 6, 12 tháng | No | String(2) |
| firstAmount | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) - Số tiền tháng đầu tiên enduser phải trả | No | String(12) |
| nextAmount | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) - Số tiền các tháng sau enduser phải trả | No | String(12) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| cardEnroll3DS | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng thanh toán với IC, IS - Trạng thái giao dịch thanh có sử dụng hay không sử dụng xác thực 3DS <ul style="list-style-type: none"> + 0: Thẻ không tham gia 3DS + 1: Thẻ có tham gia 3DS, và Merchant được cấu hình yêu cầu chủ thẻ nhập mật khẩu 3DS khi thực hiện + 2: Thẻ có tham gia 3DS, và Merchant được cấu hình không yêu cầu chủ thẻ nhập mật khẩu 3DS khi thực hiện giao dịch | No | String(1) |
| icIssue | <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ quốc tế phát hành trong nước hoặc ngoài nước : <ul style="list-style-type: none"> + IN : Thẻ phát hành trong nước + OUT : Thẻ phát hành nước ngoài - Chỉ áp dụng cho thẻ quốc tế (IC) | No | String(3) |
| Authorizations | <p>- Trường này đánh dấu là ủy quyền tạm giữ số tiền của giao dịch (là 1 bước trong pay 2-step)</p> <p>- Nếu merchant sử dụng trường này, thì số tiền thanh toán trên thẻ quốc tế của người dùng mới ở bước tạm giữ (giao dịch lúc này sẽ chưa được ghi nhận thành công), để hoàn tất thanh toán, bạn cần gọi API captures, chi tiết luồng ở trong mục 14.</p> <p>+ 1: Ủy quyền tạm giữ số tiền của user cho giao dịch; merchant phải thực hiện gửi yêu cầu Captures thì giao dịch mới được hoàn tất thanh toán (đánh dấu giao dịch là pay 2-step)</p> <p>+ Other: Là giao dịch pay one-step, giao dịch hoàn tất thanh toán luôn khi gửi yêu cầu này, và không cần gửi yêu cầu Captures.</p> <p>- Note: Chỉ áp dụng cho thẻ (IC, IS)</p> | No | String(1) |

5.2.2 Gửi thông báo qua API cho Merchant (IPN)

Khi giao dịch thanh toán thành công, MegaPay sẽ đồng thời trả kết quả về merchant theo link Call Back và theo link Notify (IPN), link này được Merchant truyền lên cho Megapay trong request thanh toán (tham số notiUrl).

Kiểu dữ liệu: Json/application

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|------------|----------------------------------------------------------|----------|--------------|
| resultCd | Trạng thái giao dịch (theo bảng mã lỗi) | Yes | String(6) |
| resultMsg | Mô tả trạng thái | Yes | String(512) |
| merId | Merchant ID | Yes | String(10) |
| trxId | Mã giao dịch MegaPay sinh ra | Yes | String(30) |
| invoiceNo | Mã đơn hàng do Merchant gửi lên | Yes | String(40) |
| amount | Số tiền gốc thanh toán, bằng số tiền merchant truyền lên | Yes | String(12) |
| bankId | Mã Ngân hàng | Yes | String(4) |



| | | | |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------|
| | <ul style="list-style-type: none">- Với thanh toán ATM (DC) là ngân hàng thanh toán của user- Với thanh toán trả góp (IS) là ngân hàng thanh toán trả góp của end user chọn- Với thanh toán Ví điện tử<ul style="list-style-type: none">+ 'MOMO': thanh toán ví Momo+ 'ZALO': thanh toán ví ZaloPay+ 'MOCA': thanh toán ví Moca+ 'SHPP': payment of ShopeePay+ 'VTTP': payment of ViettelPay | | |
| status | Trạng thái giao dịch: 0: Thanh toán 2: Refund | Yes | String(1) |
| cardNo | Số thẻ Ví dụ: ATM: 970400xxxxxx0018 Visa/master/JCB: xxxxxxxxxxxx0002 | Yes | String(20) |
| currency | Tiền tệ | Yes | String(3) |
| instmntMon | Không dùng | No | String(2) |
| instmntType | Không dùng | No | String(2) |
| goodsNm | Tên hàng hóa | Yes | String(200) |
| buyerFirstNm | Họ người mua | Yes | String(30) |
| buyerLastNm | Tên người mua | Yes | String(30) |
| payType | Thông tin về phương thức thanh toán <ul style="list-style-type: none">+ DC: Thanh toán bằng thẻ ATM nội địa+ IC: Thanh toán bằng thẻ tín dụng (Visa/master/JCB/...)+ EW: Thanh toán bằng ví điện tử+ IS: Thanh toán trả góp+ VA: Thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền+ QR: Thanh toán bằng VNPAYQR | Yes | String(2) |
| trxDt | Ngày phát sinh giao dịch (yyyymmdd) | Yes | String(8) |
| trxTm | Giờ phát sinh giao dịch | Yes | String(6) |
| timeStamp | Time stamp | | |
| merTrxId | Mã giao dịch do Merchant gửi lên | Yes | String(50) |



| | | | |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>Chữ ký: được sử dụng để xác thực giao dịch của merchant.</p> <p>1. Với giao dịch thanh toán 1 bước (pay 1-step):</p> <p>a. Công thức sinh merchantToken nếu user không phải trả phí Thanh toán (<i>điều kiện: userFee is null or userFee = 0</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán thường: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + encodeKey)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán bằng token: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + encodeKey)</p> <p>b. Công thức sinh merchantToken nếu user phải trả phí thanh toán (<i>điều kiện: userFee > 0</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán thường: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + userFee + encodeKey)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán bằng token: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + userFee + encodeKey)</p> <p>2. Với giao dịch thanh toán 2 bước (pay 2-step, chỉ áp dụng cho thẻ IC và IS):</p> <p>a. Công thức sinh merchantToken nếu user không phải trả phí Thanh toán (<i>điều kiện: userFee is null or userFee = 0</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán thường: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + authorizations + encodeKey)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán với token: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + authorizations + encodeKey)</p> <p>b. Công thức sinh merchantToken nếu user phải trả phí thanh toán (<i>điều kiện userFee > 0</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán thường <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + userFee + authorizations + encodeKey)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức thanh toán với token: <p>Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + userFee +</p> | | |
| merchantToken | | Yes | <p>String(255)</p>  <p>Trường hợp Verify merchantToken thất bại (Không khớp hoặc Exception), để nghị merchant gọi lại hàm Truy vấn thông tin giao dịch (Inquiry) để lấy trạng thái chính xác của giao dịch</p> |



| | | | |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | authorizations + encodeKey) Lưu ý: payToken: Đã mã hóa bằng 3DES | | |
| startDt | Ngày bắt đầu hiệu lực tài khoản V.A (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(14) |
| endDt | Ngày hết hiệu lực Mã nộp tiền (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(14) |
| vaName | Tên tài khoản Mã nộp tiền (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(50) |
| vaNumber | Số tài khoản Ma | No | String(30) |
| payToken | Trả về khi thanh toán với tính năng tokenization payToken trả về đã mã hóa 3DES Key giải mã: 24 ký tự đầu của encodeKey Trả về khi payOption = PAY_CREATE_TOKEN hoặc PAY_WITH_TOKEN | No | String(100)  payToken trả về có thể sẽ khác với payToken từ request (mục 4.1) |
| userId | Sử dụng cho tokenization Mã khách hàng trên hệ thống Merchant Bắt buộc với: payOption = “PAY_CREATE_TOKEN”, “PAY_WITH_TOKEN” | No | String(40) |
| issueBankName | Tên Ngân hàng khi thanh toán bằng thẻ Quốc tế; Chỉ trả về khi thanh toán thẻ Quốc tế thành công | No | String(1024) |
| cardType | Loại thẻ: 001: visa; 002: Master; 007: JCB | No | String(3) |
| subappid | Subappid cho giao dịch zaloPay dành cho merchant game | No | String |
| userFee | - Phí thanh toán của enduser phải chịu - Khi Merchant sử dụng chia sẻ phí thanh toán cho end user) | No | String(12) |
| userFeeIs | - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) - Fee chuyển đổi trả góp mà endser phải chịu | No | String(12) |
| termIs | - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) - Kỳ hạn trả góp, ví dụ: 3, 6, 12 tháng | No | String(2) |
| firstAmount | - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) - Số tiền tháng đầu tiên enduser phải trả | No | String(12) |



| | | | |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------|
| nextAmount | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) - Số tiền các tháng sau enduser phải trả | No | String(12) |
| payOption | <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán và tạo token: PAY_CREATE_TOKEN - Thanh toán bằng Token: PAY_WITH_TOKEN <p>Lưu ý: Trường hợp Merchant thanh toán với PAY_WITH_TOKEN khi token ở Megapay đã xóa (do 90 ngày không có giao dịch và Thẻ hết hạn) Megapay sẽ hiển thị form nhập thẻ cho end-user:  <ul style="list-style-type: none"> - Nếu end-user nhập số thẻ khớp với số thẻ cũ, Megapay sẽ giữ nguyên token. - Nếu số thẻ khác với số thẻ cũ, Megapay sẽ sinh ra token mới, map với số thẻ mới, khi đó MGP trả về PAY_CREATE_TOKEN và trả về payToken mới </p> | No | String(100) |
| cardEnroll3DS | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng thanh toán với IC, IS - Trạng thái giao dịch thanh có sử dụng hay không sử dụng xác thực 3DS <ul style="list-style-type: none"> + 0: Thẻ không tham gia 3DS + 1: Thẻ có tham gia 3DS, và Merchant được cầu hình yêu cầu chủ thẻ nhập mật khẩu 3DS khi thực hiện + 2: Thẻ có tham gia 3DS, và Merchant được cầu hình không yêu cầu chủ thẻ nhập mật khẩu 3DS khi thực hiện giao dịch | No | String(1) |
| icIssue | <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ quốc tế phát hành trong nước hoặc ngoài nước : <ul style="list-style-type: none"> + IN : Thẻ phát hành trong nước + OUT : Thẻ phát hành nước ngoài - Chỉ áp dụng cho thẻ quốc tế (IC) | No | String(3) |
| Authorizations | <ul style="list-style-type: none"> - Trường này đánh dấu là ủy quyền tạm giữ số tiền của giao dịch (là 1 bước trong pay 2-step) - Nếu merchant sử dụng trường này, thì số tiền thanh toán trên thẻ quốc tế của người dùng mới ở bước tạm giữ (giao dịch lúc này sẽ chưa được ghi nhận thành công), để hoàn tất thanh toán, bạn cần gọi API captures, chi tiết luồng ở trong mục 14. + 1: Ủy quyền tạm giữ số tiền của user cho giao dịch; merchant phải thực hiện gửi yêu cầu Captures thì giao dịch mới được hoàn tất thanh toán (đánh dấu giao dịch là pay 2-step) + Other: Là giao dịch pay one-step, giao dịch hoàn tất thanh toán luôn khi gửi yêu cầu này, và không cần gửi yêu cầu Captures. - Note: Chỉ áp dụng cho thẻ (IC, IS) | No | String(1) |



Lưu ý: Merchant gọi lại hàm Truy vấn giao dịch (Inquiry) để kiểm tra trạng thái giao dịch trước khi trả dịch vụ cho Khách hàng



Chuỗi Json mẫu

```
{"vaName":"null","accessUrl":"http://172.16.10.132:5858/NotiUrl","buyerLastNm":"luzn","trxTm":"103638","cardNo":"xxxxxxxxxxxx0002","vaNumber":"null","matchStatus":"1","payType":"IC","currency":"VND","instmntMon":"3","invoiceNo":"OrdNo20191003054607","merchantToken":"b5fd198a812a7596aafff132d3b945ba34d7542c157460e4439bc29d6bcc77aa","amount":"100000","goodsNm":"null","resultCd":"00_000","merTrxId":"EPAY00000120191003054607","trxId":"EPAY000001IC201910031036381797","userId":"hnluanbv","instmntType":"1","resultMsg":"SUCCESS","timeStamp":"20191003054607","trxDt":"20191003","bankId":"STBM","merId":"EPAY000001","buyerFirstNm":"b?i","domesticToken":"null","targetUrl":"http://172.16.10.132:5858/NotiUrl","status":"0","payToken": "90665b34586d2a2d59cc1fbce3395c7f8c156991bd4dd172","subappId":"1234","userFee": "0","userFeeIs": "0","termIs": "6","firstAmount": "20000","nextAmount": "16000","payOption": "PAY CREATE TOKEN","cardEnroll3DS": "1"}
```

6 Thanh toán bằng Tokenization (API trực tiếp)

(*Phương thức này chỉ hỗ trợ các merchant được turn off 3ds khi thanh toán thẻ quốc tế*)

URL https://sandbox.megapay.vn/pg_was/payWithTokenAPI.do

Method: POST

Data type: Json

6.1 Request

Kiểu dữ liệu: Json/application

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------|
| merId | ID duy nhất cho Merchant | Yes | String(10) |
| merTrxId | Mã giao dịch do merchant sinh ra, Duy nhất trong mỗi giao dịch Thanh toán | Yes | String(50) |
| amount | Số tiền thanh toán Ví dụ: [String] “500000” 10,000 <= amount < 2,147,483,647 | Yes | String(12) |
| currency | Đơn vị tiền tệ của từng quốc gia Hiện tại chỉ cho phép: “VND” | Yes | String(3) - Fixed |
| payType | Phương thức thanh toán: Chức năng này chỉ hỗ trợ payType = IC | Yes | String(2) |
| timeStamp | timeStamp | Yes | String(13) |
| fee | Phí giao dịch | No | String(12) |
| vat | Thuế VAT | No | String(12) |
| notax | Tax number | No | String(12) |
| invoiceNo | Mã đơn hàng Duy nhất trên hệ thống MegaPay | Yes | String (40) |
| goodsNm | Tên sản phẩm | Yes | String(100) |
| notiUrl | URL IPN nhận kết quả Merchant | Yes | String(255) |
| merchantToken | Chữ ký của merchant 1. Với giao dịch thanh toán 1 bước (pay 1-step): Sha256(timeStamp + merTrxId + merId + amount + payToken + encodeKey) | Yes | String(255) |



| | | | |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------|
| | 2. Với giao dịch thanh toán 2 bước (pay 2-step) Sha256(timeStamp + merTrxId + merId + amount + payToken + authorizations + encodeKey) | | |
| payOption | payOption = “PAY_WITH_TOKEN_API”: Giao dịch thanh toán bằng token Hiện tại Tokenization chỉ hỗ trợ khi Thanh toán bằng thẻ Quốc tế | Yes | String(100) |
| payToken | Sử dụng khi thanh toán bằng tokenization Bắt buộc nhập khi payOption = “PAY_WITH_TOKEN_API” (Hiện tại chỉ áp dụng cho thanh toán thẻ Quốc tế) Mã hóa bằng 3DES Key mã hóa: 24 ký tự sau của encodeKey | Yes | String(120) |
| userId | Sử dụng cho tokenization Mã khách hàng trên hệ thống Merchant Bắt buộc nếu payOption = “PAY WITH TOKEN API” | Yes | String(40) |
| Authorizations | - Trường này đánh dấu là ủy quyền tạm giữ số tiền của giao dịch (là 1 bước trong pay 2-step) - Nếu merchant sử dụng trường này, thì số tiền thanh toán trên thẻ quốc tế của người dùng mới ở bước tạm giữ (giao dịch lúc này sẽ chưa được ghi nhận thành công), để hoàn tất thanh toán, bạn cần gọi API captures, chi tiết luồng ở trong mục 14. +) 1: Ủy quyền tạm giữ số tiền của user cho giao dịch; merchant phải thực hiện gửi yêu cầu Captures thì giao dịch mới được hoàn tất thanh toán (đánh dấu giao dịch là pay 2-step) +) Other: Là giao dịch pay one-step, giao dịch hoàn tất thanh toán luôn khi gửi yêu cầu này, và không cần gửi yêu cầu Captures. | No | String(1) |
| Note: Chỉ áp dụng cho thẻ (IC, IS) | | | |

6.2 Response

Kiểu dữ liệu: Json/application

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|------------|-----------------------------------------|----------|--------------|
| resultCd | Trạng thái giao dịch (theo bảng mã lỗi) | Yes | String(6) |
| resultMsg | Mô tả trạng thái | Yes | String(512) |
| merId | Merchant ID | Yes | String(10) |
| trxId | Mã giao dịch MegaPay sinh ra | Yes | String(30) |
| invoiceNo | Mã đơn hàng do Merchant gửi lên | Yes | String(40) |
| amount | Số tiền thanh toán | Yes | String(12) |
| bankId | Mã Ngân hàng | Yes | String(4) |

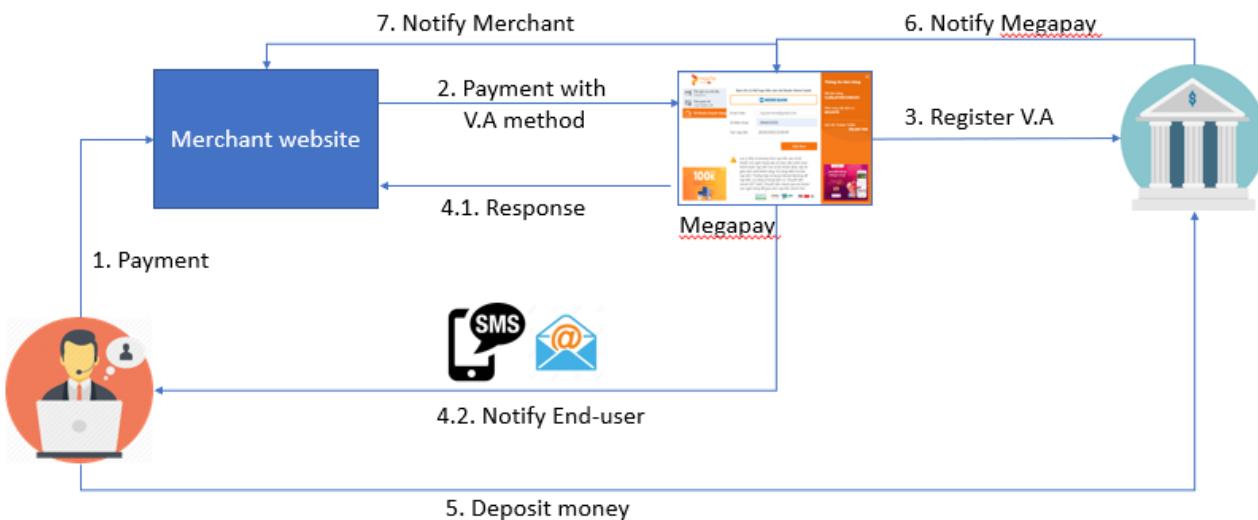


| | | | |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| cardNo | Số thẻ Ví dụ: ATM: 970400xxxxxx0018 Visa/master/JCB: xxxxxxxxxxxx0002 | Yes | String(20) |
| currency | Tiền tệ | Yes | String(3) |
| goodsNm | Tên hàng hóa | Yes | String(200) |
| buyerFirstNm | Họ người mua | Yes | String(30) |
| buyerLastNm | Tên người mua | Yes | String(30) |
| payType | Thông tin về phương thức thanh toán + IC: Thanh toán bằng thẻ tín dụng (Visa/master/JCB/...) | Yes | String(2) |
| trxDt | Ngày phát sinh giao dịch (yyyymmdd) | Yes | String(8) |
| trxTm | Giờ phát sinh giao dịch | Yes | String(6) |
| timeStamp | Time stamp | | |
| merTrxId | Mã giao dịch do Merchant gửi lên | Yes | String(50) |
| merchantToken | <p>Chữ ký: được sử dụng để xác thực giao dịch của merchant</p> <p>1. Với giao dịch thanh toán 1 bước (pay 1-step):</p> <p>a. Công thức user không chịu phí thanh toán (<i>điều kiện: userFee is null or userFee = 0</i>):</p> <p>Sha256(resultCd +timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + encodeKey)</p> <p>b. Công thức cấu hình user chịu phí thanh toán (<i>điều kiện: userFee > 0</i>):</p> <p>Sha256(resultCd +timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + userFee + encodeKey)</p> <p>2. Với giao dịch thanh toán 2 bước (pay 2-step):</p> <p>a. Công thức user không chịu phí thanh toán (<i>điều kiện: userFee is null or userFee = 0</i>):</p> <p>Sha256(resultCd +timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + authorizations + encodeKey)</p> <p>b. Công thức cấu hình user chịu phí thanh toán (<i>điều kiện: userFee > 0</i>):</p> <p>Sha256(resultCd +timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + userFee + authorizations + encodeKey)</p> <p>Note payToken: mã hóa bằng 3DES</p> | Yes | String(255)  Trường hợp Verify merchantToken thất bại (Không khớp hoặc Exception), đề nghị merchant gọi lại hàm Truy vấn thông tin giao dịch (Inquiry) để lấy trạng thái chính xác của giao dịch |
| payToken | Trả về khi payOption = “ PAY_WITH_TOKEN_API ” Mã hóa bằng 3DES Key giải mã: 24 ký tự đầu của encodeKey | No | String(100) |
| userId | Trả về khi payOption = “ PAY_WITH_TOKEN_API ” | No | String(40) |
| userFee | - Phí thanh toán của enduser phải chịu Khi Merchant sử dụng chia sẻ phí thanh toán cho end user) | No | String(12) |
| cardEnroll3DS | - Chỉ áp dụng thanh toán với IC, IS - Trạng thái giao dịch thanh có sử dụng hay không sử dụng xác thực 3DS +) 0: Thẻ không tham gia 3DS +) 1: Thẻ có tham gia 3DS, và Merchant được | No | String(1) |



| | | | |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------|
| | câu hình yêu cầu chủ thẻ nhập mật khẩu 3DS khi thực hiện +) 2: Thẻ có tham gia 3DS, và Merchant được câu hình không yêu cầu chủ thẻ nhập mật khẩu 3DS khi thực hiện giao dịch | | |
| authorizations | <ul style="list-style-type: none"> - Trường này đánh dấu là ủy quyền tạm giữ số tiền của giao dịch (là 1 bước trong pay 2-step) - Nếu merchant sử dụng trường này, thì số tiền thanh toán trên thẻ quốc tế của người dùng mới ở bước tạm giữ (giao dịch lúc này sẽ chưa được ghi nhận thành công), để hoàn tất thanh toán, bạn cần gọi API captures, chi tiết luồng ở trong mục 14. <p>+ 1: Ủy quyền tạm giữ số tiền của user cho giao dịch; merchant phải thực hiện gửi yêu cầu Captures thì giao dịch mới được hoàn tất thanh toán (đánh dấu giao dịch là pay 2-step)</p> <p>+ Other: Là giao dịch pay one-step, giao dịch hoàn tất thanh toán luôn khi gửi yêu cầu này, và không cần gửi yêu cầu Captures.</p> <p>- Note: Chỉ áp dụng cho thẻ (IC, IS)</p> | No | String(1) |

7 Giao dịch thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền



| Bước | Giải thích |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Khách hàng lựa chọn sản phẩm cần thanh toán trên trang Merchant và click “Thanh toán” |
| 2 | Khách hàng chọn phương thức thanh toán “Chuyển khoản” (thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền) |
| 3 | Epay thực hiện gọi sang Ngân hàng để gán tài khoản Deposit code với Mã đơn hàng |
| 4.1 | Megapay trả kết quả thanh toán bằng tài khoản Deposit code cho Merchant bằng cách redirect về trang merchant, Merchant hiển thị kết quả thanh toán cho End-user (các thông tin chính: Số tài khoản Deposit code, Tên tài khoản, Số tiền end-user sẽ phải nạp vào, mã đơn hàng) |
| | <p>Lưu ý: Ở bước này Megapay chỉ thực hiện gán tài khoản Deposit code cho đơn hàng, kết quả trả ra là “Thành công” có nghĩa là gán thành công, không có nghĩa là đơn hàng được thanh toán, merchant không trả hàng hóa – dịch vụ cho end user ở bước này</p> |



| | |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.2 | Megapay cũng đồng thời gửi SMS và Email cho End-user (các thông tin chính: Số tài khoản Deposit code, Tên tài khoản, Số tiền end-user sẽ phải nạp vào, mã đơn hàng) <i>Việc gửi SMS và Email này có thể gửi hoặc không gửi theo yêu cầu của Merchant</i> |
| 5 | Sau khi End-user nhận được số tài khoản Deposit code, số tiền cần nạp ở bước 4 End-user thực hiện nạp tiền vào tài khoản Deposit code (bằng các phương thức sau: Nạp tiền tại quầy Ngân hàng, chuyển khoản vào tài khoản Deposit code) |
| 6 | Khi tài khoản Deposit code được nạp tiền, Ngân hàng sẽ thông báo cho MegaPay: Tài khoản Deposit code đã được nạp tiền, số tiền khách hàng đã nạp |
| 7 | MegaPay dựa vào thông tin gán giữa mã đơn hàng – số tài khoản Deposit code để lấy ra được thông tin đơn hàng mà Khách hàng thanh toán. MegaPay thông báo cho Merchant thông qua API Notify (IPN – được mô tả ở bước 4.2.2) Lúc này Merchant trả hàng hóa – dịch vụ cho end-user |



Lưu ý: Tài khoản Deposit code chỉ được sử dụng 1 lần; Khách hàng không nạp tiền 2 lần vào cùng một tài khoản V.A để thanh toán.

8 Giao dịch Hoàn tiền (Refund)



Chức năng này **không áp dụng** cho phương thức thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền

URL: https://sandbox.megapay.vn/pg_was/cancel/paymentCancel.do

Method: POST

8.1 Request

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| trxId | Mã giao dịch cần Refund | Yes | String(30) |
| merId | ID duy nhất cho Merchant | Yes | String(10) |
| merTrxId | Mã giao dịch do merchant sinh ra, Duy nhất trong mỗi giao dịch Refund | Yes | String(50) |
| amount | Số tiền cần refund. Số tiền refund phải nhỏ hơn hoặc bằng số tiền thanh toán. Merchant được phép refund nhiều lần sao cho tổng số tiền refund không lớn hơn số tiền thanh toán. | Yes | String(12) |
| payType | Phương thức thanh toán: - IC: Thanh toán thẻ Credit (Visa/master/JCB...) - DC: Thanh toán thẻ ATM nội địa - EW: Thanh toán bằng ví điện tử - IS: Thanh toán trả góp - QR: Thanh toán bằng VNPayQR | Yes | String(2) |
| Lưu ý: Phương thức thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền không được phép hủy | | | |
| cancelMsg | Lý do hủy giao dịch | Yes | String(100) |
| timeStamp | timeStamp | Yes | String(13) |
| fee | Phí giao dịch hủy | No | String(12) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| vat | Thuế Vat | No | String(12) |
| notax | No Tax Amount | No | String(12) |
| cancelServiceIp | IP server Hủy | No | String(15) |
| cancelUserId | ID Người dùng hủy | No | String(30) |
| cancelUserIp | IP Người dùng hủy | No | String(15) |
| cancelUserInfo | Thông tin người dùng hủy | No | String(100) |
| merchantToken | Sha256(timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + encodeKey) | Yes | String(255) |
| cancelPw | Password refund giao dịch của merchant qua API (Urlencode giá trị này trước khi đưa vào request) | Yes | String(255) |
| refundData | <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách số tiền refund 1 phần được tách theo companyCode tương ứng - Định dạng: json Array - Bắt buộc với merchant sử dụng nhận thanh toán riêng cho từ 2 công ty con trở lên. <p>Note: Chỉ áp dụng cho các Merchant có nhiều công ty con (từ 2 công ty trở lên) thực hiện tích hợp chung 1 luồng thanh toán, nhưng muốn tách mỗi công ty con được nhận thanh toán riêng từ Epay.</p> | No | String |
| hash | <ul style="list-style-type: none"> - Công thức: Sha256(merTrxId + refundData+ encodeKey) - Là chữ ký, bắt buộc với merchant sử dụng nhận thanh toán riêng cho từ 2 công ty con trở lên. <p>Note: Chỉ áp dụng cho các Merchant có nhiều công ty con (từ 2 công ty trở lên) thực hiện tích hợp chung 1 luồng thanh toán, nhưng muốn tách mỗi công ty con được nhận thanh toán riêng từ Epay.</p> | No | String |

Tham số **refundData** có định dạng là **json array**, chỉ áp dụng cho các Merchant có nhiều công ty con (từ 2 công ty trở lên) thực hiện tích hợp chung 1 luồng thanh toán, nhưng muốn tách mỗi công ty con được nhận thanh toán riêng từ Epay. Mỗi phần tử trong **json array** là một đối tượng **companyCode** (là một công ty con) chứa các thông tin sau:

| Field name | Description | Required | Datatype |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|
| companyCode | <ul style="list-style-type: none"> - Là mã công ty pháp nhân con, lấy theo sản phẩm đã thanh toán, truyền đúng để được hoàn tiền và hoạch toán chính xác theo công ty con - CompanyCode phải được đăng ký với MGP | Yes | String(10) |
| partialAmount | Tổng số tiền được hoàn lại theo mỗi công ty pháp nhân (companyCode) | Yes | String (12) |

Chuỗi json array mẫu của **refundData**:

```
[{"companyCode": "COMPANY_A", "partialAmount": "10000"}, {"companyCode": "COMPANY_B", "partialAmount": "50000"}]
```

Ví dụ:



Có giao dịch thanh toán như sau, có số tiền thanh toán là 120000 cho 4 sản phẩm productCategory = {A, B, C, D} tương ứng với 2 công ty companyCode = { COMPANY_A , COMPANY_B } được thể hiện chi tiết như sau:

- productA, COMPANY_A, 10000
- productB, COMPANY_A, 20000
- productC, COMPANY_B, 40000
- productD, COMPANY_B, 50000

Các case bạn muốn refund như sau:

a. Bạn muốn refund cho sản phẩm productB, “Số tiền” hoàn lại là 20000 → refundData sẽ như sau:

```
[ {"companyCode": "COMPANY_A", "partialAmount": "20000"} ]
```

b. Bạn muốn refund cho sản phẩm productA và productB, “Số tiền” hoàn lại là 30000 (1000+ 2000) → refundData sẽ như sau:

```
[ {"companyCode": "COMPANY_A", "partialAmount": "30000"} ]
```

c. Bạn muốn refund cho sản phẩm productA và productC, “Số tiền” hoàn lại là 50000 (1000 + 4000) → refundData sẽ như sau

```
[ {"companyCode": "COMPANY_A", "partialAmount": "10000"}, {"companyCode": "COMPANY_B", "partialAmount": "40000"} ]
```

d. Bạn muốn refund cho sản phẩm productA, productC, and productD, “Số tiền” hoàn lại là 100000 (1000 + 4000 + 5000) → refundData sẽ như sau:

```
[ {"companyCode": "COMPANY_A", "partialAmount": "10000"}, {"companyCode": "COMPANY_B", "partialAmount": "90000"} ]
```

e. Bạn muốn refund tất cả sản phẩm, “số tiền” hoàn lại là 120000 → refundData sẽ như sau:

```
[ {"companyCode": "COMPANY_A", "partialAmount": "30000"}, {"companyCode": "COMPANY_B", "partialAmount": "90000"} ]
```

8.2 Response

(Nếu giao dịch hoàn tiền thành công, hệ thống MGP sẽ gửi IPN cho merchant, các tham số giống với IPN của phương thức thanh toán ở mục 5.2.2 khác với tham số **status = 2**, Merchant nên inquiry lại khi nhận được IPN)

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|-------------|---------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| trxId | Mã giao dịch gốc | No | String(30) |
| invoiceNo | Mã đơn hàng | No | String(40) |
| cancelTrxId | Mã giao dịch hủy (Do megapay sinh ra) | No | String(30) |
| resultCd | Kết quả giao dịch hủy 00_000: Thành công Khác: Thất bại | Yes | String(6) |
| resultMsg | Message kết quả giao dịch hủy | No | String(100) |
| trxDt | Ngày phát sinh giao dịch yyyyymmdd | No | String(8) |
| trxTm | Thời gian phát sinh giao dịch hh24miss | No | String(6) |
| timeStamp | Time stamp | No | String(13) |
| description | Mô tả | No | String(100) |
| amount | Số tiền Hủy thanh toán | No | String(12) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| merTrxId | Mã giao dịch do Merchant sinh ra | No | String(50) |
| merchantToken | Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + encodeKey) | No | String(255) |
| payMessage | CC_DCAN | Yes | String(7) |

Message Mẫu

| |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| + Refund thành công: {"trxId":"SITNAPAS01IC201908231318287662","invoiceNo":"OrdNo20190823082433","cancelTrxId":"SITNAPA S01IC201911111526356652","resultCd":"00_000","resultMsg":"SUCCESS","trxDt":"20190823","trxTm":"131846", "description":"fdsafsd","amount":"1000","merchantToken":"058404a42a6e412970bdd5efa9935362dfcdfa395e97e131 c067e8a5c3b0b662","merTrxId":"SITNAPAS0120190823082433","payMessage":"CC_ICAN","timeStamp":"201908 23082433"} |
| + Refund thất bại: {"trxId":"SITNAPAS01DC201908161421387007","invoiceNo":"OrdNo20190816092739","cancelTrxId":null,"result Cd":"CC_119","resultMsg":"Amount The amount you entered is larger than the amount you want to cancel.","trxDt":"20190816","trxTm":"142138","description":"fdsafsd","amount":"500000","merchantToken":"b4a8d 1d78a80e139ebbf65196cf18c96a32609c6d39838f1733a783858f82667","merTrxId":"MERTRXID20190816092739", "payMessage":"CC_DCAN","timeStamp":"20190816092739"} |
| + Refund thất bại: {"trxId":null,"invoiceNo":null,"cancelTrxId":null,"resultCd":"CC_110","resultMsg":"Invalid transaction number.", "trxDt":null,"trxTm":null,"description":null,"amount":null,"merchantToken":"9368f3783210175e5a457ac4c 2cf0ba759cee9d3c61da8a5c38cbcd33715ee48","merTrxId":null,"payMessage":"CC_ICAN","timeStamp":"15662945 63371"} |

9 Truy vấn thông tin giao dịch (Inquiry)



Nếu Merchant không nhận được kết quả giao dịch (do timeout, người dùng ngắt kết nối, lỗi đường truyền) thì Merchant bắt buộc phải gọi hàm này để kiểm tra trạng thái cuối cùng của giao dịch

9.1 Request

API URL: https://sandbox.megapay.vn/pg_was/order/trxStatus.do

Method = POST



Danh sách tham số:

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|---------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| merId | Mã Merchant trên hệ thống MegaPay | Yes | String(10) |
| merTrxId | Mã giao dịch của Merchant, dùng để truy vấn thông tin giao dịch | Yes | String(50) |
| merchantToken | Dữ liệu check sum: SHA256(timeStamp + merTrxId + merId + encodeKey) | Yes | String(255) |
| timeStamp | timeStamp | Yes | String(13) |

Chuỗi request mẫu:

merId=EPAYABC111&merTrxId=EPAYABC111132019164952H5zcZ0&merchantToken=d0c6e1ac9a18e2f9cb7b92115a0f2871fd415dc05fda0f94d0d341a68a6b039e&timeStamp=1551436017653

9.2 Response

Danh sách tham số trả về:

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| resultCd | Mã lỗi của giao dịch truy vấn. Nếu mã lỗi là "00_000" (giao dịch truy vấn thành công) thì sẽ có thêm chuỗi dữ liệu data là Thông tin giao dịch cần truy vấn | Yes | String(6) |
| data | Thông tin giao dịch cần truy vấn | | |
| trxId | Mã giao dịch do MegaPay sinh ra | Yes | String(30) |
| merId | Merchant ID | Yes | String(10) |
| currency | Loại tiền tệ. Hiện tại chỉ hỗ trợ VND | Yes | String(3) |
| amount | Giá trị thanh toán (bằng giá trị của Merchant truyền lên) | Yes | String(12) |
| invoiceNo | Mã đơn hàng | Yes | String(40) |
| goodsNm | Tên sản hàng hóa | Yes | |
| payType | Hình thức thanh toán: IC: Thẻ tín dụng (Visa/master/JCB...) IS: Thanh toán trả góp DC: Thẻ ATM nội địa EW: Thanh toán bằng ví điện tử VA: Chuyển khoản qua Mã nộp tiền QR: Thanh toán bằng VNPayQR | Yes | String(2) |
| buyerFirstNm | Tên người mua | Yes | String(30) |
| buyerLastNm | Họ người mua | Yes | String(30) |
| buyerPhone | Số điện thoại người mua | No | String(15) |
| buyerEmail | Email người mua | No | String(40) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------|
| resultCd | Kết quả giao dịch Thanh toán - 00_000: Thành công - 99: Chờ xử lý - Khác: Thất bại | Yes | String(6) |
| resultMsg | Message - Tương ứng với resultCd | Yes | String(200) |
| status | Tình trạng giao dịch +) -3: Giao dịch gốc thất bại +) -2: Giao dịch gốc đang chờ xử lý +) -1: Không tìm thấy giao dịch +) 0: Giao dịch gốc thanh toán Thành công (chưa refund, enduser đã nạp tiền vào tài khoản Dcode) +) 1: Giao dịch gốc Thành công (đã được hủy Trả góp/từ chối trả góp) +) 2: Giao dịch gốc Thành công (đã được refund) +) 5: Giao dịch Dcode đăng ký thành công (nhưng enduser chưa nạp tiền vào tài khoản Dcode) | Yes | String(2) |
| | Lưu ý: Cần chú ý trường này để biết trạng thái cuối của giao dịch đang ở bước nào | | |
| twoStepStatus | Giao dịch thanh toán two-step sẽ có dữ liệu trong trường này (NULL cho giao dịch pay one-step) +) 1: Authorized (Ủy quyền tạm giữ số tiền thanh toán của user) +) 2: Captured (giao dịch chuyển trạng thái từ tạm giữ số tiền thanh toán sang Thanh toán thành công) +) 3: Authorization is canceled (Hủy bỏ tạm giữ số tiền thanh toán) +) 4: Capture is rejected (Yêu cầu xác nhận thanh toán bị Bank từ chối) | No | String(1) |
| bankId | Mã Ngân hàng | Yes | String(10) |
| cardNo | Số thẻ | Yes | String(20) |
| trxDt | Ngày giao dịch | Yes | String(8) |
| trxTm | Thời gian giao dịch | Yes | String(6) |
| cancelDt | Ngày refund giao dịch (Chỉ có khi giao dịch refund) | No | String(8) |
| cancelTm | Thời gian refund giao dịch (Chỉ có khi giao dịch refund) | No | String(6) |
| payMessage | “TX_CHK” | Yes | String |
| merTrxId | Mã giao dịch do Merchant sinh ra | Yes | String(50) |
| vaNumber | Số tài khoản Mã nộp tiền (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(30) |
| startDt | Ngày bắt đầu hiệu lực của Mã nộp tiền (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(14) |
| endDt | Ngày hết hiệu lực của Mã nộp tiền (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(14) |
| vaName | Tên tài khoản của Mã nộp tiền (Chỉ dùng cho giao dịch chuyển khoản qua Mã nộp tiền) | No | String(50) |
| timeStamp | Time stamp | No | String(13) |
| merchantToken | Chữ ký: được sử dụng để xác thực giao dịch của merchant. a. Công thức sinh merchantToken nếu user không phải trả phí Thanh toán (điều kiện: userFee is null) | No | String(255) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p><i>or userFee = 0)</i></p> <p>- Công thức thanh toán thường: Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + encodeKey)</p> <p>- Công thức thanh toán bằng token: Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + encodeKey)</p> <p><i>b. Công thức sinh merchantToken nếu user phải trả phí thanh toán (điều kiện: userFee > 0)</i></p> <p>-Công thức thanh toán thường: Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + userFee + encodeKey)</p> <p>- Công thức thanh toán bằng token: Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + payToken + userFee + encodeKey)</p> | | Trường hợp Verify merchantToken thất bại (Không khớp hoặc Exception), Vui lòng liên hệ với Megapay để được hỗ trợ |
| remainAmount | Số tiền còn lại. Trường hợp giao dịch refund một phần, số tiền này sẽ là số tiền còn lại sau khi đã refund một phần. Trường hợp giao dịch chia refund lần nào, số tiền này bằng với số tiền đã thanh toán | Yes | String(12) |
| payToken | Sử dụng khi thanh toán bằng tokenization Mã hóa bằng 3DES Key giải mã: 24 ký tự đầu của encodeKey Áp dụng khi payOption = PAY_WITH_TOKEN hoặc PAY_CREATE_TOKEN | No | String(100) |
| userId | Sử dụng cho tokenization Mã khách hàng trên hệ thống Merchant Bắt buộc với: payOption = "PAY_CREATE_TOKEN", "PAY_WITH_TOKEN" | No | String(40) |
| userFee | - Phí thanh toán của enduser phải chịu Khi Merchant sử dụng chia sẻ phí thanh toán cho end user) | No | String(12) |
| userFeeIs | - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) Fee chuyên đổi trả góp mà enduser phải chịu | No | String(12) |
| termIs | - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) Kỳ hạn trả góp, ví dụ: 3, 6, 12 tháng | No | String(2) |
| firstAmount | - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) Số tiền tháng đầu tiên enduser phải trả | No | String(12) |
| nextAmount | - Chỉ áp dụng cho thanh toán trả góp (IS) | No | String(12) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| | Số tiền các tháng sau enduser phải trả | | |
| payOption | <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán và tạo token: PAY_CREATE_TOKEN - Thanh toán bằng Token: PAY_WITH_TOKEN <p>Lưu ý: Trường hợp Merchant thanh toán với PAY_WITH_TOKEN khi token ở Megapay đã xóa (do 90 ngày không có giao dịch và Thẻ hết hạn) Megapay sẽ hiển thị form nhập thẻ cho end-user: - Nếu end-user nhập số thẻ khớp với số thẻ cũ, Megapay sẽ giữ nguyên token. - Nếu số thẻ khác với số thẻ cũ, Megapay sẽ sinh ra token mới, map với số thẻ mới, khi đó MGP trả về PAY_CREATE_TOKEN và trả về payToken mới</p>  | No | String(100) |
| cardEnroll3DS | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng thanh toán với IC, IS - Trạng thái giao dịch thanh có sử dụng hay không sử dụng xác thực 3DS <ul style="list-style-type: none"> + 0: Thẻ không tham gia 3DS + 1: Thẻ có tham gia 3DS, và Merchant được cấu hình yêu cầu chủ thẻ nhập mật khẩu 3DS khi thực hiện + 2: Thẻ có tham gia 3DS, và Merchant được cấu hình không yêu cầu chủ thẻ nhập mật khẩu 3DS khi thực hiện giao dịch | No | String(1) |

Với giao dịch thanh toán two-step (payType = IC or IS), merchant cần chú ý đến cả hai trạng thái **status** và **twoStepStatus** để kiểm tra trạng thái cuối của giao dịch.

| Trường status | Trường twoStepStatus | Kết quả giao dịch | Note |
|---------------|----------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 0 | NULL | successful | Giao dịch thanh toán one-step, giao dịch successful |
| 0 | 1 | pending | Giao dịch thanh toán two-step, merchant cần gửi API captures để hoàn tất giao dịch |
| 0 | 2 | successful | Giao dịch thanh toán two-step, cả 2 bước auth & capture done, giao dịch hoàn tất, giao dịch có kết quả thanh toán successful |
| 0 | 3 | fail | Giao dịch thanh toán two-step, merchant gửi yêu cầu “authorization is canceled” |
| 0 | 4 | fail | Giao dịch thanh toán two-step, Bank từ chối capture hoặc capture bị Fail |
| 31 | NULL | successful | Giao dịch thanh toán one-step, giao dịch đã duyệt review, giao dịch successful |
| 31 | 1 | pending | Giao dịch thanh toán two-step, giao dịch đã duyệt review, merchant cần gửi API captures để hoàn tất giao dịch |
| 31 | 2 | successful | Giao dịch thanh toán two-step, giao dịch đã duyệt review, cả 2 bước auth & capture done, giao dịch hoàn tất, giao dịch có kết quả thanh toán successful |



| | | | |
|----|---|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 31 | 3 | fail | Giao dịch thanh toán two-step, giao dịch đã duyệt review, merchant gửi yêu cầu “authorization is canceled” |
| 31 | 4 | fail | Giao dịch thanh toán two-step, giao dịch đã duyệt review, Bank từ chối capture hoặc capture bị Fail |

Chuỗi json mẫu

| Kết quả truy vấn thành công: | | | |
|---------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giao dịch gốc thất bại | | | <pre>{"resultCd": "00_000", "data": {"trxId": "-1", "merId": "EPAY000001", "resultCd": "PG_ER5", "resultMsg": "Customer cancellation", "status": "-3", "timeStamp": "1570075200112", "merchantToken": "01de67683045c8f8f3a4e87f436049f135f3f7cabf639d0d9784055388bdfd66", "payMessage": "TX_CHK", "merTrxId": "EPAY00000120191003054606"}} Note: các trường dữ liệu bị null đã bị loại bỏ ra khỏi chuỗi json trả về</pre> |
| Giao dịch gốc đang được xử lý | | | <pre>{"resultCd": "00_000", "data": {"merchantToken": "c6a54ced9b628da494b8001cdf038ae9dd59c382b7beaf23483069117576b5db", "amount": "10000", "goodsNm": "Tea milk", "resultCd": "99", "buyerEmail": "FOABPNGE@gmail.com", "buyerLastNm": "Nguyen", "merTrxId": "EPAY000001_200914133415_funfv", "trxId": "EPAY000001DC202009141334421649", "resultMsg": "Giao d?ch ?ang ch? x?", "ly": "1600065260940", "payType": "DC", "merId": "EPAY000001", "currency": "VND", "invoiceNo": "Order_200914133415_25740", "buyerFirstNm": "Van A", "payMessage": "TX_CHK", "status": "-2"}} Note: các trường dữ liệu bị null đã bị loại bỏ ra khỏi chuỗi json trả về</pre> |
| Không tìm thấy giao dịch | | | <pre>{"resultCd": "00_000", "data": {"trxId": "-1", "merId": "EPAY000001", "resultCd": "OR_140", "resultMsg": "Transaction does not exist", "status": "-1", "timeStamp": "1570075200112", "merchantToken": "01de67683045c8f8f3a4e87f436049f135f3f7cabf639d0d9784055388bdfd66", "payMessage": "TX_CHK", "merTrxId": "EPAY00000120191003054606"}} Note: các trường dữ liệu bị null đã bị loại bỏ ra khỏi chuỗi json trả về</pre> |
| Giao dịch gốc thanh toán thành công (chưa refund) | | | <pre>{"resultCd": "00_000", "data": {"trxId": "EPAY000001IC201910031036381797", "merId": "EPAY000001", "currency": "VND", "amount": "100000", "invoiceNo": "OrdNo20191003054607", "payType": "IC", "buyerFirstNm": "bùi", "buyerLastNm": "luận", "buyerEmail": "builuan@gmail.com", "resultCd": "00_000", "resultMsg": "paid", "status": "0", "bankId": "STBM", "cardNo": "xxxxxxxxxxxx0002", "trxDt": "20191003", "trxTm": "103652", "timeStamp": "1570075152253", "merchantToken": "1b7ad56da9f079b4bc8bf85e42222476f84c90beb16bddea0048d449916b3fd0", "payMessage": "TX_CHK", "merTrxId": "EPAY00000120191003054607", "remainAmount": "0", "payToken": "90665b34586d2a2d59cc1fbce3395c7f8c156991bd4d172", "userId": "hnluanbv", "userFee": "100", "payOption": "PAY_CREATE_TOKEN", "cardEnroll3DS": "1"}} Note: các trường dữ liệu bị null đã bị loại bỏ ra khỏi chuỗi json trả về</pre> |
| Giao dịch gốc thành công (đã thực hiện refund) | | | <pre>{"resultCd": "00_000", "data": {"trxId": "EPAY000001IC201910031036381797", "merId": "EPAY000001", "currency": "VND", "amount": "100000", "invoiceNo": "OrdNo20191003054607", "payType": "IC", "buyerFirstNm": "bùi", "buyerLastNm": "luận", "buyerEmail": "builuan@gmail.com", "resultCd": "00_000", "resultMsg": "refund", "status": "2", "bankId": "STBM", "cardNo": "xxxxxxxxxxxx0002", "trxDt": "20191003", "trxTm": "103652", "timeStamp": "1570075152253", "merchantToken": "1b7ad56da9f079b4bc8bf85e42222476f84c90beb16bddea0048d449916b3fd0", "cancelDt": "20191003", "cancelTm": "104904", "payMessage": "TX_CHK", "merTrxId": "EPAY00000120191003054607", "remainAmount": "0", "payToken": "90665b34586d2a2d59cc1fbce3395c7f8c156991bd4d172", "userId": "hnluanbv", "payOption": "PAY_CREATE_TOKEN", "cardEnroll3DS": "1"}} Note: các trường dữ liệu bị null đã bị loại bỏ ra khỏi chuỗi json trả về</pre> |



| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giao dịch gốc thành công (đã được hủy Trả góp/từ chối trả góp) | <pre>{"resultCd": "00_000", "data": {"trxId": "EPAY000001IC201910031036381797", "merId": "EPAY 000001", "currency": "VND", "amount": "10000000", "invoiceNo": "OrdNo20191003054607", "pay Type": "IS", "buyerFirstNm": "bùi", "buyerLastNm": "luận", "buyerEmail": "builuan@gmail.com", "r esultCd": "00_000", "resultMsg": "IS cancel/ Reject", "status": "1", "bankId": "STBM", "cardNo": "xxxxxxxxxxxx0002", "trxDt": "20191003", "trx Tm": "103652", "timeStamp": "1570075152253", "merchantToken": "1b7ad56da9f079b4bc8bf85e4 2222476f84c90beb16bddea0048d449916b3fd0", "cancelDt": "20191003", "cancelTm": "104904", " payMessage": "TX_CHK", "merTrxId": "EPAY00000120191003054607", "remainAmount": "0", "pay Token": "90665b34586d2a2d59cc1fbce3395c7f8c156991bd4dd172", "userId": "hnluanbv", "use rFee": "0", "userFeeIs": "200000", "termIs": "9", "firstAmount": "3000000", "nextAmount": "1000000 ", "cardEnroll3DS": "1"}}</pre> <p>Note: các trường dữ liệu bị null đã bị loại bỏ ra khỏi chuỗi json trả về</p> |
| Giao dịch Deposit code đăng ký thành công, chờ end user nạp tiền vào tài khoản Deposit code | <pre>{"resultCd": "00_000", "data": {"trxId": "EPAY000001IC201910031036381797", "merId": "EPAY 000001", "currency": "VND", "amount": "100000", "invoiceNo": "OrdNo20191003054607", "payTy pe": "IC", "buyerFirstNm": "bùi", "buyerLastNm": "luận", "buyerEmail": "builuan@gmail.com", "res ultCd": "00_000", "resultMsg": "pending", "status": "5", "bankId": "STBM", "cardNo": "xxxxxxxxxx x0002", "trxDt": "20191003", "trxTm": "103652", "timeStamp": "1570075152253", "merchantToken": "1b7ad56da9f079b4bc8bf85e42222476f84c90beb16bddea0048d449916b3fd0", "payMessage": "TX_CHK", "merTrxId": "EPAY00000120191003054607", "remainAmount": "0", "payToken": "90 665b34586d2a2d59cc1fbce3395c7f8c156991bd4dd172", "userId": "hnluanbv"}}</pre> <p>Note: các trường dữ liệu bị null đã bị loại bỏ ra khỏi chuỗi json trả về</p> |
| Kết quả truy vấn thất bại | |
| { "resultCd": "OR_137", "resultMsg": "Check Trx Order Error." } | |

10 Hủy chuyển đổi Trả góp (IS cancel)



Chức năng này **chỉ áp dụng** cho phương thức thanh toán Trả góp

URL: https://sandbox.megapay.vn/pg_was/cancel/paymentISCancel.do

Method: POST

10.1 Request

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| trxId | Mã giao dịch cần Hủy trả góp (mã giao dịch gốc bên MGP) | Yes | String(30) |
| merId | ID duy nhất cho Merchant | Yes | String(10) |
| merTrxId | Mã giao dịch do merchant sinh ra, Duy nhất trong mỗi giao dịch yêu cầu Hủy trả góp | Yes | String(50) |
| type | Loại Hủy trả góp: - 1: Yêu cầu hủy trả góp (IS cancel) - 2: Yêu cầu Hủy trả góp (IS cancel) và Hoàn tiền (refund) | Yes | String(2) |
| cancelMsg | Lưu ý: Chỉ áp dụng cho phương thức thanh toán Trả góp (IS) | No | String(100) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| timeStamp | timeStamp | Yes | String(13) |
| cancelServiceIp | IP server Hủy | No | String(15) |
| cancelUserId | ID Người dùng hủy | No | String(30) |
| cancelUserIp | IP Người dùng hủy | No | String(15) |
| cancelUserInfo | Thông tin người dùng hủy | No | String(100) |
| merchantToken | Sha256(timeStamp + merTrxId + trxId + merId + type + encodeKey) | Yes | String(255) |
| cancelPw | Password hủy của Merchant (đã mã hóa) Password dùng chung với Hoàn hủy (Refund) | Yes | String(255) |

10.2 Response

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| trxId | Mã giao dịch gốc | | String(30) |
| invoiceNo | Mã đơn hàng | | String(40) |
| cancelTrxId | Mã giao dịch hủy (Do megapay sinh ra) | | String(30) |
| resultCd | Kết quả giao dịch hủy: 00_000: Yêu cầu Hủy Trả góp Thành công 99: Yêu cầu Hủy trả góp “Chờ phê duyệt” Khác: Thất bại | Yes | String(6) |
| resultMsg | Message kết quả giao dịch hủy | No | String(100) |
| trxDt | Ngày phát sinh giao dịch yyyymmdd | No | String(8) |
| trxTm | Thời gian phát sinh giao dịch hh24miss | No | String(6) |
| timeStamp | Time stamp | No | String(13) |
| description | Mô tả | No | String(100) |
| amount | Phí trả góp của enduser được nhận lại | No | String(12) |
| merTrxId | Mã giao dịch do Merchant sinh ra | No | String(50) |
| merchantToken | Sha256(resultCd + timeStamp + merTrxId + trxId + merId + amount + encodeKey) | No | String(255)  Trường hợp Verify merchantToken thất bại (Không khớp hoặc Exception), đề nghị merchant gọi lại hàm Truy vấn thông tin giao dịch (Inquiry) để lấy trạng thái chính xác của giao dịch |
| payMessage | CC_ISAN | Yes | String(7) |

Message Mẫu

**+ IS cancel thành công:**

```
{"trxId":"SITNAPAS01IC201908231318287662","invoiceNo":"OrdNo20190823082433","cancelTrxId":"SITNAPA  
S01IC201911111526356652","resultCd":"00_000","resultMsg":"SUCCESS","trxDt":"20190823","trxTm":"131846",  
"description":"fdsafsd","amount":"1000","merchantToken":"058404a42a6e412970bdd5efa9935362dfcdfa395e97e131  
c067e8a5c3b0b662","merTrxId":"SITNAPAS0120190823082433","payMessage":"CC_ISAN","timeStamp":"201908  
23082433"}
```

+ IS cancel chờ phê duyệt:

```
{"trxId":"SITNAPAS01DC201908161421387007","invoiceNo":"OrdNo20190816092739","cancelTrxId":null,"result  
Cd":"99","resultMsg":"Giao dịch đã được xác nhận trả góp, nên cần chờ phê  
đuyệt","trxDt":"20190816","trxTm":"142138","description":"fdsafsd","amount":"500000","merchantToken":"b4a8d1  
d78a80e139ebbf65196cf18c96a32609c6d39838f1733a783858f82667","merTrxId":"MERTRXID20190816092739","  
payMessage":"CC_ISAN","timeStamp":"20190816092739"}
```

+ IS cancel thất bại:

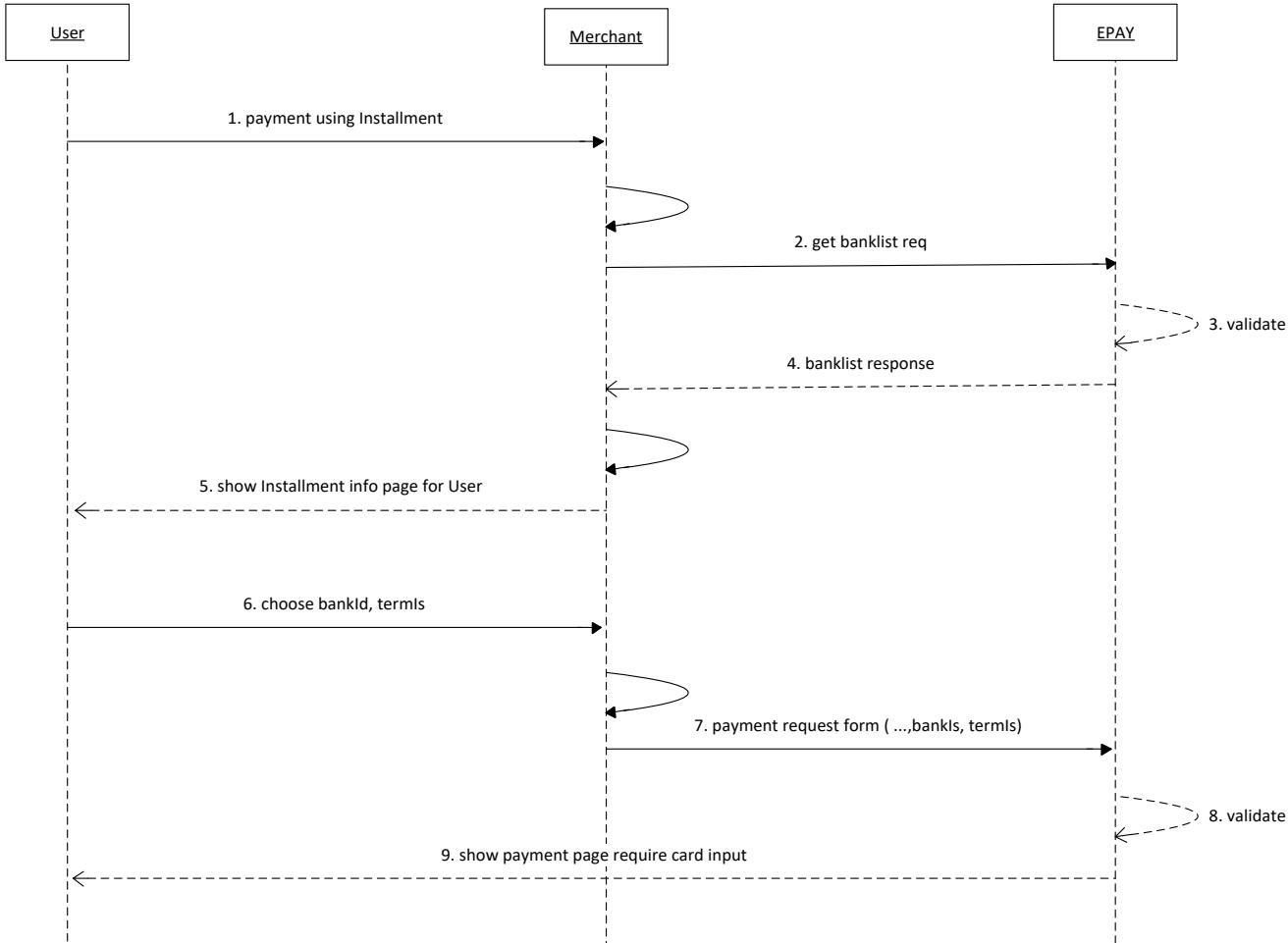
```
{"trxId":null,"invoiceNo":null,"cancelTrxId":null,"resultCd":"CC_110","resultMsg":"Invalid transaction  
number.","trxDt":null,"trxTm":null,"description":null,"amount":null,"merchantToken":"9368f3783210175e5a457ac4c  
2cf0ba759cee9d3c61da8a5c38cb33715ee48","merTrxId":null,"payMessage":"CC_ISAN","timeStamp":"15662945  
63371"}
```

11 API lấy thông tin trả góp



Chức năng này chỉ áp dụng cho phương thức **thanh toán Trả góp** khi merchant
muốn **hiện thị thông tin trả góp trên trang của mình**

11.1 Mô tả luồng tích hợp



Mô tả các bước:

Bước 1: User chọn sản phẩm/ dịch vụ tại trang của Đối tác và thực hiện thanh toán bằng phương thức trả góp.

Bước 2: Merchant Gửi API get thông tin trả góp (ở **mục 11.2**) bao gồm: MID + Giá trị sản phẩm + Chữ ký...

Bước 3: EPAY Nhận yêu cầu và validate thông tin.

Bước 4: EPAY trả về thông tin danh sách ngân hàng hỗ trợ trả góp kèm theo thông tin kỳ hạn và phí ... tương ứng.

Bước 5: Merchant tiếp nhận thông tin trả góp và hiển thị lên màn hình yêu cầu user chọn ngân hàng và kỳ hạn trả góp.

Bước 6: User chọn ngân hàng, kỳ trả góp, kiểm tra thông tin trả góp. Ấn nút Tiếp theo.

Bước 7: Merchant tích hợp request payment form (ở **mục 5.1**), gửi thêm thông tin sang cho EPAY bao gồm: bank trả góp (bankCode) và kỳ hạn trả góp (termIs)

Bước 8: EPAY Nhận yêu cầu và validate thông tin.



Bước 9: Hiển thị màn hình thông tin thẻ, thông tin giá trị thanh toán và yêu cầu người dùng nhập thông tin.

Sau đó user thực hiện thanh toán tương tự như với thẻ quốc tế.

11.2 Request

URL: https://sandbox.megapay.vn/pg_was/api/listbankIS.do

Method: POST

Kiểu dữ liệu: **application/x-www-form-urlencoded**

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| merId | ID duy nhất cho Merchant Ví dụ: [String] "MEGAPAYTES" | Yes | String(10) - Fixed |
| amount | Số tiền Giá trị sản phẩm | Yes | String (12) |
| merchantToken | Chữ ký: được sử dụng để xác thực giao dịch của merchant. - Công thức thường: Sha256(timeStamp + merTrxId + merId + amount + encodeKey) | Yes | String(255) |
| timeStamp | timeStamp Format: yyyyMMddHHmmss | Yes | String(13) |
| merTrxId | Transaction ID duy nhất do Merchant sinh ra (Mã này được dùng để check log request) Định dạng: merId + unique number | Yes | String(50) |

11.3 Response

Kiểu dữ liệu: Json/application

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|------------|--------------------------------------------------|----------|--------------|
| merId | Merchant ID on MegaPay system | Yes | String(10) |
| merTrxId | Transaction ID generated by Merchant | Yes | String(50) |
| resultCd | Transaction's result (refer to error code table) | Yes | String(6) |
| resultMsg | Mô tả trạng thái | Yes | String(512) |
| userFee | Phí thanh toán user chịu | Yes | String |
| merFee | Phí thanh toán MC chịu | Yes | String |
| amount | Số tiền Giá trị sản phẩm, do merchant truyền lên | Yes | String(12) |



| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| merchantToken | <p>Chữ ký: được sử dụng để xác thực giao dịch của merchant.</p> <p>- Công thức: Sha256(resultCd + merId + amount + userFee + merFee + data + encodeKey)</p> | Yes |  String(255) In case of failed merchant token verification (mismatched or exception), let's call inquiry function again to get the exact status of transaction |
| data | <p>Danh sách dữ liệu ngân hàng hỗ trợ trả góp</p> <p>Trả về đã mã hóa 3DES</p> <p>Key giải mã: 24 ký tự đầu của encodeKey</p> | Yes | String |

Thông tin **data** sau khi giải mã là ở dạng mảng json nhiều bank, bao gồm mỗi phần tử là 1 đối tượng bank chứa các thông tin sau:

| Tên trường | Mô tả | Kiểu dữ liệu |
|--------------|--------------------------|--------------|
| bankId | Mã ngân hàng | String |
| listDuration | Danh sách kỳ hạn trả góp | Mảng json |

Thông tin **listDuration** là dạng mảng json bao gồm mỗi phần tử là 1 đối tượng kỳ hạn trả góp chứa các thông tin sau:

| Tên trường | Mô tả | Kiểu dữ liệu |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| termIs | kỳ hạn (đơn vị là tháng) | String |
| userFeeIs | Fee chuyển đổi trả góp mà enduser phải chịu | String |
| merFeeIs | Fee chuyển đổi trả góp mà merchant phải chịu | String |
| amountIs | Tổng giá trị thanh toán (bao gồm phí thanh toán cho user và phí trả góp cho user) theo kỳ hạn của từng bank | String |
| firstAmount | Số tiền cần thanh toán đầu tiên theo kỳ hạn của từng bank | String |
| nextAmount | Số tiền cần thanh toán của các tháng tiếp theo theo kỳ hạn của từng bank | String |

12 Hủy token không sử dụng

Khi account của enduser tạm dừng hoặc xóa thì cần xóa token của enduser này để đảm bảo token không sử dụng được xóa.

URL: https://sandbox.megapay.vn/pg_was/deleteTokenAPI.do

Method: POST



12.1 Request

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| merId | ID duy nhất cho Merchant | Yes | String(10) |
| payType | Hình thức thanh toán: – IC : Thẻ tín dụng (Visa/master/JCB...) – DC : Thẻ ATM nội địa | Yes | String(2) |
| payToken | Tokenization không được sử dụng, cần xóa Mã hóa bằng 3DES Key mã hóa : 24 ký tự sau của encodeKey Note : payToken này giống với token dùng để thanh toán ở trường hợp payOption bằng PAY_WITH_TOKEN | Yes | String(100) |
| merchantToken | Chữ ký: được sử dụng để xác thực request của merchant. Công thức: Sha256(merId + payType + payToken + encodeKey) | Yes | String(255) |

12.2 Response

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| resultCd | Kết quả giao dịch xóa token: 00_000: Xóa thành công Khác: Thất bại | Yes | String(6) |
| resultMsg | Message kết quả delete token | No | String(100) |
| merId | ID duy nhất cho Merchant | Yes | String(10) |
| payType | Hình thức thanh toán: – IC : Thẻ tín dụng (Visa/master/JCB...) – DC : Thẻ ATM nội địa | No | String(8) |
| merchantToken | Chữ ký xác thực kết quả trả về của Megapay Sha256(resultCd + merId + payType + encodeKey) | No | String(255) |

Message Mẫu

| |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| + Delete token thành công: {resultCd": "00_000", "resultMsg": "SUCCESS", "merId": "EPAY000001", "payType": "IC", "merchantToken": "058404a42a6e412970bdd5efa9935362dfcdaf395e97e131c067e8a5c3b0b662"} |
| + Delete token thất bại: {"resultCd": "IC_126", "resultMsg": "Token không tồn tại", "merId": "EPAY000001", "payType": "IC", "merchantToken": "9368f3783210175e5a457ac4c2cf0ba759cee9d3c61da8a5c38cbcd33715ee48"} |



13 API check thông tin kết nối của Merchant

API này nhằm mục đích check xác thực thông tin kết nối của merchant

URL: https://sandbox.megapay.vn/pg_was/checkInfoIntegrateMerId.do

Method: POST

13.1 Request

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| merId | Là ID duy nhất do MGP cấp cho Merchant | Yes | String(10) |
| encodeKey | <ul style="list-style-type: none"> - Key tích hợp luồng thanh toán của MGP cấp cho merchant - Key này có thể đổi được trên MMS | Yes | String(255) |
| hashKeyRefund | <ul style="list-style-type: none"> - Key tích hợp luồng hoàn hủy của MGP cấp cho merchant - Key này có thể đổi được trên MMS | Yes | String(255) |
| timeStamp | timeStamp <ul style="list-style-type: none"> - Format: yyyyMMddHHmmss | Yes | String(14) |
| hash | Chữ ký: được sử dụng để xác thực request của merchant. Công thức: Sha256(merId + encodeKey + hashKeyRefund + timeStamp) | Yes | String(255) |

13.2 Response

Kiểu dữ liệu: Json/application

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| resultCd | Kết quả giao dịch: 00_000: Kết nối thành công MGP Khác: Thất bại | Yes | String(6) |
| resultMsg | Message kết quả kết nối thất bại | No | String(100) |
| merId | ID duy nhất cho Merchant | Yes | String(10) |
| status | Trang thái kết quả check thông tin: 0: Không tồn tại merId này trên hệ thống của MGP 1: Thông tin hợp lệ, thông tin tồn tại ở Hệ thống MGP 2: Sai encodeKey hoặc hashKeyRefund 3. Merchant bị tạm dừng hoặc khóa | Yes | String(10) |
| hash | Chữ ký xác thực kết quả trả về của Megapay Công thức: Sha256(resultCd + merId + status) | No | String(255) |



14 API Capture



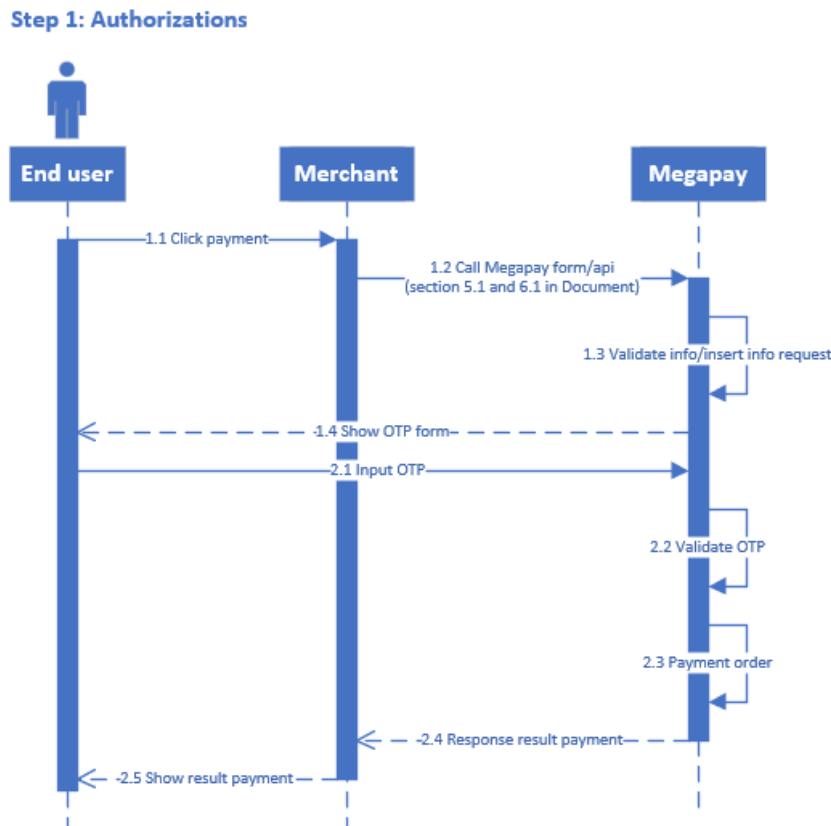
Chức năng này chỉ áp dụng cho phương thức **thanh toán thẻ Quốc tế (IC, IS)**

14.1 Luồng tích hợp

Giao dịch thanh toán two-steps

Step1: Authorizations (Yêu cầu tạm giữ số tiền để thanh toán)

- Thông tin tham số kết nối thanh toán như bình thường ở mục 5.1 và 6.1, nhưng cần truyền thêm tham số là “**authorizations**” với giá trị bằng “**1**”
- Note: Khi giao dịch thanh toán ở bước “authorized”, giao dịch này “Chưa hoàn tất thanh toán” tức là giao dịch này chưa thành công, vì vậy Merchant không cung cấp sản phẩm cho người dùng; Giao dịch ở trạng thái này Epay sẽ không thanh toán cho merchant.
- Luồng xử lý:



Mô tả các bước:

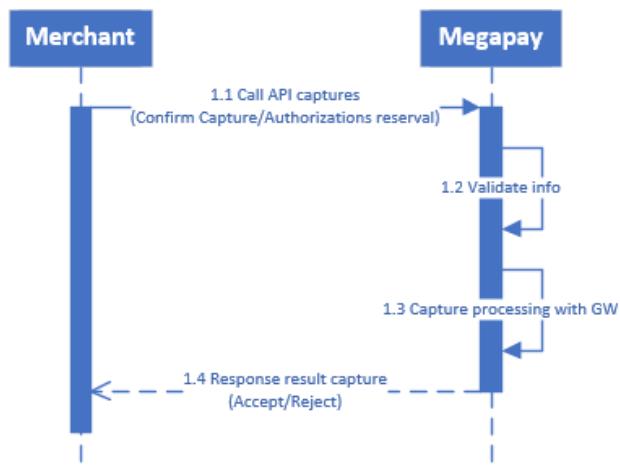


- 1.1 : Người dùng chọn thanh toán trên trang web của merchant.
- 1.2 : Merchant thực hiện gọi thanh toán đến MGP: thanh toán theo kiểu request form ở mục 5.1 hoặc thanh toán bằng token qua API trực tiếp tại mục 6.1
- 1.3 : MGP thực hiện xác thực thông tin của merchant, nếu thông tin chính xác thì thực hiện lưu yêu cầu của merchant
- 1.4 : MGP hiện thị màn nhập OTP của nhà phát hành thẻ cho người dùng cuối
- 2.1 : Người dùng thực hiện nhập OTP
- 2.2 : Nhà phát hành thẻ xác thực OTP
- 2.3 : MGP xử lý giao dịch, gửi yêu cầu “authorize” cho giao dịch (yêu cầu tạm giữ số tiền cần thanh toán) sang nhà phát hành thẻ.
- 2.4 : MGP trả kết quả thanh toán cho Merchant
- 2.5 : Merchant hiện thị kết quả thanh toán cho người dùng

Step2: Captures (*Hoàn thành giao dịch được authorized trước đó*)

- Nếu Merchant đã thanh toán (ở mục – 5.1 /API – 6.1) với yêu cầu “**authorization**” có giá trị bằng “1” thì merchant phải thực hiện **Captures** để giao dịch được hoàn thành thanh toán.
- **Note:** Khi giao dịch ở trạng thái “**authorized**” giao dịch **Chưa** được hoàn thành thanh toán, yêu cầu merchant cần Captures trong 7 ngày (tính từ ngày phát sinh giao dịch authorized) để đảm bảo số tiền của người dùng được tạm giữ, tùy thuộc vào nhà phát hành thẻ, sau 7 ngày thì tự động sẽ giải phóng số tiền tạm giữ của người dùng, khi số tiền của người dùng bị giải phóng thì sẽ không thực hiện Captures được, để đảm bảo giao dịch được hoàn tất thanh toán, merchant nên thực hiện yêu cầu Captures trong 7 ngày.
- Luồng xử lý:

Step 2: Captures





Mô tả các bước:

- 1.1 : Merchant gửi yêu cầu “capture” hoặc “authorizations reversal”
- 1.2 : MGP xác thực thông tin của Merchant
- 1.3 : MGP gửi yêu cầu xử lý “capture” hoặc “authorizations reversal” sang nhà phát hành thẻ
- 1.4 : MGP trả kết quả cho Merchant

14.2 Request

URL: https://sandbox.megapay.vn/pg_was/api/paymentCaptures.do

Method: POST

Data type: Json/application

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| trxId | Mã giao dịch thanh toán, mã này là duy nhất của MGP giữ cho merchant ở bước (5.1 or 6.1) Đây là mã giao dịch có trạng thái authorizations = 1 , mà merchant muốn xử lý capture or Authorizations reversal | Yes | String(30) |
| merId | Là ID duy nhất do MGP cấp cho Merchant | Yes | String(10) |
| amount | Số tiền của giao dịch đã được authorizations trước đó Sample: [String] “500000” | Yes | String (12) |
| type | Loại yêu cầu muốn thực hiện: +) 1: Capture (Hoàn thành thanh toán cho giao dịch được ủy quyền trước đó) +) 2: Authorizations reversal (Hủy giao dịch được ủy quyền trước đó- giải phóng số tiền tạm giữ tạm thời của người dùng) | Yes | String(1) |
| timeStamp | timeStamp Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Yes | String(13) |
| note | Thông tin cần lưu ý Ví dụ, lý do muốn thực hiện yêu cầu này | No | String (300) |
| merchantToken | Công thức: Sha256(trxId + merId + amount + type + timeStamp + encodeKey) | Yes | String(255) |

14.3 Response

Data type: Json/application

| Tên trường | Mô tả | Bắt buộc | Kiểu dữ liệu |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|
| trxId | Mã giao dịch gốc của MGP, mã này là duy nhất | Yes | String(30) |
| merId | Là ID duy nhất do MGP cấp cho Merchant | Yes | String(10) |
| amount | Số tiền của giao dịch Sample: [String] “500000” | Yes | String (12) |
| type | Loại yêu cầu đã thực hiện:: +) 1: Capture (Hoàn thành thanh toán cho giao dịch được ủy quyền trước đó) | Yes | String(1) |



| | | | |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------|
| | +) 2: Authorizations reversal (Hủy giao dịch được ủy quyền trước đó- giải phóng số tiền tạm giữ tạm thời của người dùng) | | |
| resultCd | Kết quả của giao dịch: 00_000 : Successful Others: fail | Yes | String(6) |
| resultMsg | Mô tả kết quả giao dịch | Yes | String(100) |
| merchantToken | Sha256(resultCd + trxId + merId + amount + type + encodeKey)  Trong trường hợp xác thực merchantToken Fail (mismatched or exception), vui lòng gọi hàm inquiry để biết trạng thái giao dịch. | No | String(255) |

15 Phụ lục

15.1 Danh sách phương thức thanh toán

| Tên phương thức thanh toán | Mã Phương thức thanh toán |
|------------------------------------------------------|---------------------------|
| Thanh toán bằng thẻ ATM | DC |
| Thanh toán bằng thẻ credit (Visa/master/JCB...) | IC |
| Thanh toán trả góp (Thẻ credit phát hành trong nước) | IS |
| Thanh toán bằng Ví điện tử | EW |
| Thanh toán chuyển khoản qua Mã nộp tiền | VA |
| Thanh toán bằng VNPayQR | QR |

15.2 Danh sách mã lỗi

| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 00_000 | Giao dịch thành công Lưu ý: Với pay_type = VA (Dcode) thì giao dịch này endusser đã nộp tiền thành công |
| 2 | 00_005 | Giao dịch đã mapping với tài khoản Dcode thành công, nhưng enduser chưa nộp tiền Lưu ý: Chỉ áp dụng với pay_type = VA (Dcode) |
| 3 | FL_900 | Lỗi kết nối |
| 4 | FL_901 | Lỗi kết nối socket |
| 5 | FL_902 | Có lỗi xảy ra trong quá trình xử lý |
| 6 | FL_903 | Lỗi kết nối socket quá thời gian quy định |
| 7 | OR_101 | MerId không hợp lệ hoặc merchant chưa được đăng ký thông tin. Liên hệ với trung tâm dịch vụ khách hàng để biết thêm thông tin |
| 8 | OR_102 | Hình thức thanh toán này không tồn tại hoặc chưa được kích hoạt. Liên hệ với trung tâm dịch vụ khách hàng để biết thêm thông tin |
| 9 | OR_103 | Mã tiền tệ chưa được định nghĩa. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [currencyCode] được định nghĩa |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | OR_104 | Tên thành phố người mua chưa được định nghĩa. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [buyerCity] được định nghĩa |
| 11 | OR_105 | Mã hóa đơn chưa được định nghĩa. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [invoiceNo] được định nghĩa |
| 12 | OR_106 | Tên hàng hóa chưa được định nghĩa hoặc sai định dạng. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [goodsNm] được định nghĩa |
| 13 | OR_107 | Tên hoặc họ người mua chưa được định nghĩa. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [buyerFirstNm] và [buyerLastNm] được định nghĩa |
| 14 | OR_108 | Số điện thoại người mua chưa được định nghĩa. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [buyerPhone] được định nghĩa |
| 15 | OR_109 | Địa chỉ email người mua chưa được định nghĩa hoặc chưa đúng định dạng. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [buyerEmail] được định nghĩa đúng |
| 16 | OR_110 | Callback URL chưa được định nghĩa. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [callbackUrl] được định nghĩa |
| 17 | OR_111 | Notification URL chưa được định nghĩa. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [notiUrl] được định nghĩa |
| 18 | OR_112 | Số tiền thanh toán không hợp lệ. Số tiền chỉ nên là số không có phần thập phân |
| 19 | OR_113 | Chữ ký của merchant không hợp lệ. Liên hệ với trung tâm dịch vụ khách hàng để biết thêm thông tin |
| 20 | OR_114 | Số tiền thanh toán phải lớn hơn 0. Xin vui lòng kiểm tra lại các tham số được yêu cầu của bạn và đảm bảo trường [amount] được định nghĩa |
| 21 | OR_115 | Lỗi trường flag để xác định merchant có kiểm tra order no trùng lặp hay không bị null |
| 22 | OR_116 | Số hóa đơn bị trùng lặp |
| 23 | OR_117 | Mã giao dịch Merchant (merTrxId) bị trùng lặp |
| 24 | OR_118 | Lỗi do 1 trong các nguyên nhân: +) Request domain chưa được định nghĩa +) Tổng giá trị món hàng và phí merchant không bằng tổng giá trị giao dịch thanh toán +) MerchantId do merchant gửi lên bị null +) Thông tin merchantId không khớp (Chức năng truy vấn thông tin giao dịch) |
| 25 | OR_120 | Lỗi trạng thái của merchant (Merchant không hoạt động) |
| 26 | OR_122 | Merchant Transaction ID sai định dạng hoặc rỗng |
| 27 | OR_123 | Lỗi merchant chưa được khai báo trên hệ thống |
| 28 | OR_124 | Lỗi trạng thái của merchant (Merchant không hoạt động) |
| 29 | OR_125 | Merchant không được đăng ký phương thức thanh toán này hoặc thời gian thanh toán Cybersource chưa được định nghĩa |
| 30 | OR_126 | Loại công thanh toán chưa được thiết lập |
| 31 | OR_127 | Lỗi khi kiểm tra hạn mức áp dụng của merchant |
| 32 | OR_128 | Số tiền thanh toán vượt quá định mức giới hạn |
| 33 | OR_130 | Trường thông tin xác định merchant là online hay offline chưa được định nghĩa. Xin vui lòng kiểm tra các tham số được yêu cầu và đảm bảo trường [merType] được định nghĩa |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 34 | OR_131 | Loại merchant online này hiện tại chưa được kích hoạt |
| 35 | OR_132 | Loại merchant offline này hiện tại chưa được kích hoạt |
| 36 | OR_133 | Thông tin hợp đồng chưa được định nghĩa |
| 37 | OR_134 | Sai số tiền |
| 38 | OR_140 | Không tìm thấy giao dịch |
| 39 | OR_141 | Địa chỉ người mua không được để trống |
| 40 | OR_142 | Bang/tỉnh thành người mua không được để trống khi đất nước là 'us' hoặc 'ca' |
| 41 | OR_143 | Quốc gia người mua không được để trống |
| 42 | OR_147 | description không hợp lệ |
| 43 | OR_148 | timeStamp không được để trống hoặc không hợp lệ |
| 44 | OR_150 | bankCode không tồn tại hoặc không hợp lệ |
| 45 | OR_151 | Hệ thống không hỗ trợ Tokenization cho phương thức thanh toán này |
| 46 | OR_152 | userId không được để trống hoặc không hợp lệ |
| 47 | OR_153 | payOption không đúng |
| 48 | OR_154 | Không hỗ trợ khi merchant bật 3DS |
| 49 | OR_155 | Không hỗ trợ thẻ IC |
| 50 | OR_156 | Không hỗ trợ khi merchant sử dụng token thẻ IC |
| 51 | OR_157 | Không hỗ trợ thanh toán với thẻ IC |
| 52 | OR_158 | Không hỗ trợ thanh toán với thẻ DC |
| 53 | OR_159 | Không hỗ trợ thanh toán với thẻ EW |
| 54 | OR_160 | Transaction timeout |
| 55 | OR_161 | Ngân hàng/nhà cung cấp bảo trì |
| 56 | OR_162 | Not support installment payment |
| 57 | OR_163 | [type] is Invalid or NULL |
| 58 | OR_164 | Order has already been processed successfully, please make another order |
| 59 | OR_165 | Order is under processing. Please try again after 30 minutes in maximum |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 60 | OR_166 | No url configured |
| 61 | OR_167 | Thẻ không phát sinh giao dịch trong nhiều ngày nên thông tin thẻ đã bị xóa. Vui lòng nhập lại thông tin thẻ đã lưu (|
| 62 | OR_168 | Thẻ của bạn đã hết hiệu lực. Vui lòng quay lại trang mua hàng, xóa thẻ đã lưu và thực hiện giao dịch bằng thẻ mới (Thông tin người dùng >> Quản lý thanh toán >> Chọn thẻ sẽ xóa >> Xóa thẻ) |
| 63 | OR_169 | Số thẻ bạn vừa nhập không trùng với số thẻ đã đăng ký với nhà cung cấp. Vui lòng nhập lại số thẻ: |
| 64 | OR_170 | Link thanh toán không tồn tại hoặc đã hết hạn |
| 65 | OR_171 | Link thanh toán đã hoặc đang xử lý trước đó |
| 66 | OR_172 | WindowType không hợp lệ |
| 67 | OR_173 | User Language không hợp lệ |
| 68 | OR_174 | Khai báo trả góp merchant chưa chính xác |
| 69 | OR_175 | Độ dài trường [Tên_trường] không hợp lệ. Vui lòng kiểm tra lại |
| 70 | DC_101 | Lỗi khi kiểm tra các trường thông tin gửi lên cũng như trả về từ NAPAS |
| 71 | DC_102 | Mã giao dịch chưa được tạo |
| 72 | DC_103 | Giao dịch đã tồn tại. Xin hãy tạo giao dịch mới |
| 73 | DC_104 | Số hóa đơn bị null. Xin hãy đảm bảo trường [invoiceNo] đã được khai báo |
| 74 | DC_105 | Lỗi dữ liệu bị null |
| 75 | DC_110 | Trường hình thức thanh toán không xác định. Liên hệ với nhà cung cấp Megapay để có thêm thông tin |
| 76 | DC_112 | Lỗi khi cập nhật hoặc thêm dữ liệu vào các bảng liên quan tới giao dịch ATM |
| 77 | DC_113 | Lỗi khi cập nhật giao dịch email |
| 78 | DC_114 | Lỗi khi lưu dữ liệu vào bảng thông báo giao dịch |
| 79 | DC_117 | Giao dịch chưa được đăng ký thông tin. Xin vui lòng kiểm tra lại |
| 80 | DC_119 | Máy chủ đang bận. Xin vui lòng thử lại sau vài phút |
| 81 | DC_120 | Thanh toán thành công nhưng khóa xác thực giao dịch chưa được tạo |
| 82 | DC_122 | Mã giao dịch gửi sang Partner không được để trống |
| 83 | DC_123 | Mã giao dịch gửi sang Partner không hợp lệ |
| 84 | DC_124 | Số tiền không hợp lệ |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 85 | DC_125 | Loại tiền không hợp lệ |
| 86 | DC_126 | CVV không đúng (Áp dụng cho Ngân hàng Sacombank) |
| 87 | DC_127 | Số tiền không nằm trong hạn mức bank cho phép (quá lớn hoặc quá nhỏ) |
| 88 | DC_128 | Sai ngày hết hạn |
| 89 | DC_129 | Sai ngày phát hành |
| 90 | DC_130 | Số tiền giao dịch nhỏ hơn hạn mức giao dịch cho phép của Ngân hàng |
| 91 | DC_131 | Session napas hết hạn |
| 92 | DC_132 | Loại giao dịch không được hỗ trợ |
| 93 | DC_133 | Thẻ không được tham gia chương trình khuyến mại |
| 94 | DC_134 | Giao dịch quá thời gian xử lý |
| 95 | DC_135 | Xác thực bảo mật không thành công |
| 96 | IC_101 | Giao dịch thất bại. Xin hãy kiểm tra thông tin thẻ và thử lại |
| 97 | IC_102 | Mã giao dịch chưa được định nghĩa |
| 98 | IC_103 | Giao dịch đã tồn tại. Xin hãy tạo giao dịch mới |
| 99 | IC_104 | Mã hóa đơn không xác định (null). Xin vui lòng kiểm tra lại trường [invoiceNo] |
| 100 | IC_105 | Thông tin thẻ của merchant chưa được khai báo |
| 101 | IC_107 | Lỗi xảy ra khi kết nối CyberSource |
| 102 | IC_110 | Phương thức thanh toán hoặc mã merchant bị thiếu |
| 103 | IC_112 | Lỗi khi insert dữ liệu vào các bảng liên quan tới giao dịch quốc tế |
| 104 | IC_113 | Lỗi xảy ra khi update bảng lưu giao dịch email |
| 105 | IC_115 | MID không hợp lệ, Merchant chưa được đăng ký thông tin. Liên hệ với Megapay để biết thêm thông tin |
| 106 | IC_117 | Giao dịch chưa được đăng ký thông tin |
| 107 | IC_121 | Merchant đang ở trạng thái không hoạt động |
| 108 | IC_122 | payToken sai định dạng hoặc rỗng |
| 109 | IC_123 | Merchant không hỗ trợ thanh toán bằng Tokenization đối với thẻ Quốc tế |
| 110 | IC_124 | Không tìm thấy Token |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 111 | IC_125 | Token bị khóa, không thể sử dụng |
| 112 | IC_126 | Token bị xóa, không thể sử dụng |
| 113 | IC_127 | Loại thẻ không hợp lệ |
| 114 | IC_128 | Chữ ký loại thẻ không hợp lệ |
| 115 | IC_129 | Loại thẻ không được hỗ trợ |
| 116 | IC_130 | Merchant chưa tạo phí |
| 117 | IC_131 | Không được quyền thanh toán thẻ quốc tế (VN) |
| 118 | IC_132 | Không được quyền thanh toán thẻ quốc tế (Oversea) |
| 119 | IC_133 | Giải mã token lỗi |
| 120 | IC_134 | Thẻ gian lận |
| 121 | IC_136 | Mã khuyến mại không hợp lệ hoặc không sử dụng được với thẻ |
| 122 | IC_137 | Số thẻ không được hỗ trợ. Vui lòng thực hiện lại giao dịch bằng thẻ khác |
| 123 | IC_138 | Thẻ bị mất hoặc bị trộm |
| 124 | IC_139 | Sai CVN |
| 125 | IC_140 | Lỗi xử lý giao dịch Cybs |
| 126 | IC_141 | Vượt quá số lần thanh toán thẻ hoặc số tiền trên mỗi lần thanh toán |
| 127 | IC_142 | Sai mã bưu điện |
| 128 | IC_143 | Sai quốc gia người mua |
| 129 | IC_144 | Sai quốc gia người nhận |
| 130 | IC_145 | Thiếu quốc gia người mua |
| 131 | IC_146 | Không nhận được sự kiện phản hồi từ Cardinal. |
| 132 | IC_147 | Giao dịch Capture/Authorization Reversal đang được xử lý hoặc thành công |
| 133 | IC_148 | MerchantToken không trùng khớp |
| 134 | IC_149 | Thẻ không hoạt động không được phép cho các giao dịch trực tuyến |
| 135 | VA_101 | Kết nối tới hệ thống VA thất bại hoặc mã giao dịch chưa được khai báo |
| 136 | VA_102 | Giao dịch VA đã tồn tại |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 137 | VA_103 | Thiếu thông tin merchant id |
| 138 | VA_104 | Lỗi khi insert dữ liệu vào bảng giao dịch VA |
| 139 | VA_105 | Lỗi khi insert dữ liệu và bảng kết quả giao dịch |
| 140 | VA_106 | Có lỗi trong quá trình tìm kiếm giao dịch hoặc giao dịch chưa tồn tại |
| 141 | VA_107 | Có lỗi khi insert vào bảng thông báo tới merchant |
| 142 | VA_109 | Sai điều kiện nhận tiền (nên bảng 03) |
| 143 | VA_110 | Sai ngày bắt đầu hiệu lực |
| 144 | VA_111 | Sai ngày hết hiệu lực |
| 145 | VA_112 | Giao dịch không hợp lệ |
| 146 | VA_113 | Không tìm thấy Ngân hàng phát hành Mã nộp tiền |
| 147 | CC_101 | Mã giao dịch chưa được tạo |
| 148 | CC_102 | MID không hợp lệ hoặc Merchant chưa được đăng ký thông tin. Liên hệ với trung tâm dịch vụ khách hàng để có thêm thông tin |
| 149 | CC_109 | Merchant ở trạng thái chưa được kích hoạt |
| 150 | CC_110 | Giao dịch chưa được đăng ký thông tin |
| 151 | CC_111 | Lỗi xảy ra khi số tiền hủy nhỏ hơn hoặc bằng 0 hoặc số tiền hủy không bằng số tiền đã giao dịch (đối với trường hợp hủy toàn phần) |
| 152 | CC_112 | Không tìm thấy giao dịch cần hủy |
| 153 | CC_113 | Giao dịch hủy toàn phần đã được hủy trước đó |
| 154 | CC_114 | Phương thức thanh toán này hiện tại chưa được kích hoạt với merchant hoặc giao dịch insert dữ liệu thông báo thất bại |
| 155 | CC_115 | Chữ ký của merchant không hợp lệ |
| 156 | CC_116 | Số tiền hủy phải bằng số tiền thanh toán |
| 157 | CC_117 | Số tiền hoàn/hủy không hợp lệ (Lỗi định dạng số) |
| 158 | CC_118 | Giao dịch đã bị hủy |
| 159 | CC_119 | Số tiền hoàn/hủy lớn hơn số tiền thanh toán hoặc số tiền thanh toán còn lại nhỏ hơn 0 |
| 160 | CC_121 | Lỗi khi cập nhật thông tin giao dịch |
| 161 | CC_122 | Lỗi khi insert thông tin giao dịch hủy 1 phần |
| 162 | CC_124 | Lỗi khi thêm dữ liệu sau khi hủy |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 163 | CC_125 | Lỗi khi đăng ký dữ liệu trong bảng kết quả giao dịch |
| 164 | CC_126 | Lỗi khi truy vấn dữ liệu |
| 165 | CC_127 | Còn hủy 1 phần hoặc trạng thái không hợp lệ |
| 166 | CC_128 | Thông điệp hủy (cancelMsg) chưa được định nghĩa |
| 167 | CC_130 | Số tiền muốn hủy nhỏ hơn số tiền giao dịch thanh toán |
| 168 | CC_131 | Lỗi khi insert dữ liệu vào bảng giao dịch hủy |
| 169 | CC_132 | Lỗi khi cập nhật dữ liệu lịch sử giao dịch |
| 170 | CC_133 | Lỗi khi kết nối tới ngân hàng |
| 171 | CC_135 | Mật khẩu hủy không đúng |
| 172 | CC_136 | Chức năng hủy chưa sẵn sàng đối với merchant này. Xin hãy liên hệ với Megapay |
| 173 | CC_141 | Hiện tại, không thể hủy một phần với giao dịch này, vui lòng chờ sang ngày hôm sau để thực hiện hủy một phần |
| 174 | CC_143 | Giao dịch này không được hoàn một phần |
| 175 | PG_ER1 | Giao dịch thất bại, vui lòng thử lại |
| 176 | PG_ER2 | Thông tin thẻ không đúng, vui lòng thử lại |
| 177 | PG_ER3 | Giao dịch thất bại – Quá thời gian thanh toán |
| 178 | PG_ER4 | Giao dịch thất bại – Không rõ nguyên nhân, Vui lòng liên hệ với admin Megapay để được hỗ trợ |
| 179 | PG_ER5 | Khách hàng hủy giao dịch |
| 180 | PG_ER6 | Lỗi hệ thống, xin vui lòng liên hệ với Admin Megapay để được hỗ trợ |
| 181 | PG_ER7 | Số thẻ không đúng. |
| 182 | PG_ER8 | Ngày phát hành/Hết hạn không đúng |
| 183 | PG_ER10 | Sai địa chỉ người mua |
| 184 | PG_ER11 | Thẻ chưa được cấu hình Payer Authentication |
| 185 | PG_ER12 | Sai họ tên người mua |
| 186 | PG_ER13 | Sai thành phố/Bang người mua |
| 187 | PG_ER16 | OTP không đúng |
| 188 | PG_ER17 | Thông tin thẻ chưa được duyệt, vui lòng liên hệ với Ngân hàng phát hành để được hỗ trợ |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------|
| 189 | PG_ER18 | Thẻ hết hạn hoặc bị khóa. |
| 190 | PG_ER19 | Tài khoản không đủ số dư để thanh toán |
| 191 | PG_ER20 | Số tiền giao dịch không nằm trong hạn mức cho phép |
| 192 | PG_ER21 | Thẻ chưa kích hoạt hoặc chưa đăng ký thanh toán online |
| 193 | PG_ER22 | Tên chủ thẻ không đúng. |
| 194 | PG_ER23 | Ngân hàng phát hành thẻ từ chối cấp phép cho giao dịch. |
| 195 | PG_ER25 | Giao dịch bị từ chối bởi hệ thống quản lý rủi ro |
| 196 | PG_ER26 | Dữ liệu không hợp lệ hoặc bị rỗng |
| 197 | PG_ER28 | Ngân hàng phát hành đang tạm dừng giao dịch. Vui lòng thử lại sau |
| 198 | PG_ER29 | Giao dịch thất bại do Khách hàng nằm trong danh sách nghi vấn |
| 199 | PG_ER30 | Giao dịch thất bại - Không thể xác thực được khách hàng |
| 200 | PG_ER31 | Giao dịch vượt hạn mức của thẻ trong ngày |
| 201 | PG_ER32 | Số lượng giao dịch/thẻ vượt mức tối đa trong ngày |
| 202 | PG_ER42 | OTP time out (nếu bạn bị trừ tiền thì sẽ được hoàn lại) |
| 203 | PG_ER43 | Hệ thống của ngân hàng đang bận. Xin vui lòng thử lại |
| 204 | ZL_1 | Giao dịch zalopay đang xử lý |
| 205 | ZL_2 | Lỗi người dung khi thanh toán zalopay |
| 206 | ZL_3 | Lỗi đối tác khi thanh toán zalopay |
| 207 | ZL_4 | Lỗi hệ thống khi thanh toán zalopay |
| 208 | ZL_5 | Lỗi không xác định khi thanh toán zalopay |
| 209 | ZL_6 | Lỗi người dung và hệ thống khi thanh toán zalopay |
| 210 | ZL_7 | Lỗi ngân hàng khi thanh toán zalopay |
| 211 | ZL_8 | Lỗi khác khi thanh toán zalopay |
| 212 | MM_1 | Thiếu thông tin đối tác |
| 213 | MM_12 | Vui lòng tạo requestId mới |
| 214 | MM_14 | Đối tác chưa được kích hoạt |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|-------------------------------------------------------|
| 215 | MM_2 | OrderId sai định dạng |
| 216 | MM_29 | Hệ thống đang bảo trì |
| 217 | MM_32 | Giao dịch đã được thanh toán |
| 218 | MM_33 | Giao dịch không thẻ refund. |
| 219 | MM_34 | Giao dịch hoàn tiền đã được xử lý |
| 220 | MM_36 | Giao dịch đã hết hạn |
| 221 | MM_37 | Tài khoản hết hạn mức giao dịch trong ngày |
| 222 | MM_38 | Tài khoản khách hàng không đủ tiền |
| 223 | MM_4 | Số tiền thanh toán không hợp lệ |
| 224 | MM_44 | Dịch vụ không hỗ trợ yêu cầu của bạn |
| 225 | MM_49 | Giao dịch bị hủy |
| 226 | MM_5 | Sai thông tin chữ ký |
| 227 | MM_58 | Giao dịch không tồn tại |
| 228 | MM_59 | Yêu cầu không hợp lệ |
| 229 | MM_6 | Đơn hàng đã tồn tại |
| 230 | MM_63 | Thanh toán bằng nguồn ngân hàng không thành công |
| 231 | MM_7 | Giao dịch đang chờ xử lý |
| 232 | MM_80 | Khách hàng đăng nhập thất bại |
| 233 | MM_9043 | Khách hàng chưa liên kết tài khoản ngân hàng |
| 234 | MM_99 | Lỗi không xác định |
| 235 | MC_1 | Giao dịch Moca thất bại |
| 236 | MC_5 | Giao dịch Moca: yêu cầu không hợp lệ |
| 237 | MC_6 | Giao dịch Moca: không có quyền thực hiện thao tác này |
| 238 | MC_7 | Giao dịch Moca: truy cập bị từ chối |
| 239 | MC_8 | Giao dịch Moca: không hỗ trợ kiểu trả về |
| 240 | MC_9 | Giao dịch Moca: scope không hợp lệ |



| STT | Mã kết quả | Nguyên nhân (Tiếng việt) |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 241 | MC_10 | Giao dịch Moca: tạm thời không khả dụng |
| 242 | MC_11 | Giao dịch Moca: yêu cầu tích hợp |
| 243 | MC_12 | Giao dịch Moca: yêu cầu đăng nhập |
| 244 | MC_13 | Giao dịch Moca: yêu cầu chọn tài khoản |
| 245 | MC_14 | Giao dịch Moca: yêu cầu cần được chấp thuận |
| 246 | MC_15 | Giao dịch Moca: yêu cầu uri không hợp lệ |
| 247 | MC_16 | Giao dịch Moca: đối tượng của yêu cầu không hợp lệ |
| 248 | MC_17 | Giao dịch Moca: yêu cầu không được hỗ trợ |
| 249 | MC_18 | Giao dịch Moca: uri yêu cầu không được hỗ trợ |
| 250 | MC_19 | Giao dịch Moca: đăng ký không được hỗ trợ |
| 251 | IS_001 | Ngân hàng hoặc kỳ hạn trả góp không được hỗ trợ |
| 252 | VT_01 | Transaction fail from Viettel Money or Bank, if user has been deducted money, will be refunded within 7-15 days. Please contact CS center 18009000 for support |
| 253 | VT_02 | Wrong password/PIN/OTP or expired OTP |
| 254 | VT_03 | Viettel Money account has in inactivated/locked/cancelled. Please contact CS center 18009000 for support |
| 255 | VT_04 | Cannot find the linked card information or card link has expired. Please unlink and re-link |
| 256 | VT_05 | Phone number doesn't match / didn't registered with card number |
| 257 | VT_06 | Amount or count of transaction exceeded monthly limit |
| 258 | VT_07 | Didn't input phone number or payment amount. Please contact CS center 18009000 for support |
| 259 | VT_08 | Cannot find subscriber information/account cardholder information/ID number or the information doesn't match. Please check again or contact CS center 18009000 for support |
| 260 | VT_09 | Cannot find phone number to send OTP or cannot send OTP. Please contact CS center 18009000 for support |
| 261 | VT_10 | Viettel Money account hasn't been linked for automatic payment, please check again before implementing transaction again |
| 262 | VT_11 | Viettel Money account has been linked for automatic payment, please check again before implementing transaction again |
| 263 | VT_12 | You are not eligible to use Mobile Money service. Please contact CS center 18009000 for support |
| 264 | VT_13 | Transaction failed. Account needs to change PIN before making Online payment, please access Viettel Money App to check. |

**15.3 Danh sách Ngân hàng (ATM và trả góp)**

| STT | BankCode | Bank Name |
|-----|----------|-----------------------------------------|
| 1 | VCCM | Ngân hàng Bản Việt |
| 2 | NASM | Ngân hàng Bắc A |
| 3 | KLBM | Ngân hàng Kiên Long |
| 4 | PVCM | PVcombank |
| 5 | TPBM | TienphongBank |
| 6 | PGBM | PG bank |
| 7 | TCBM | TechcomBank |
| 8 | STBM | Sacombank |
| 9 | OJBM | OceanBank |
| 10 | NCBM | Ngân hàng Quốc Dân |
| 11 | HDBM | HD Bank |
| 12 | VABM | Việt Á Bank |
| 13 | VTBM | Vietinbank |
| 14 | VPBM | VP Bank |
| 15 | ABBM | AB Bank |
| 16 | SEAM | SeaBank |
| 17 | SCBM | Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) |
| 18 | ACBM | ACB |
| 19 | VARM | Agribank |
| 20 | BVBM | Ngân hàng Bảo Việt |
| 21 | BIDM | BIDV |
| 22 | DABM | Dong A Bank |
| 23 | EIBM | EximBank |
| 24 | GPBM | GP Bank |
| 25 | LPBM | Ngân hàng Bưu Điện |
| 26 | MBKM | MB |
| 27 | MSBM | MSB |
| 28 | NABM | Nam A Bank |
| 29 | IVBM | Ngân hàng TNHH Indovina |
| 30 | OCBM | Ngân hàng Phương Đông (OCB) |
| 31 | SHBM | SHB |
| 32 | VIBM | VIBank |
| 33 | PBVN | Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam |
| 34 | VCBM | VietcomBank |
| 35 | VRBM | Ngân hàng Việt Nga |
| 36 | WRBM | Ngân hàng Woori Bank |
| 37 | SVBM | Ngân Hàng Shinhan Việt Nam |
| 38 | SGBM | Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương |
| 39 | UOBM | Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank |
| 40 | VBKM | Ngân hàng Vietbank |

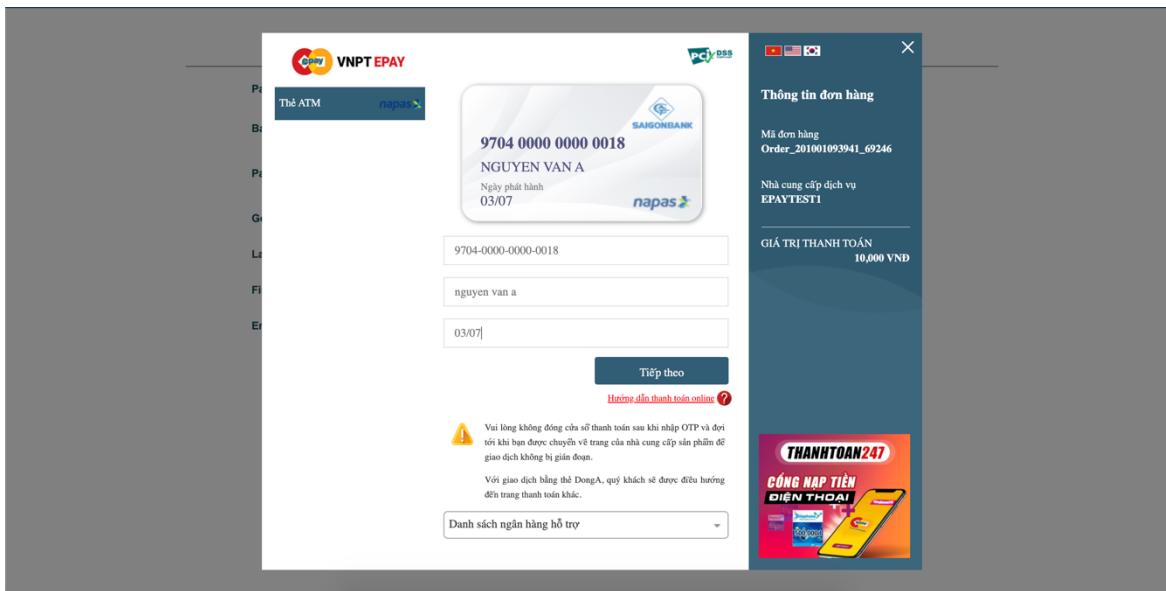


VNPT EPAY

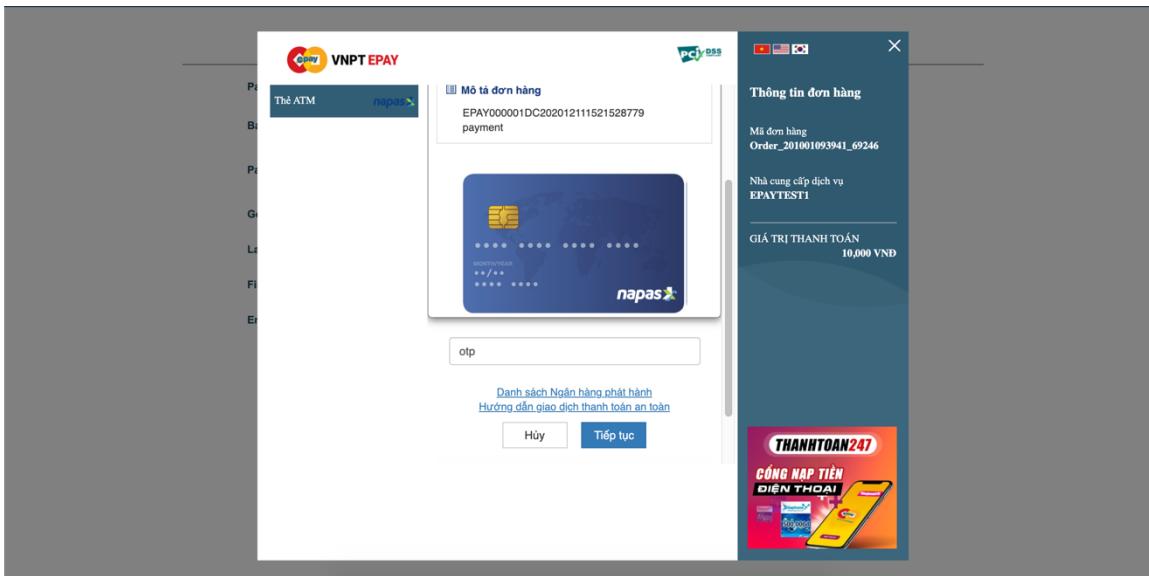
| STT | BankCode | Bank Name |
|-----|----------|------------------------------------|
| 41 | CFCM | Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt |
| 42 | FECM | FE credit (Dùng cho trả góp) |
| 43 | HMCM | Home credit (Dùng cho trả góp) |
| 44 | KEHN | Ngân hàng Keb Hana - CN HN |
| 45 | KEHC | Ngân hàng Keb Hana - CN HCM |

16 Màn hình thanh toán

16.1 Màn hình thanh toán thẻ ATM:



Màn hình nhập thông tin thẻ.

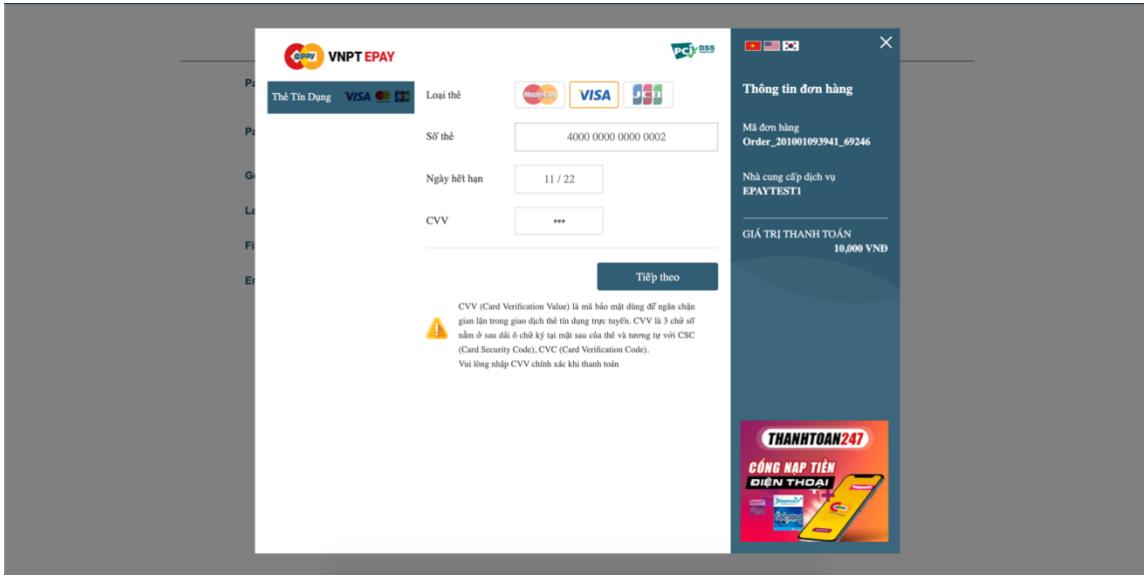




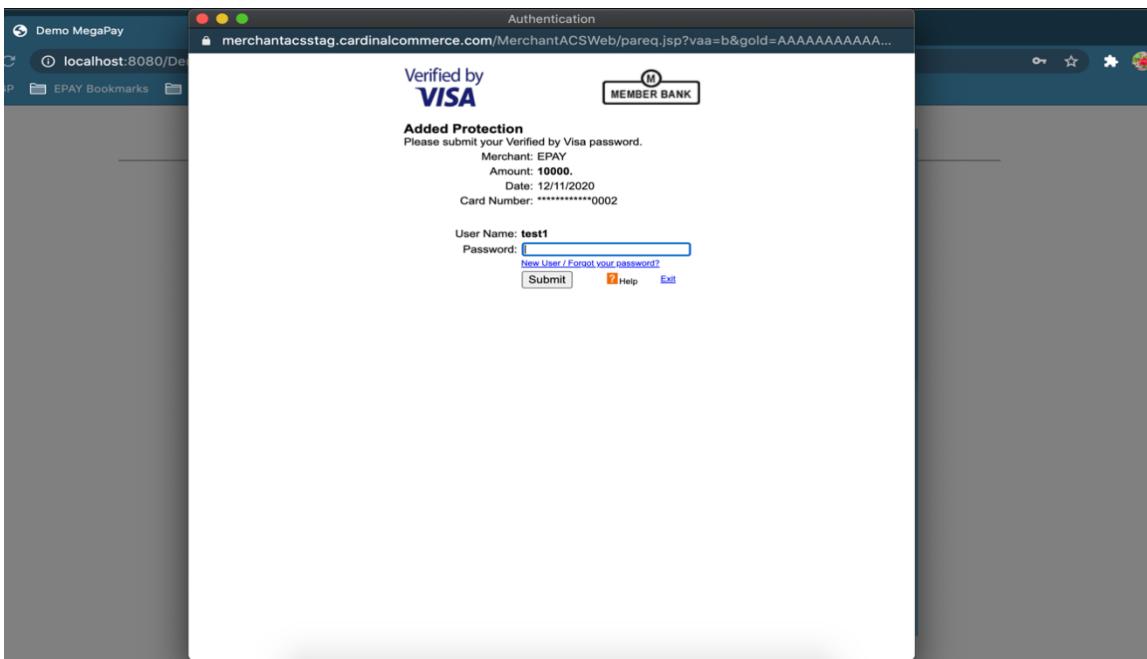
VNPT EPAY

Màn hình xác thực OTP.

16.2 Màn hình thanh toán thẻ Quốc tế:



Màn hình nhập thông tin thẻ.



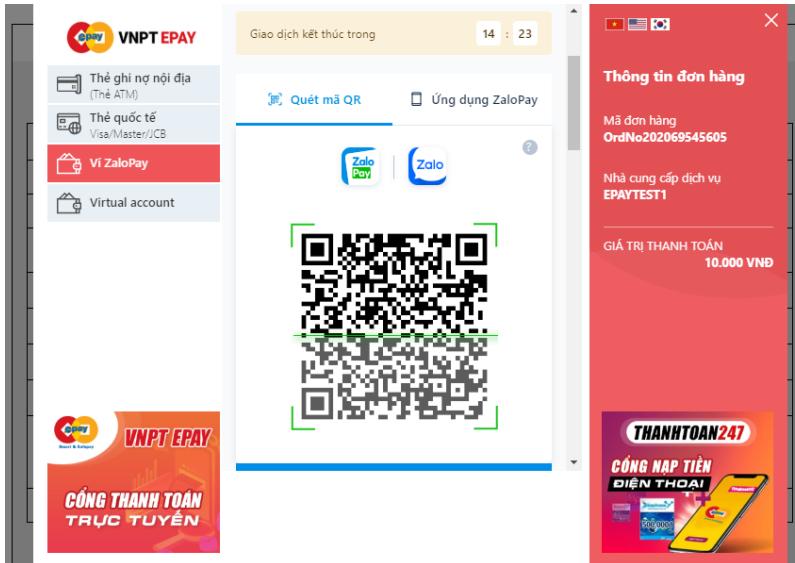
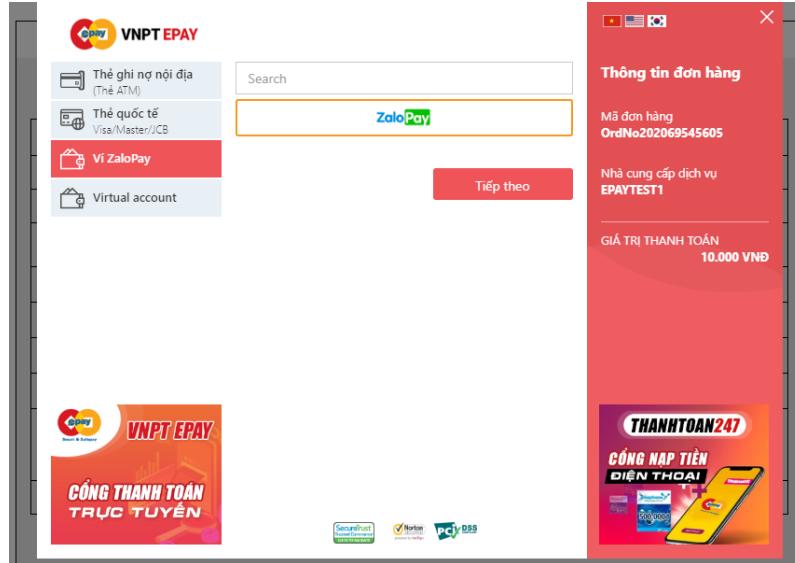
Màn hình xác thực 3Ds.

17 Hướng dẫn thanh toán ZaloPay

17.1 Màn hình thanh toán



VNPT EPAY



17.2 Tải ứng dụng ZaloPay (bản Sandbox)

Tải ứng dụng ZaloPay (bản Sandbox) tại đây:

Android: <https://dev.zalopay.com.vn/qrcode/public/app/android/merchant.html>

IOS: https://stcstg.zalopay.com.vn/ps_res/ios/enterprise/sandboxmer/5.3.0/install.html

Sau khi tải ứng dụng:

- Thực hiện cài đặt ứng dụng trên điện thoại.
- Khởi động ứng dụng, đăng ký tài khoản bằng số điện thoại di động đang sử dụng.
- Đăng nhập ví Zalopay.

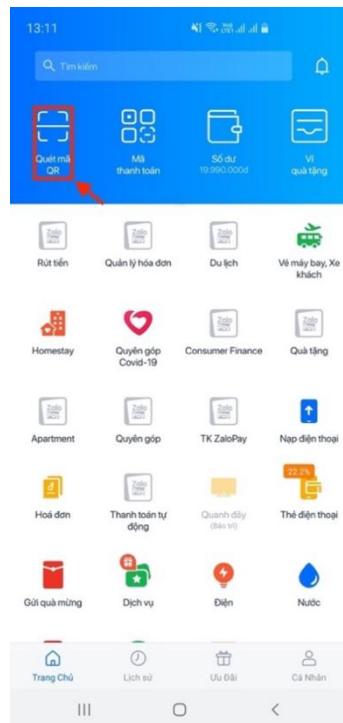
Nạp tiền vào tài khoản ví Zalopay vừa đăng ký tại đây:



<https://docs.zalopay.vn/start/#A-II>

17.3 Sử dụng ứng dụng ZaloPay (bản Sandbox) quét QR để thanh toán

Bước 1: Đăng nhập ví Zalopay và mở tính năng quét mã QR:

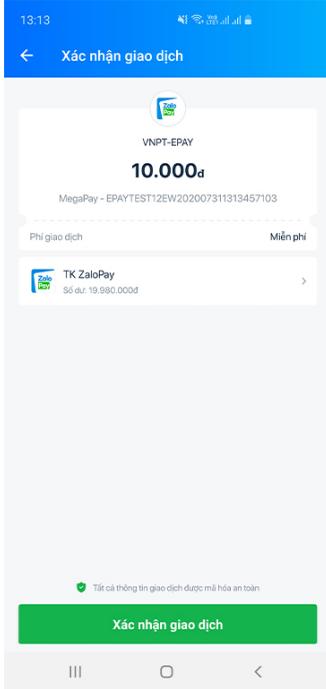


Bước 2: Dưa camera điện thoại lên để thực hiện quét mã QR đang hiển thị trên màn hình thanh toán(màn hình số 2 ở mục 14.1). Sau đó thực hiện nốt các bước xác thực thanh toán theo yêu cầu của ví Zalopay để hoàn tất thanh toán:

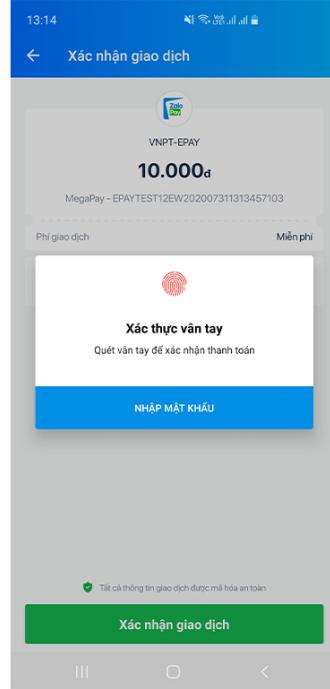


VNPT EPAY

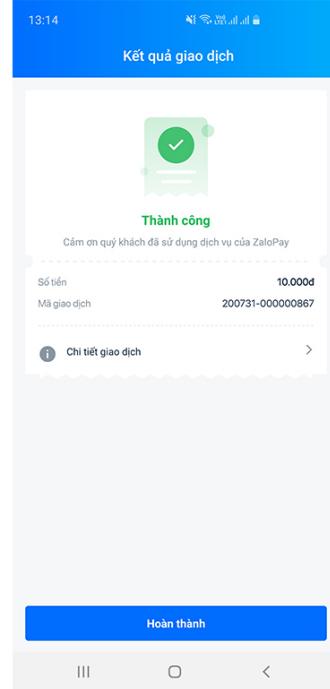
B1: Xác nhận giao dịch sau khi quét QR



B2: Nhập mật khẩu hoặc xác thực vân tay

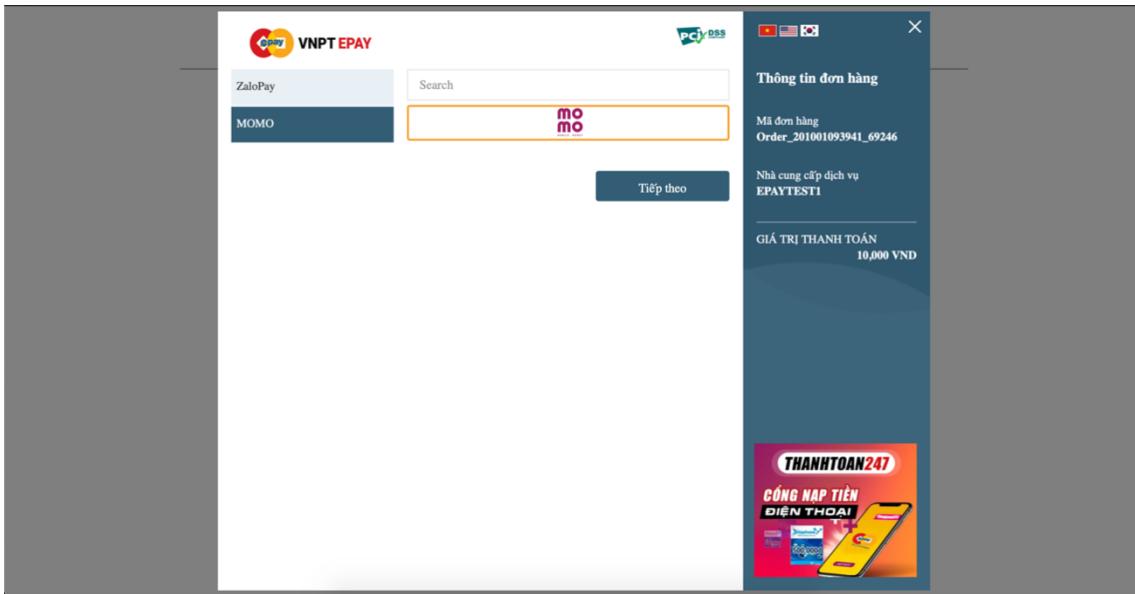


B3: Hoàn thành giao dịch



18 Hướng dẫn thanh toán Momo

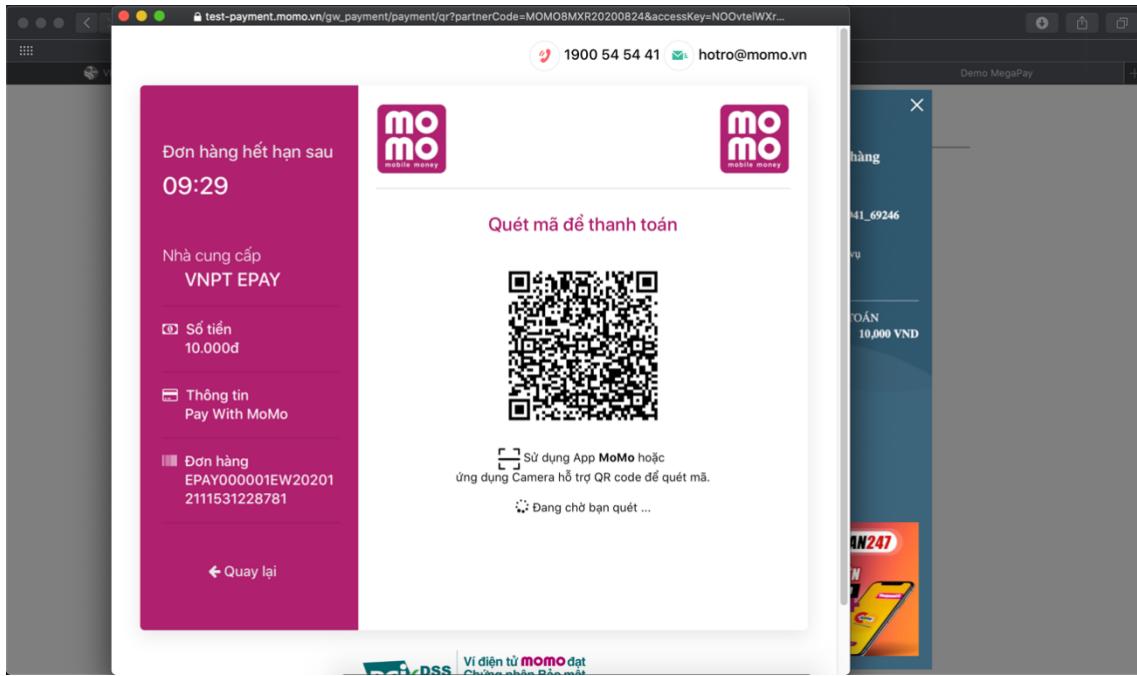
18.1 Màn hình thanh toán



Màn hình chọn phương thức.



VNPT EPAY



Màn hình quét QR code.

18.2 Tải ứng dụng Ví Momo (bản sandbox)

Tải ứng dụng Momo (bản Sandbox) tại đây: <https://test-payment.momo.vn/download/>

IOS: Cần phải trust ứng dụng: Settings > General > Profies & Device Management > Trust MoMo App.

Sau khi tải ứng dụng:

- Thực hiện cài đặt ứng dụng trên điện thoại.
- Khởi động ứng dụng, đăng nhập tài khoản bằng 1 trong những số điện thoại di động dưới đây.
 - 0917003003, 0917030000, 0917030003, 0917030030, 0917030300, 0917300300
 - Mật khẩu: 000000
 - Mã xác thực (OTP): 000000

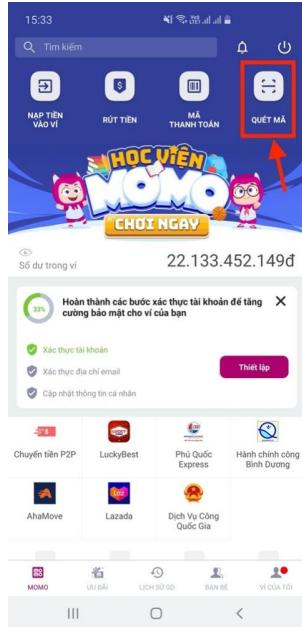
Đăng nhập ví Momo.

18.3 Sử dụng ứng dụng Ví Momo (bản Sandbox) quét QR để thanh toán

Bước 1: Đăng nhập ví Momo và mở tính năng quét mã QR:

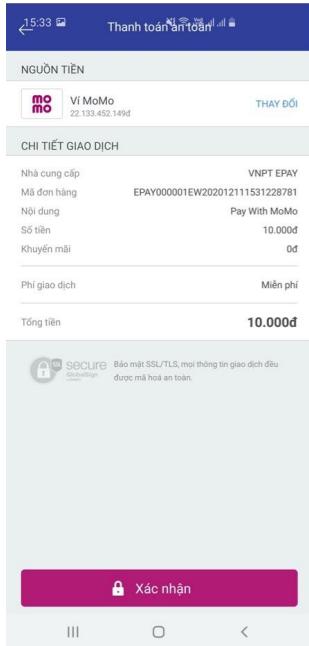


VNPT EPAY

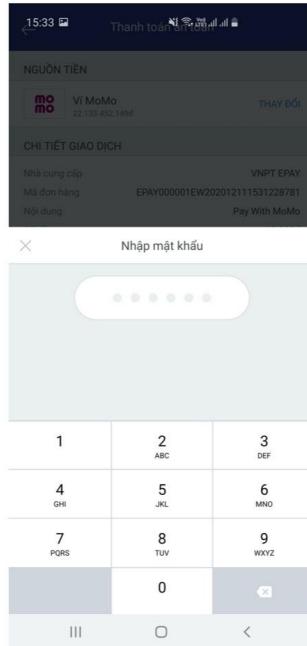


Bước 2: Đưa camera điện thoại lên để thực hiện quét mã QR đang hiển thị trên màn hình thanh toán(màn hình số 2 ở mục 15.1). Sau đó thực hiện nốt các bước xác thực thanh toán theo yêu cầu của ví Momo để hoàn tất thanh toán:

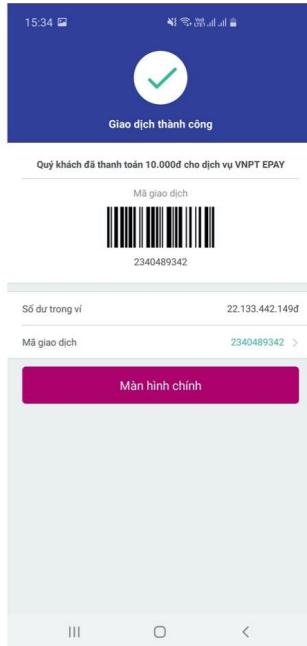
B1: Xác nhận giao dịch sau khi quét QR



B2: Nhập mật khẩu hoặc xác thực vân tay



B3: Hoàn thành giao dịch





VNPT EPAY

19 Hướng dẫn thanh toán Moca

19.1 Màn hình thanh toán

The screenshot shows the VNPT EPAY payment interface. On the left, there's a sidebar with various payment methods: Thẻ ATM, napas, Thẻ Tín Dụng (with VISA and MasterCard icons), ZaloPay, MOMO, Moca trên Grab (selected), Chuyển khoản (with a bank transfer icon), and Trả góp (with a calendar icon). A search bar is at the top. In the center, there's a large orange button labeled "moca" and "Grab". To the right, a red panel displays "Thông tin đơn hàng" (Order Information) with fields for Mã đơn hàng (OrdNo20217121224896), Nhà cung cấp dịch vụ (EPAYTEST1), and GIÁ TRỊ THANH TOÁN (10,000 VNĐ). A PCI DSS Certified logo is visible at the top right.

The screenshot shows a QR code payment interface from the Moca app. It features a QR code with the amount 10,000đ. Below the QR code, it says "VNPT-Epay". To the right, there's a "Hủy thanh toán" (Cancel payment) button. Below that, it says "Quét mã QR bằng ứng dụng Grab hoặc ứng dụng Moca." (Scan QR code using the Grab or Moca app.). There are three steps: "Bước 1: Mở ứng dụng Grab hoặc ứng dụng Moca trên thiết bị di động.", "Bước 2: Nhập vào biểu tượng quét mã trên trang chủ.", and "Bước 3: Sử dụng trình quét mã để quét mã QR.". At the bottom, it says "Hãy chắc rằng bạn đã cập nhật phiên bản mới nhất của ứng dụng." (Make sure you have the latest version of the app.).

The screenshot shows the VNPT EPAY Payment API interface. It displays a "Payment Request Sample Section" with the same order information as the previous screen: Mã đơn hàng (OrdNo20217122523221), Nhà cung cấp dịch vụ (EPAYTEST1), and GIÁ TRỊ THANH TOÁN (10,000 VNĐ). The "Payment" tab is selected. A progress bar indicates the process is in progress.

19.2 Tải ứng dụng Grab để thanh toán Moca (bản sandbox)

Tải ứng dụng Grab (bản Sandbox) chỉ dành cho android tại đây

https://drive.google.com/file/d/1wMyKKFmHFYSPymnj_JyJzORPIFEt0NQU/view?usp=sharing



VNPT EPAY

Bạn vui lòng gửi số điện thoại cho team để kích hoạt tài khoản đăng nhập.

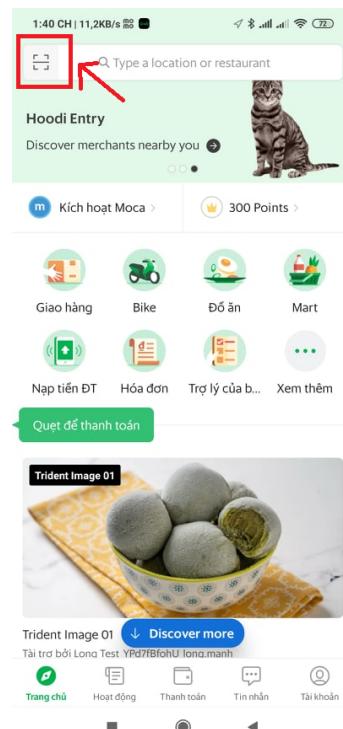
Sau khi tải ứng dụng:

- Thực hiện cài đặt ứng dụng trên điện thoại.
- Khởi động ứng dụng, đăng nhập tài khoản bằng số điện thoại đã gửi.

Đăng nhập ví Moca.

19.3 Sử dụng ứng dụng Ví Moca (bản Sandbox) quét QR để thanh toán

Bước 1: Đăng nhập ví Moca và mở tính năng quét mã QR:





VNPT EPAY

Bước 2: Đưa camera điện thoại lên để thực hiện quét mã QR đang hiển thị trên màn hình thanh toán(màn hình số 2 ở mục 16.1). Sau đó thực hiện nốt các bước xác thực thanh toán theo yêu cầu của ví Moca để hoàn tất thanh toán:

13:32 4. 1. • Ep 4% 83%

Ví điện tử
moca

Xin chào, Qa.

Vui lòng xác nhận các thông tin sau để hoàn tất thanh toán

VNPT-Epay

Thanh toán

Tổng cộng 10.000 ₫

Thanh toán qua

Moca wallet 2.994.000 ₫

Bằng cách tiếp tục, bạn đã đọc và đồng ý với [Điều khoản](#) và [điều kiện](#) của Moca.

Xác nhận

Hủy

13:32 4. 1. • Ep 4% 83%



Để hoàn tất thanh toán, vui lòng
quay về lại VNPT-Epay

Quay lại trang thanh toán của cửa
hàng để tiếp tục hoặc giao dịch sẽ
thất bại.

OK



VNPT EPAY

20 Hướng dẫn thanh toán VNPAYQR

20.1 Màn hình thanh toán

The screenshot shows the VNPT EPAY payment interface. On the left, a sidebar lists various payment methods: ATM Card (napas), Visa/master/JCB (VISA, MasterCard), ZaloPay, MOMO, Moca on Grab (moca, Grab), Bank Transfer, Installment, and QR PAY (VNPayQR). The 'QR PAY' option is highlighted with a red background. In the center, there is a large 'VNPayQR' logo with a blue and red design. To the right, a 'Purchase Information' panel displays the following details:

| Purchase Information | |
|----------------------|--------------------|
| Order Number | OrdNo2022162110690 |
| Merchant | EPAYTEST1 |
| Product price | 10.000 vnđ |
| Payment fee | 1.000 vnđ |
| TOTAL | 11.000 VNĐ |



VNPT EPAY

The screenshot shows the VNPay QR payment interface. On the left, there's a sidebar with payment method icons: ATM Card, napas, Visa/master/JCB, ZaloPay, MOMO, Moca on Grab, Bank Transfer, Installment, QRPAY, and a large red QRPay button. In the center, a large QR code is displayed with the VNPay QR logo above it. Below the QR code are a 'Save' button and a link to 'QR payment guideline'. A red text 'Order expires in 29:46' is shown. To the right, a vertical panel titled 'Purchase Information' displays the following details:

| Purchase Information | |
|----------------------|--------------------|
| Order Number | OrdNo2022162110690 |
| Merchant | EPAYTEST1 |
| Product price | 10.000 vnđ |
| Payment fee | 1.000 vnđ |
| TOTAL | 11.000 VNĐ |

At the bottom of the central panel, there's a note: 'This order will be canceled unless a transfer is made to the account above with the exact amount by the expiration date and time to complete the order.'

20.2 Tải ứng dụng MSB mBank để thanh toán VNPayQR (bản sandbox)

Tải ứng dụng MSB mBank (bản Sandbox) liên hệ với nhân viên hỗ trợ tích hợp

Sau khi tải ứng dụng:

- Thực hiện cài đặt ứng dụng trên điện thoại.
- Khởi động ứng dụng, đăng nhập tài khoản với thông tin:
 - + User: 0984470410, 0332032001, 0332032002, 0332032003
 - + Pass 111111
 - + Otp 11111111
 - + Nhập Mã PIN: Do người dùng tự cấu hình xác thực

Đăng nhập ứng dụng MSB mBank



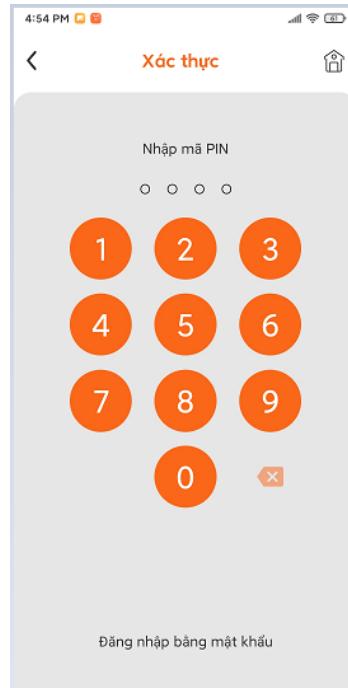
VNPT EPAY

20.3 Sử dụng ứng dụng MSB mBank (bản Sandbox) quét QR để thanh toán

Bước 1: Đăng nhập MSB mBank và mở tính năng quét mã QR:



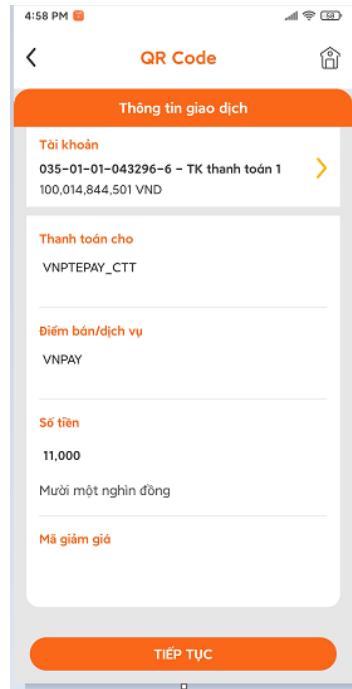
Bước 2: Nhập mã PIN xác nhận đã cấu hình trước khi đăng nhập.





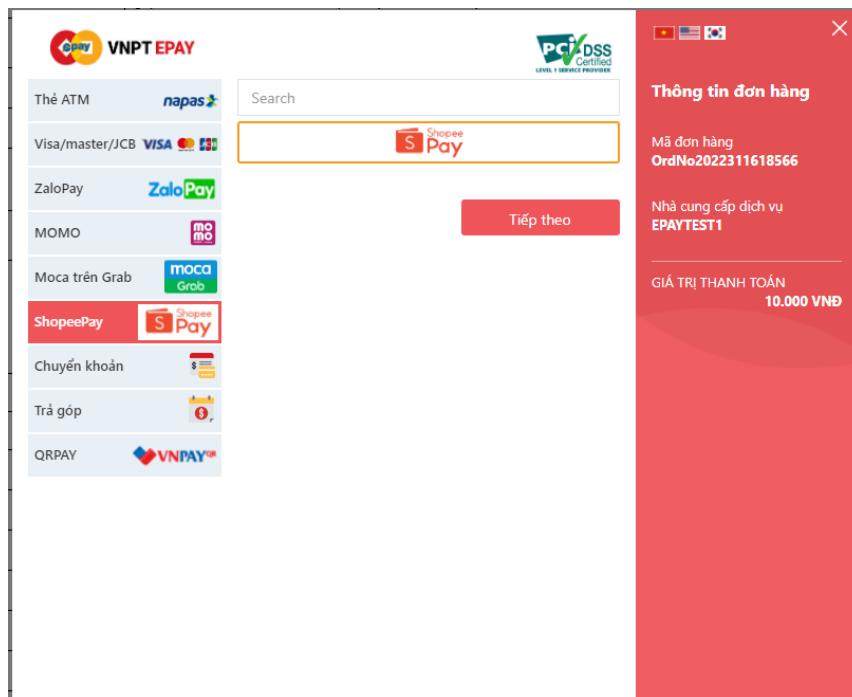
VNPT EPAY

Bước 3: Đưa camera điện thoại lên để thực hiện quét mã QR đang hiển thị trên màn hình thanh toán. Sau đó thực hiện nốt các bước xác thực thanh toán theo yêu cầu của MSB mBank để hoàn tất thanh toán:



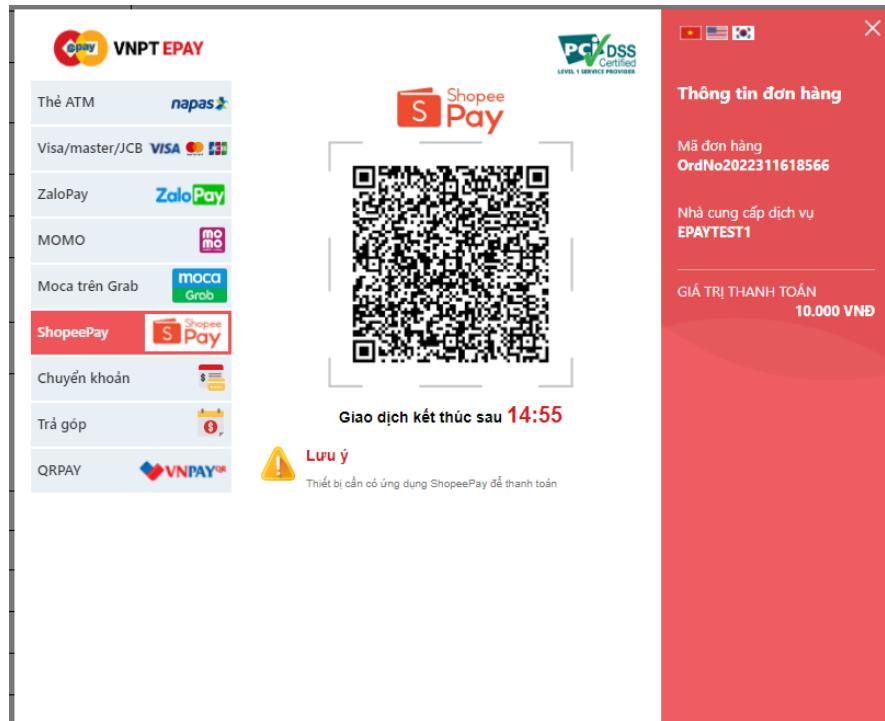
21 Hướng dẫn thanh toán Shopeepay

21.1 Màn hình thanh toán





VNPT EPAY



21.2 Tải ứng dụng Shopeepay (bản sandbox)

Tải ứng dụng Shopeepay (bản Sandbox) chỉ dành cho android tại đây

Android: <https://i.diawi.com/PsnFRD>

iOS: <https://i.diawi.com/jxL7Mx>

Sau khi tải app về thì thực hiện cài đặt, và login bằng 1 trong các số điện thoại sau:

Số điện thoại: 0971111111, 0922777777, 0933888888, 0933777777, 0933666666

Mật khẩu: 135790

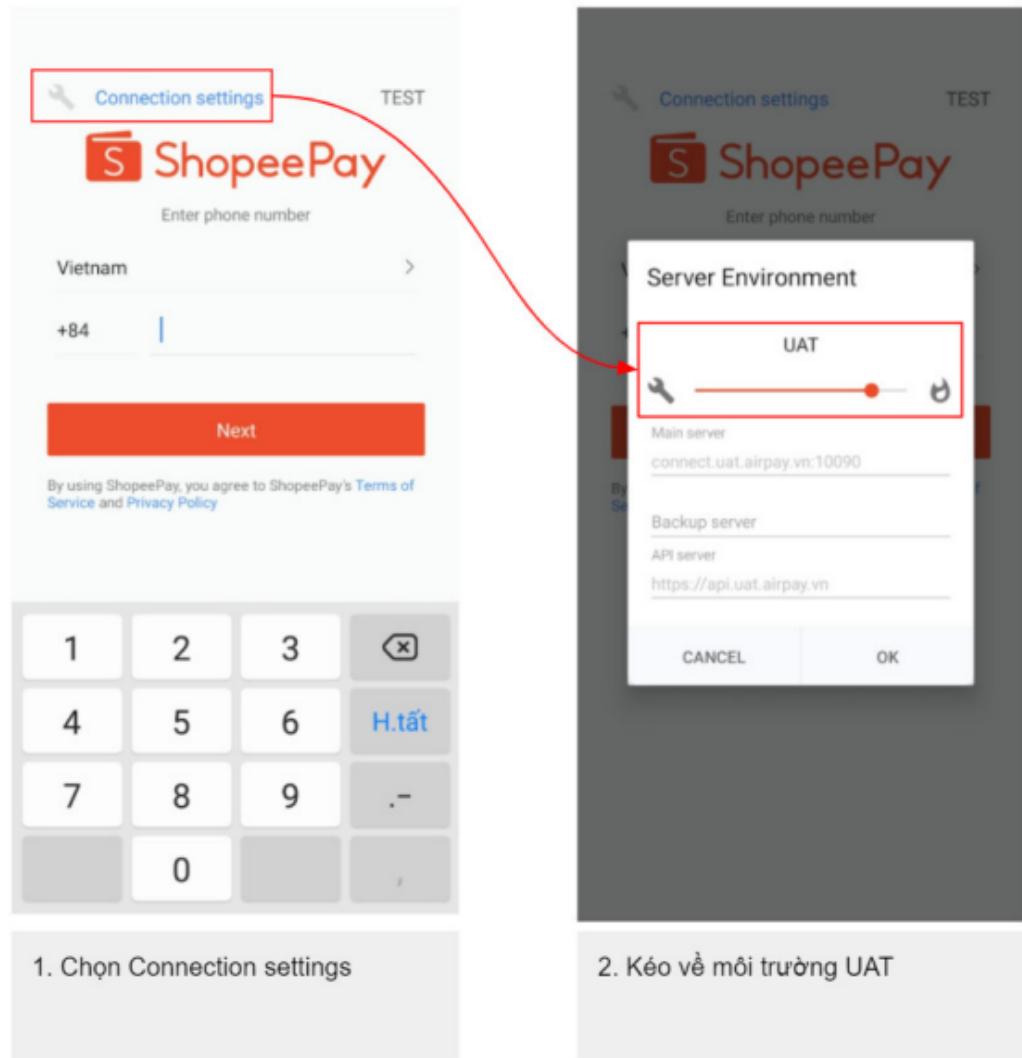
OTP: 111111

Khi login vào tài khoản do phía ShopeePay cung cấp, bạn cần làm theo hướng dẫn sau để vào được môi trường UAT:

- Với Android

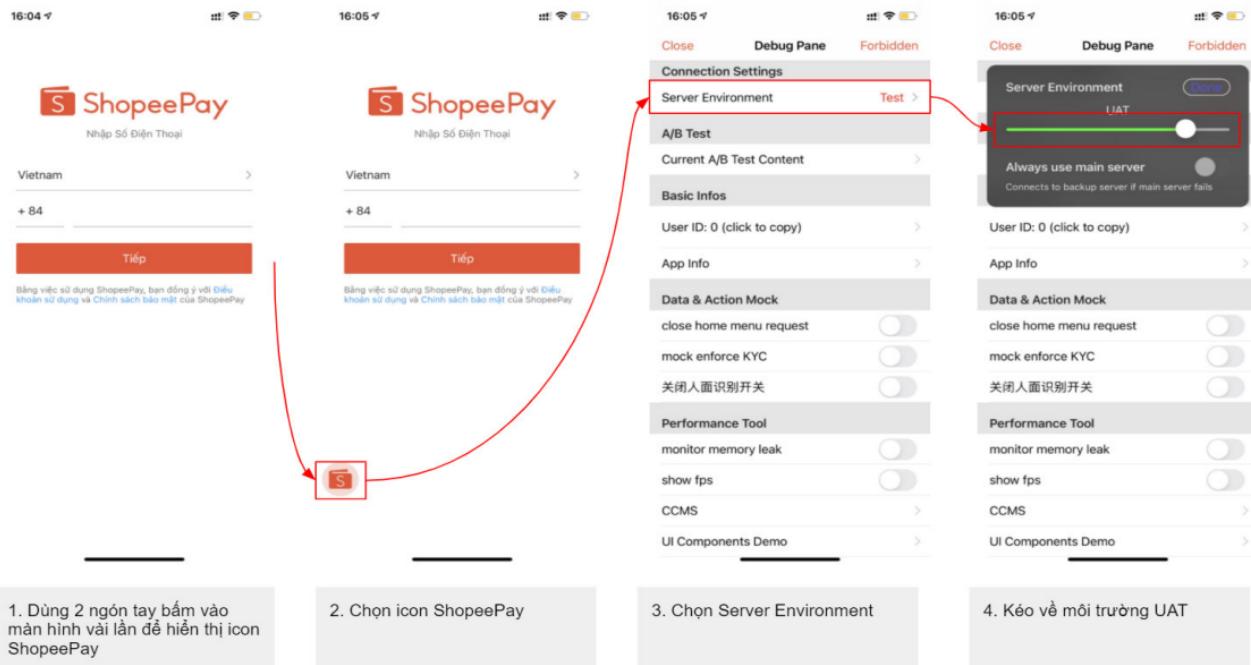


VNPT EPAY



- +) Bước 1: Chọn Connection settings
- +) Bước 2: Kéo về môi trường UAT

- Với iOS:

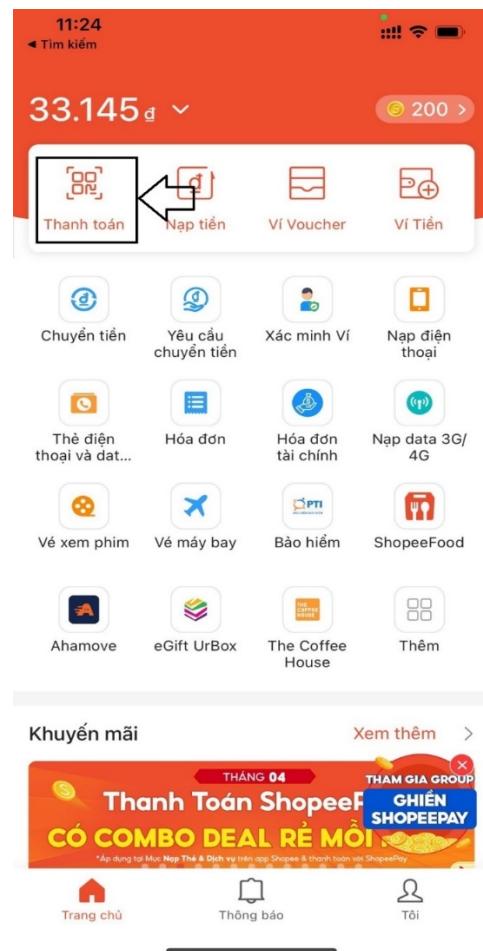


- +) Bước 1: Dùng 2 ngón tay bấm vào màn hình vài lần để hiển thị icon Shopeepay
- +) Bước 2: Chọn icon Shopeepay
- +) Bước 3: Chọn server Environment
- +) Bước 4: Kéo về môi trường UAT

21.3 Sử dụng ứng dụng Ví ShopeePay (bản Sandbox) để thanh toán trên PC



VNPT EPAY



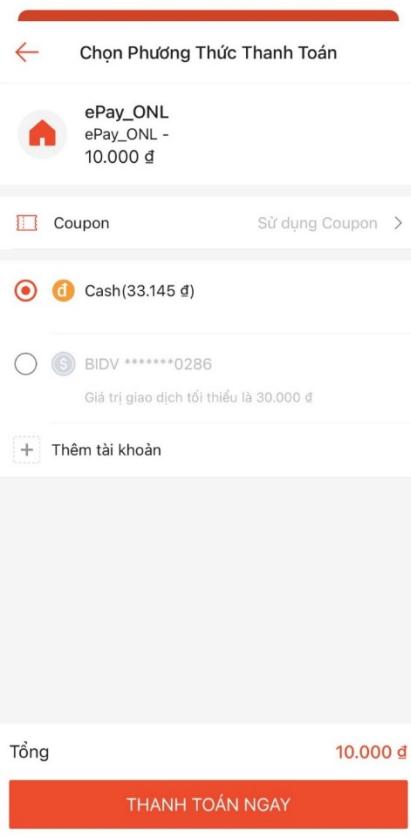
Bước 1: Đăng nhập ví ShopeePay và mở tính năng quét mã QR:



VNPT EPAY

Bước 2: Đưa camera điện thoại lên để thực hiện quét mã QR đang hiển thị trên màn hình thanh toán ở web PC

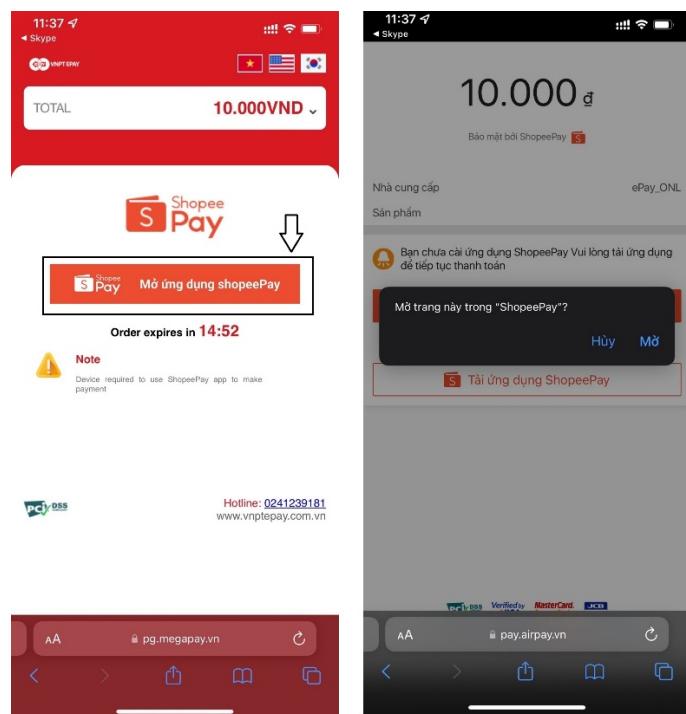
Sau đó thực hiện nốt các bước xác thực thanh toán theo yêu cầu của ví Shopeepay để hoàn tất thanh toán:



21.4 Sử dụng ứng dụng Ví ShopeePay (bản Sandbox) để thanh toán trên app mobile

Bước 1: Sau khi chọn thanh toán bằng ShopeePay ở MGP sẽ show màn hình này.

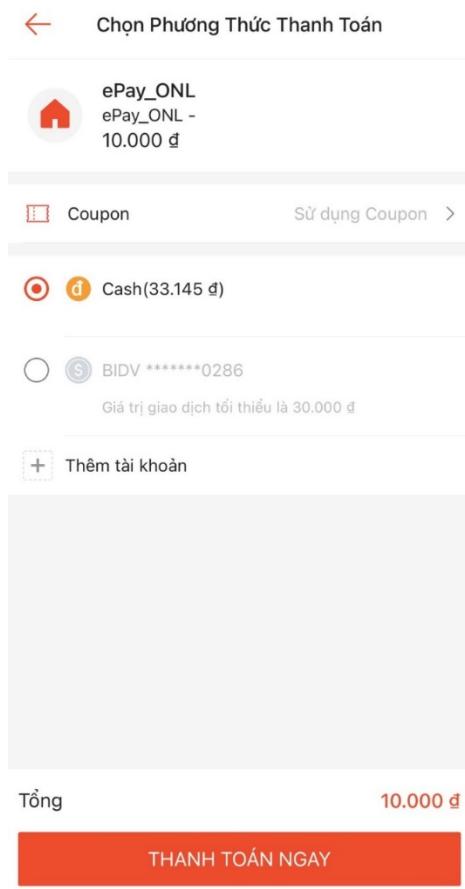
Tại màn hình này click vào “Mở ứng dụng ShopeePay” và đồng ý mở ứng dụng shopeePay





VNPT EPAY

Bước 2: Sau đó thực hiện nốt các bước xác thực thanh toán theo yêu cầu của ví Shopeepay để hoàn tất thanh toán:

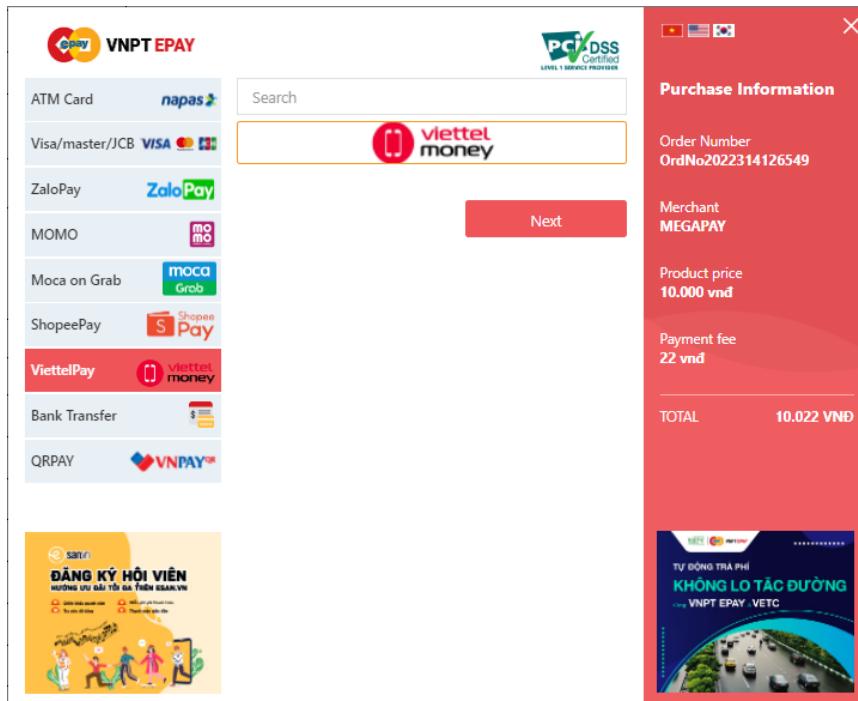




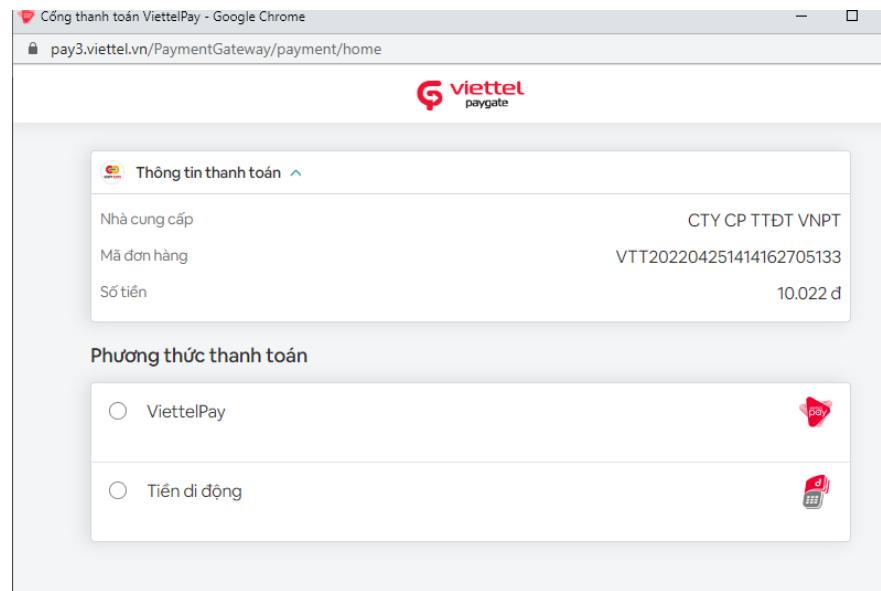
VNPT EPAY

22 Hướng dẫn thanh toán ViettelPay

22.1 Màn hình thanh toán



Click vào button ‘Next’





VNPT EPAY

- Chọn nguồn tiền cần thanh toán
 - Sau đó nhập account thanh toán
- Ví dụ ở môi trường sandbox dùng account sau:

| User | Pass |
|------------|--------|
| 0983725525 | 111111 |

pay3.viettel.vn/PaymentGateway/payment/home

viettel
paygate

Thông tin thanh toán ▾

| | |
|--------------|--------------------------|
| Nhà cung cấp | CTY CP TTĐT VNPT |
| Mã đơn hàng | VTT202204251414162705133 |
| Số tiền | 10.022 đ |

Phương thức thanh toán

ViettelPay

Vui lòng đăng nhập bằng tài khoản Viettel Money để tiếp tục thanh toán.

Số điện thoại _____

Mật khẩu _____

Đăng nhập

Tiền di động